



KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)  
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC – ĐẬU THỊ HUẾ  
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập

# TOÁN



TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)  
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC – ĐẬU THỊ HUẾ  
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

**Vở bài tập**

# TOÁN

4

*Chân trời sáng tạo* Tập hai

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



## Lời nói đầu

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến.

Để củng cố và rèn luyện các kiến thức, kỹ năng; phát triển năng lực toán học cũng như các phẩm chất cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhóm tác giả **Chân trời sáng tạo** trân trọng giới thiệu bộ sách **VỞ BÀI TẬP TOÁN** dùng cho cấp Tiểu học.

Bộ sách gồm 10 tập, tương ứng với mỗi lớp 2 tập. Trong mỗi tập sách, các nội dung được giới thiệu theo trình tự sách giáo khoa Toán Tiểu học với hệ thống bài tập tự luận, trắc nghiệm đa dạng và phong phú.

Bộ sách này có thể coi như nguồn tư liệu trong quá trình dạy học.

Học sinh có thể dùng **VỞ BÀI TẬP TOÁN** ngay trong buổi học thứ nhất, đặc biệt hữu ích trong các giờ tự học.

Với những tình huống và hình vẽ vui nhộn, gần gũi với cuộc sống, bộ sách tạo điều kiện để học sinh tương tác với sách qua nhiều hình thức (viết, vẽ, tô màu, ...), chúng tôi hi vọng bộ sách này thực sự mang đến niềm vui cho các em khi học toán.





# MỤC LỤC

|                                                                   |          |
|-------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>3. Các phép tính với số tự nhiên</b>                           | <b>6</b> |
| Bài 40. Phép cộng các số tự nhiên                                 | 7        |
| Bài 41. Phép trừ các số tự nhiên                                  | 10       |
| Bài 42. Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó            | 13       |
| Bài 43. Em làm được những gì?                                     | 16       |
| Bài 44. Nhân với số có một chữ số                                 | 18       |
| Bài 45. Nhân với 10, 100, 1 000, ... Chia cho 10, 100, 1 000, ... | 20       |
| Bài 46. Nhân các số có tận cùng là chữ số 0                       | 22       |
| Bài 47. Nhân với số có hai chữ số                                 | 23       |
| Bài 48. Em làm được những gì?                                     | 25       |
| Bài 49. Chia cho số có một chữ số                                 | 27       |
| Bài 50. Chia hai số có tận cùng là chữ số 0                       | 28       |
| Bài 51. Ước lượng thương trong phép chia                          | 29       |
| Bài 52. Chia cho số có hai chữ số                                 | 31       |
| Bài 53. Em làm được những gì?                                     | 35       |
| Bài 54. Hình bình hành                                            | 37       |
| Bài 55. Hình thoi                                                 | 39       |
| Bài 56. Xếp hình, vẽ hình                                         | 41       |
| Bài 57. Mi-li-mét vuông                                           | 44       |
| Bài 58. Em làm được những gì?                                     | 47       |
| Bài 59. Thực hành và trải nghiệm                                  | 50       |

|                                          |           |
|------------------------------------------|-----------|
| <b>4. Phân số</b>                        | <b>52</b> |
| Bài 60. Phân số                          | 53        |
| Bài 61. Phân số và phép chia số tự nhiên | 55        |
| Bài 62. Phân số bằng nhau                | 58        |
| Bài 63. Rút gọn phân số                  | 60        |
| Bài 64. Em làm được những gì?            | 62        |
| Bài 65. Quy đồng mẫu số các phân số      | 64        |
| Bài 66. So sánh hai phân số              | 66        |
| Bài 67. Em làm được những gì?            | 68        |
| Bài 68. Cộng hai phân số cùng mẫu số     | 70        |
| Bài 69. Cộng hai phân số khác mẫu số     | 71        |
| Bài 70. Em làm được những gì?            | 73        |
| Bài 71. Trừ hai phân số cùng mẫu số      | 75        |
| Bài 72. Trừ hai phân số khác mẫu số      | 77        |
| Bài 73. Em làm được những gì?            | 79        |
| Bài 74. Phép nhân phân số                | 81        |
| Bài 75. Phép chia phân số                | 84        |
| Bài 76. Tìm phân số của một số           | 86        |
| Bài 77. Em làm được những gì?            | 89        |
| Bài 78. Ôn tập cuối năm                  | 92        |
| Bài 79. Thực hành và trải nghiệm         | 106       |

### 3. CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN





Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK rồi viết phép tính để tìm số con bò sữa của cả ba địa phương.



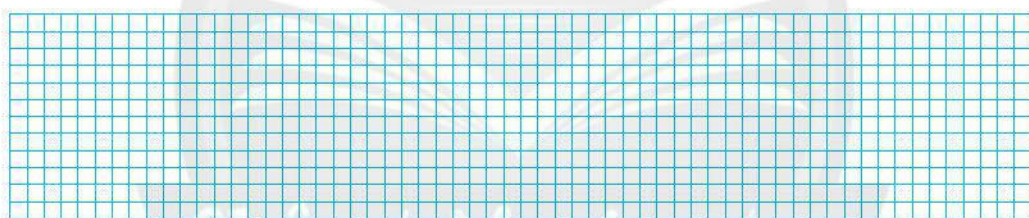
Thực hiện phép cộng.

$$\begin{array}{r} 156\,482 \\ + \\ 26\,156 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$$

**1** Đặt tính rồi tính.

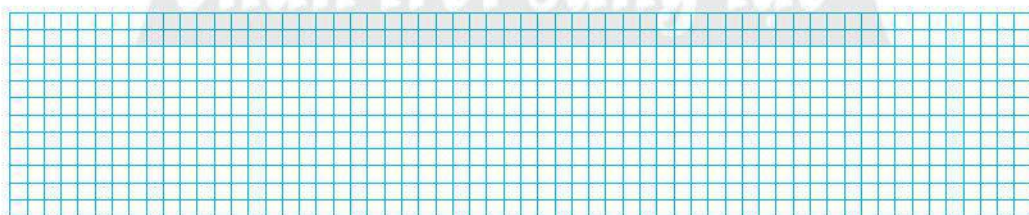
a)  $822\,305 + 143\,484$

b)  $723\,575 + 823\,918$



c)  $6394814 + 102\,043$

d)  $29\,126\,524 + 3310\,662$



**2** Tính nhẩm.

a)  $5\,000 + 6\,000 + 5\,000 = \dots\dots\dots$

b)  $90\,000 + 80\,000 + 20\,000 = \dots\dots\dots$

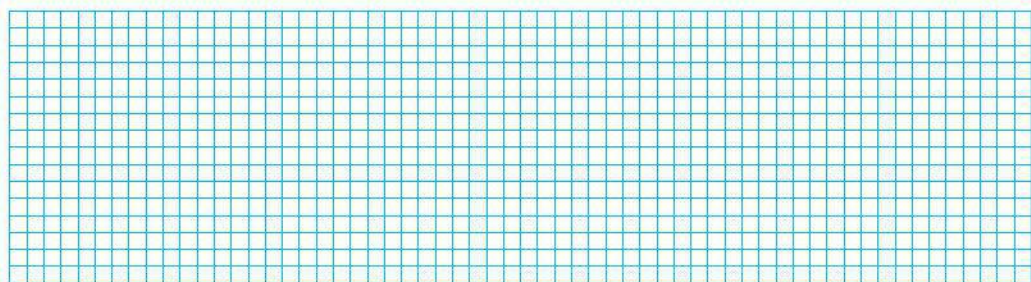
c)  $4\,000 + 60\,000 + 6\,000 = \dots\dots\dots$

d)  $20\,000 + 10\,000 + 80\,000 + 90\,000 = \dots\dots\dots$

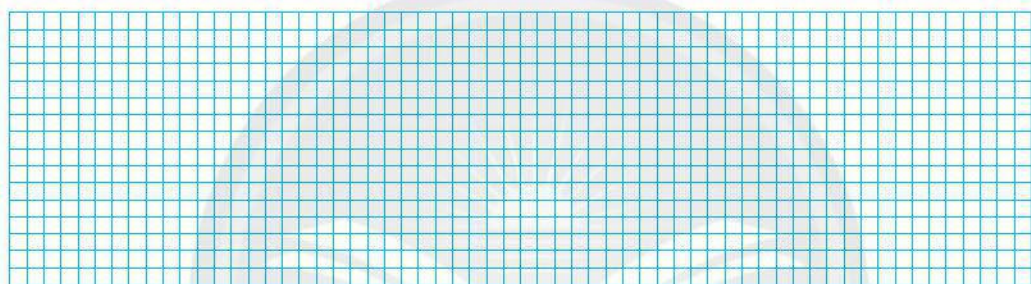


**1** Tính bằng cách thuận tiện.

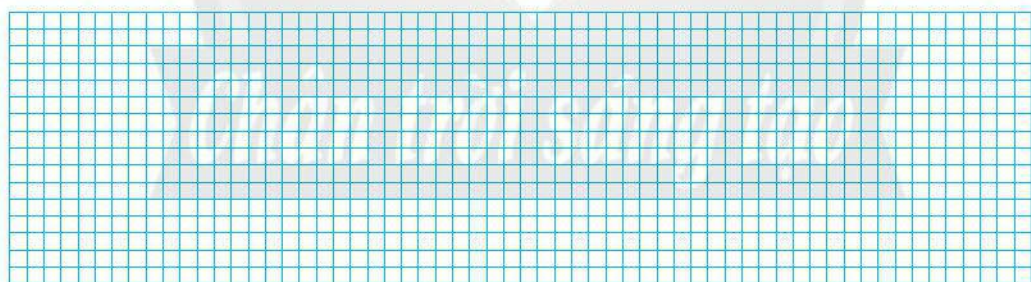
a)  $350\,000 + 470\,000 + 150\,000 + 30\,000$



b)  $280\,000 + 640\,000 + 360\,000 + 720\,000$



c)  $590\,000 + 19\,000 + 81\,000 + 410\,000$



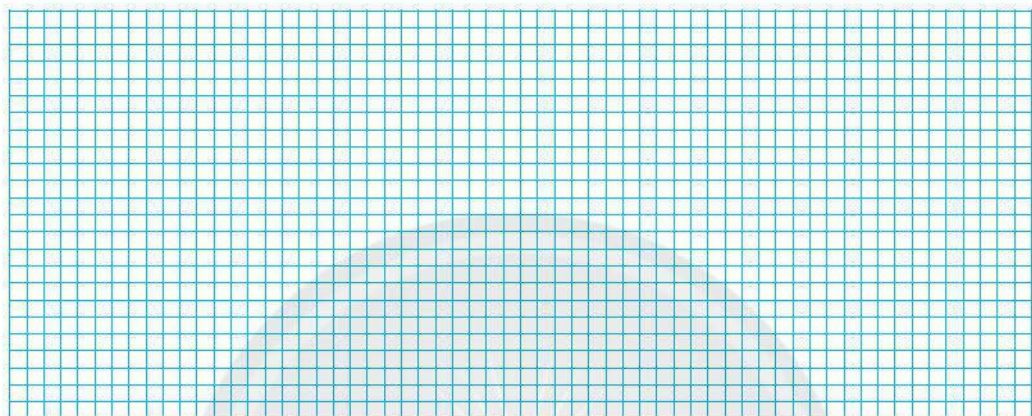
**2** Số?

a) ..... -  $4800\,000 = 5\,000\,000$

b) ..... -  $700\,000 = 7\,300\,000$

- 3 Trong một năm, trang trại Sữa Xanh đã dùng 240 000 tấn rơm; trang trại Sữa Hồng dùng nhiều hơn trang trại Sữa Xanh là 12 000 tấn. Hỏi trong một năm cả hai trang trại đã dùng hết bao nhiêu tấn rơm?

Bài giải



Cho biết:

- Tổng số bò sữa của Hà Nội và Lâm Đồng là 39 853 con.
  - Tổng số bò sữa của Lâm Đồng và Thanh Hoá là 36 175 con.
- Nối tên các tỉnh, thành với số lượng bò sữa thích hợp.

Hà Nội

24 410 con

Lâm Đồng

15 443 con

Thanh Hoá

11 765 con




$$\begin{array}{r} 861\,216 \\ - \\ 328\,130 \\ \hline \end{array}$$

b)  $875168 - 684352$

A large sheet of graph paper with a grid of small squares. The grid is composed of 20 columns and 15 rows of squares. The lines are thin and light blue. The paper is slightly wrinkled and has a light beige background.

d)  $37\,159\,645 - 2\,613\,914$

d)  $400\,000 + (90\,000 - 60\,000 - 30\,000) = \dots\dots\dots$

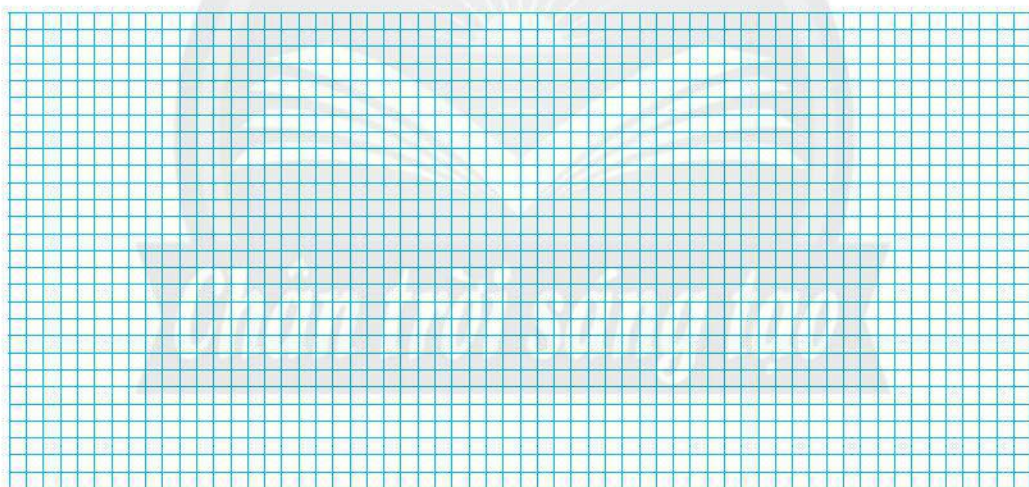


# 1 Số?

|           |         |         |         |
|-----------|---------|---------|---------|
| Số bị trừ | 672 918 | .....   | 528 661 |
| Số trừ    | 461 705 | 32 938  | .....   |
| Hiệu      | .....   | 495 723 | 495 723 |

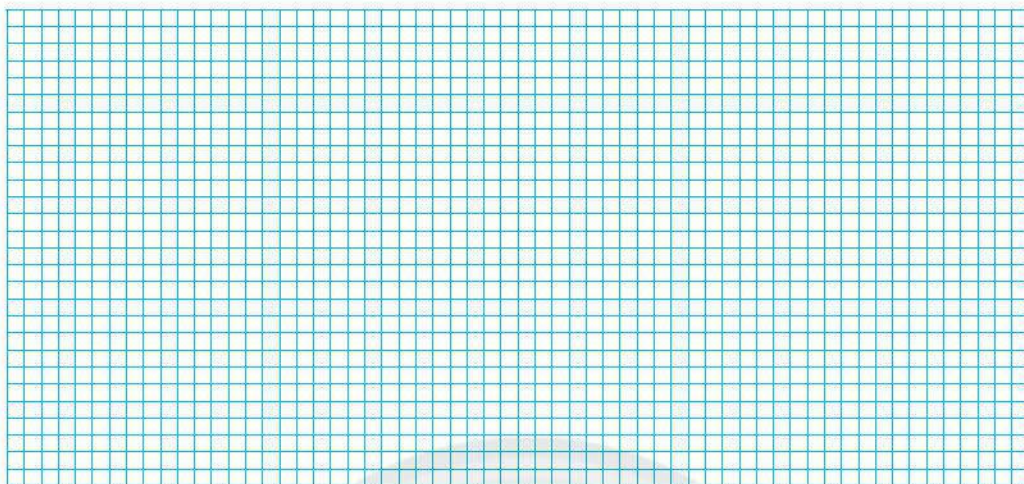
- 2 Bố và mẹ, mỗi người mang 500 000 đồng để mua đồ dùng cho gia đình. Bố mua hết 420 000 đồng, mẹ mua hết 390 000 đồng. Hỏi ai còn lại nhiều tiền hơn?

Bài giải



- 3 Trong năm 2021, số lượt khách nội địa tham quan, nghỉ dưỡng tại Đà Lạt là 1 953 000 lượt, nhiều hơn số lượt khách quốc tế 1 336 000 lượt. Hỏi số lượt khách đến tham quan, nghỉ dưỡng tại Đà Lạt năm 2021 là bao nhiêu?

## Bài giải



Đà Lạt



Điền chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad 8.74.2 \\ + \quad .3.64. \\ \hline 1678.61 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b)} \quad 25.137 \\ - \quad 620.4 \\ \hline 1.5.1. \end{array}$$

# TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

Đọc nội dung phần Khởi động trong SGK và thảo luận cách tìm số viên bi của mỗi người.

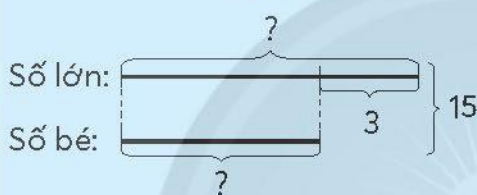
Viết vào chỗ chấm.

Em được ..... viên bi, chị được ..... viên bi.

## Bài toán:

Tổng của hai số là 15, hiệu của hai số đó là 3. Tìm hai số đó.

### Cách 1



Bài giải

Số bé là:

$$(15 - 3) : 2 = \dots\dots\dots$$

Số lớn là:

.....

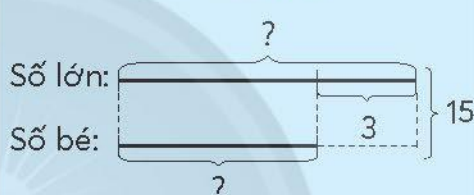
Đáp số: Số lớn: .....

Số bé: .....

$$\text{Số bé} = (\dots\dots\dots - \dots\dots\dots) : \dots$$

$$\text{Số lớn} = \dots\dots\dots + \dots\dots\dots$$

### Cách 2



Bài giải

Số lớn là:

.....

Số bé là:

.....

Đáp số: Số lớn: .....

Số bé: .....

$$\text{Số lớn} = (\dots\dots\dots + \dots\dots\dots) : \dots$$

$$\text{Số bé} = \dots\dots\dots - \dots\dots\dots$$

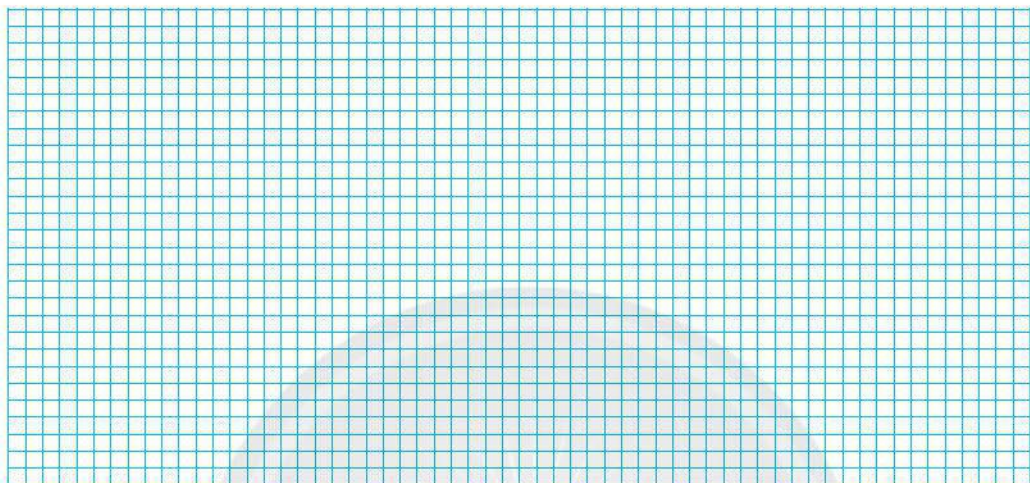
**1** Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó (theo mẫu).

|        |    |       |       |       |
|--------|----|-------|-------|-------|
| Tổng   | 42 | 135   | 2700  | 9     |
| Hiệu   | 12 | 15    | 700   | 9     |
| Số bé  | 15 | ..... | ..... | ..... |
| Số lớn | 27 | ..... | ..... | ..... |



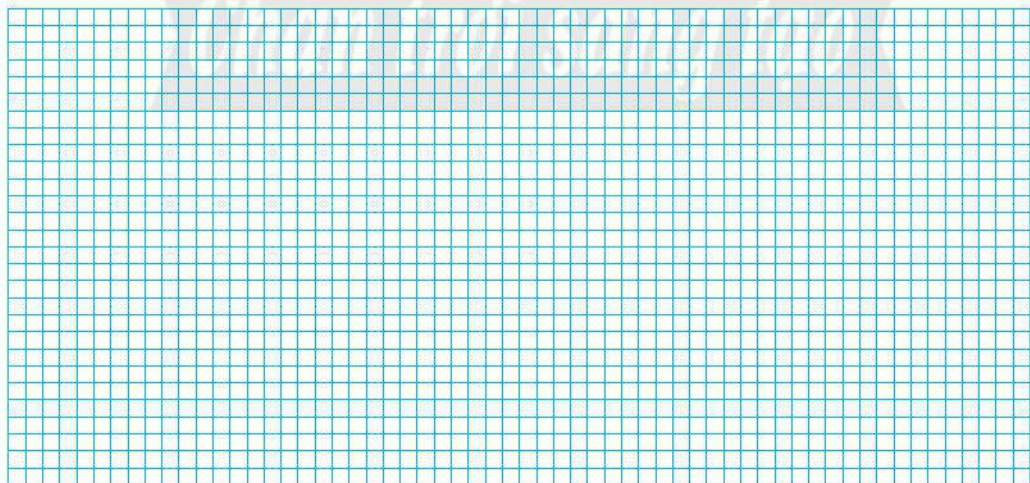
- 2** Lớp 4A có 35 bạn. Số bạn gái nhiều hơn số bạn trai là 1 bạn. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu bạn gái, bao nhiêu bạn trai?

Bài giải



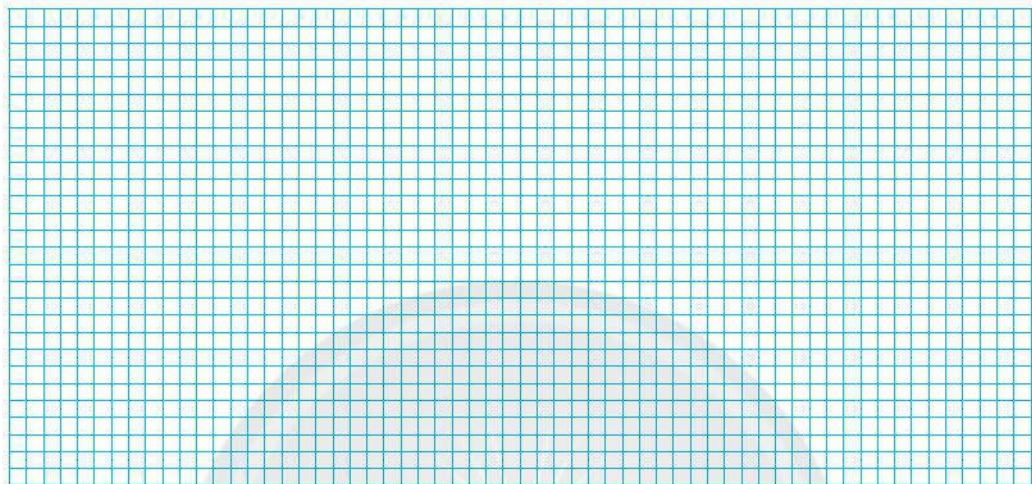
- 1** Tổ 1 và Tổ 2 thu hoạch được tất cả 65 kg rau. Số rau thu hoạch của Tổ 1 nhiều hơn Tổ 2 là 7 kg. Hỏi mỗi tổ thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau?

Bài giải



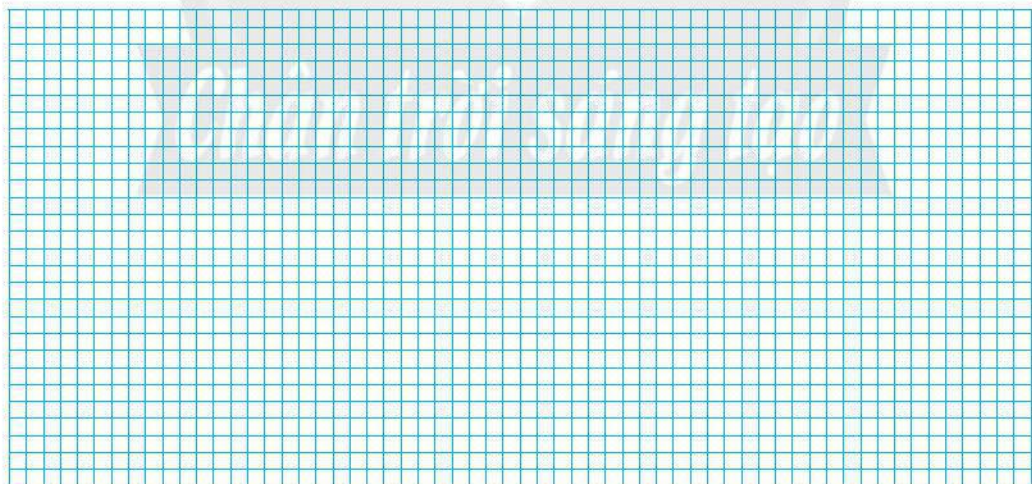
- 2 Khối lớp 4 và khối lớp 5 thu gom được tất cả 2 000 vỏ hộp để tái chế. Khối lớp 4 thu gom được ít hơn khối lớp 5 là 200 vỏ hộp. Hỏi mỗi khối lớp thu gom được bao nhiêu vỏ hộp?

Bài giải



- 3 Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi 172 m. Chiều dài hơn chiều rộng 22 m. Tính chiều dài và chiều rộng của khu vườn đó.

Bài giải



Đọc nội dung trong SGK và tính toán để tìm tuổi của ông.  
Số?

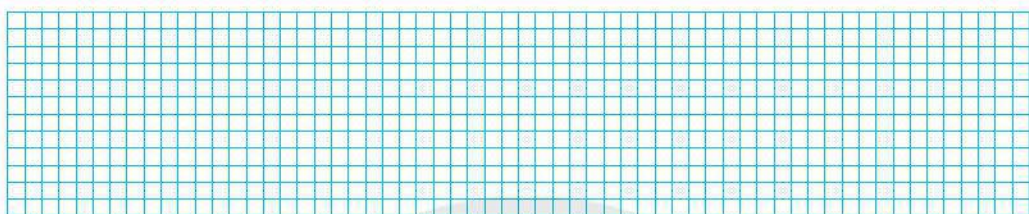
Ông ..... tuổi.



**1** Đặt tính rồi tính.

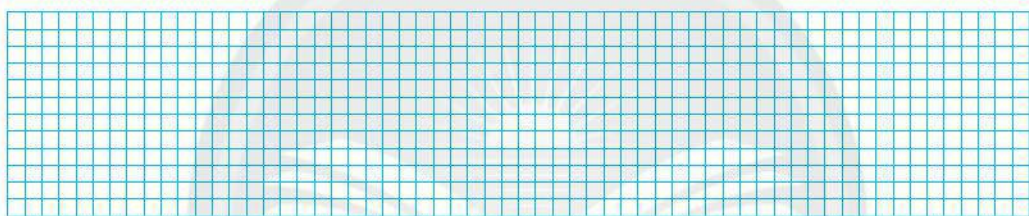
a)  $148\,213 + 401\,564$

$624\,175 + 459\,607$



b)  $624\,175 - 413\,061$

$4258\,179 - 809\,083$



**2** Nối giá trị phù hợp với mỗi biểu thức.

A  $1\,000\,000 + 70\,000 + 30\,000$

S  $1010\,000$

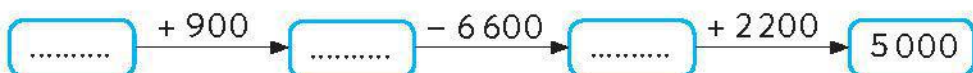
B  $1\,000\,000 + 700\,000 + 300\,000$

T  $1100\,000$

C  $1\,000\,000 + 7\,000 + 3\,000$

U  $2\,000\,000$

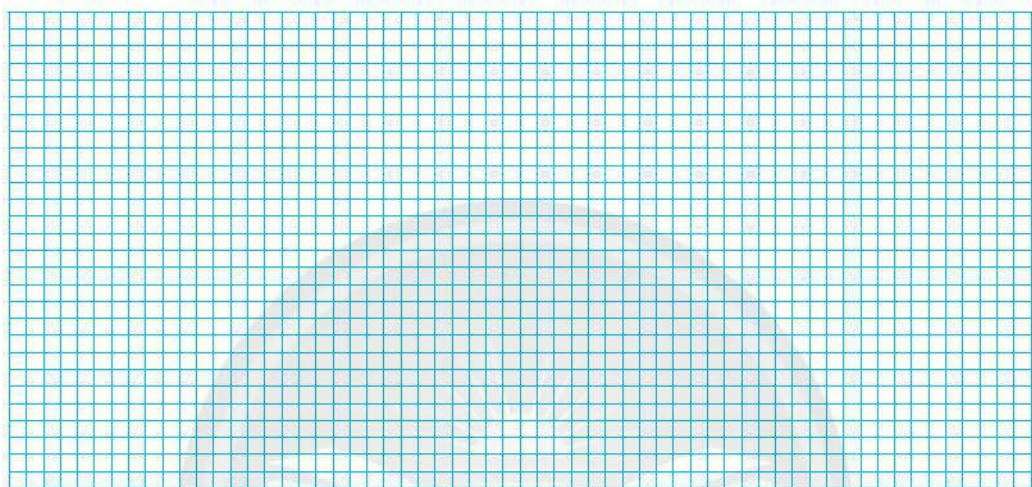
**3** Số?





- 4 Bác Hùng sơn một mặt của bức tường hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 2 m bằng hai màu: xanh và hồng. Diện tích tường màu xanh nhiều hơn diện tích tường màu hồng là  $6 \text{ m}^2$ . Tính diện tích tường theo mỗi màu.

Bài giải



### Trò chơi **Bin-gô**

- Mỗi học sinh một thẻ bin-gô có kẻ sẵn ô số.
- Giáo viên lần lượt đọc và viết các phép tính trên bảng (cộng, trừ các số tròn chục nghìn trong phạm vi 1 000 000, tìm thành phần chưa biết trong phép tính cộng, trừ).

Học sinh tính rồi khoanh vào số chỉ kết quả trên thẻ.

- Bạn nào khoanh đủ ba số theo một hàng (hàng dọc, hàng ngang hay hàng chéo) thì thắng cuộc và hô lớn: "Bin-gô!".

10 000 + 90 000

Bin-gô!

|         |        |         |        |         |         |
|---------|--------|---------|--------|---------|---------|
| 20 000  | 10 000 | 30 000  | 20 000 | 80 000  | 90 000  |
| 150 000 | 0      | 210 000 | 50 000 | 100 000 | 60 000  |
| 60 000  | 90 000 | 80 000  | 10 000 | 30 000  | 140 000 |

|         |         |         |
|---------|---------|---------|
| 40 000  | 120 000 | 80 000  |
| 250 000 | 10 000  | 60 000  |
| 70 000  | 30 000  | 100 000 |

[illegible]
$$\begin{array}{r} 609\,283 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array}$$

a)  $121032 \times 3$

b)  $274\,601 \times 2$

c)  $712321 \times 4$

d)  $619\,012 \times 5$



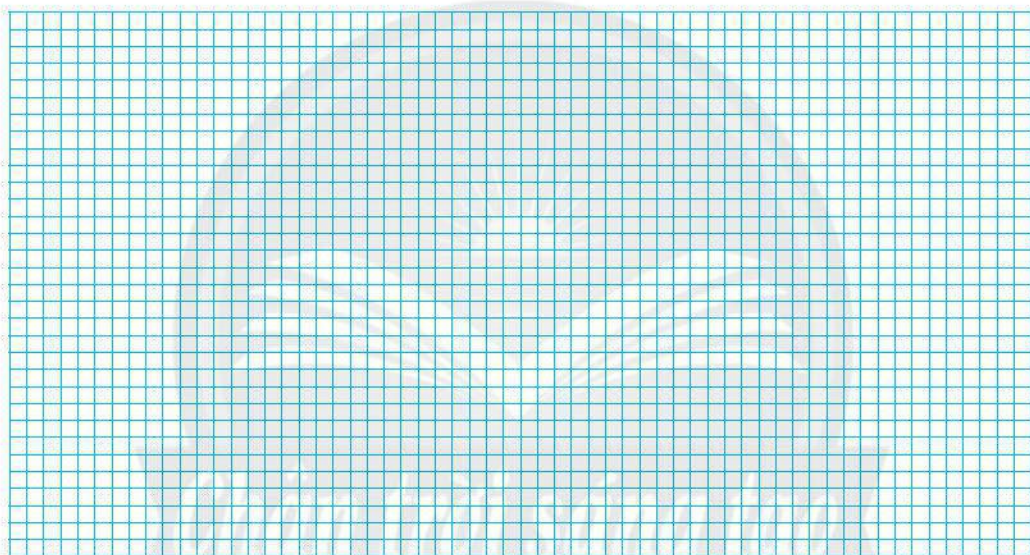
**2** Tính nhẩm.

a)  $30\,000 \times 4 + 80\,000 = \dots\dots\dots$

b)  $170\,000 - 50\,000 \times 3 = \dots\dots\dots$

**1** Thầy giáo mua về 2 quả bóng đá và 3 quả bóng rổ. Mỗi quả bóng đá có giá 54 000 đồng, mỗi quả bóng rổ có giá 61 000 đồng. Hỏi thầy đã mua cả bóng đá và bóng rổ hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

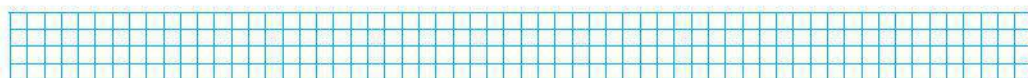




# NHÂN VỚI 10, 100, 1 000, ... CHIA CHO 10, 100, 1 000, ...

Có 10 hộp bút chì màu, mỗi hộp có 18 cái.

Viết phép tính tìm số bút chì màu của 10 hộp.



Viết vào chỗ chấm.

## • Nhân với 10, chia cho 10

$$18 \times 10 = 18 \times 1 \text{ chục} = 18 \text{ chục} = 180$$

$$18 \times 10 = 180 \rightarrow \text{Thêm ..... chữ số ..... vào bên phải số 18.}$$

$$180 : 10 = 18 \rightarrow \text{Bớt ..... chữ số ..... ở bên phải số 180.}$$

## • Nhân với 100, chia cho 100

$$18 \times 100 = 18 \times 1 \text{ .....} = 18 \text{ .....} = \text{.....}$$

$$18 \times 100 = 1800 \rightarrow \text{Thêm ..... chữ số ..... vào bên phải số .....}$$

$$1800 : 100 = 18 \rightarrow \text{Bớt ..... chữ số ..... ở bên phải số .....}$$

## • Nhân với 1000, chia cho 1000

$$18 \times 1000 = \text{.....} \rightarrow \text{Thêm ..... chữ số ..... vào bên phải số .....}$$

$$18000 : 1000 = \text{.....} \rightarrow \text{Bớt ..... chữ số ..... ở bên phải số .....}$$

– Khi nhân nhẩm một số tự nhiên với 10, 100, 1000, ..., ta ..... một, hai, ba, ... chữ số ..... vào bên ..... số đó.

– Khi chia nhẩm số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1000, ..., ta ..... một, hai, ba, ... chữ số ..... ở bên ..... số đó.

# 1 Tính nhẩm.

a)  $113 \times 10 = \dots\dots\dots$

b)  $234 \times 100 = \dots\dots\dots$

$810 : 10 = \dots\dots\dots$

$7\,000 : 100 = \dots\dots\dots$

c)  $3\,570 \times 1\,000 = \dots\dots\dots$

$650\,000 : 1\,000 = \dots\dots\dots$

# 1 Số?

a)  $17\text{ m} = \dots\dots\dots\text{ dm}$

b)  $136\text{ m} = \dots\dots\dots\text{ cm}$

$30\text{ dm} = \dots\dots\dots\text{ m}$

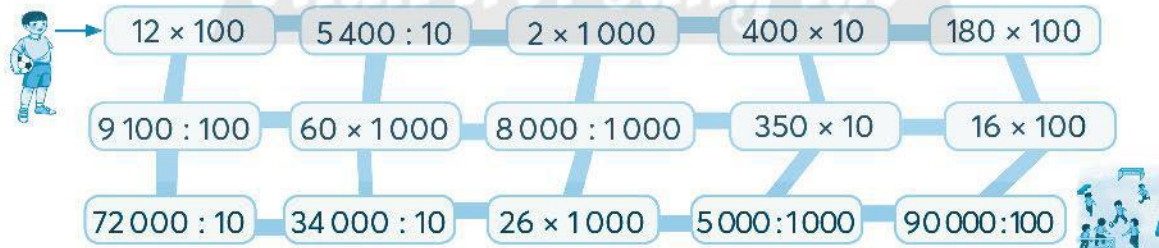
$52\,000\text{ cm} = \dots\dots\dots\text{ m}$

c)  $8\text{ m} = \dots\dots\dots\text{ mm}$

$91\,000\text{ mm} = \dots\dots\dots\text{ m}$



Hãy vẽ các mũi tên giúp bạn đi theo các phép tính có kết quả bé hơn 4 000 để đến sân bóng đá.



# NHÂN CÁC SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0

Viết vào chỗ chấm.

•  $48 \times 70$

$= 48 \times (7 \times \dots\dots\dots)$

$= (48 \times 7) \times \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots \times 10$

$= \dots\dots\dots$

•  $480 \times 70$

$= (48 \times \dots\dots\dots) \times (7 \times \dots\dots\dots)$

$= (48 \times 7) \times (\dots\dots\dots \times \dots\dots\dots)$

$= \dots\dots\dots \times 100$

$= \dots\dots\dots$

$$\begin{array}{r} 48 \\ \times 70 \\ \hline 3360 \end{array}$$

• Viết một chữ số ... ở hàng đơn vị của tích.

• Nhân 7 với 48.

$$\begin{array}{r} 480 \\ \times 70 \\ \hline 33600 \end{array}$$

• Viết ... chữ số ... ở hàng đơn vị và hàng chục của tích.

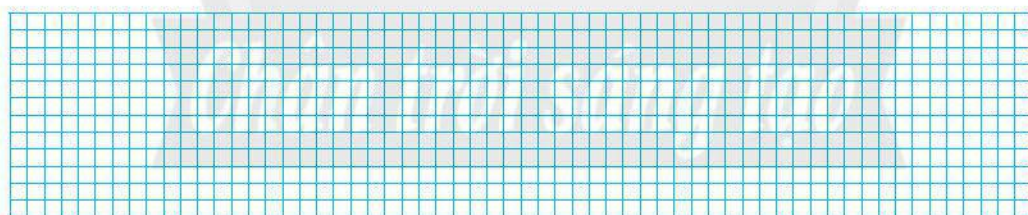
• Nhân 7 với 48.

**1** Đặt tính rồi tính.

a)  $33 \times 40$

b)  $314 \times 50$

c)  $1020 \times 90$



**1** Số?

a) 1 giờ = ..... phút

b) 1 phút = ..... giây

24 giờ = ..... phút

1 giờ = ..... giây

**2** Số?

Một đơn vị bộ đội đã tặng sữa cho học sinh Trường Tiểu học Bản Đông hai lần. Lần thứ nhất 40 thùng, lần thứ hai 60 thùng. Mỗi thùng sữa đều có 24 hộp. Đơn vị bộ đội đó đã tặng cho học sinh tất cả ..... hộp sữa.



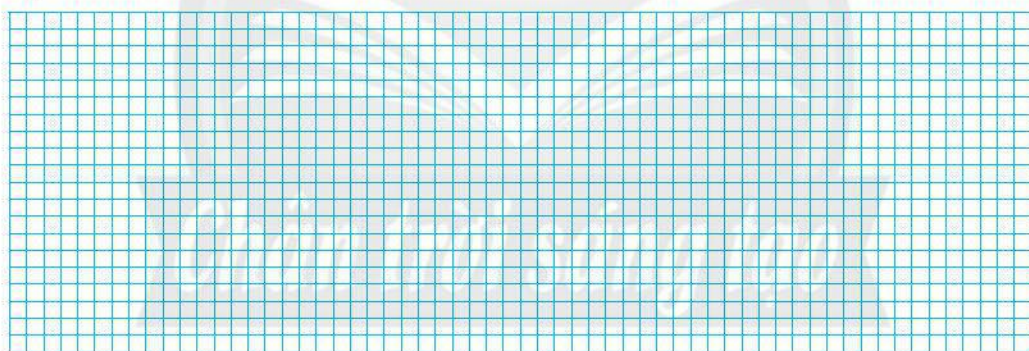
Viết vào chỗ chấm.

|                                              |                                                          |                                   |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| $16 \times 12$                               | $\begin{array}{r} 16 \\ \times 12 \\ \hline \end{array}$ |                                   |
| $= 16 \times (10 + 2)$                       |                                                          |                                   |
| $= 16 \times 10 + 16 \times \dots\dots\dots$ | $\dots\dots\dots$                                        | $\rightarrow$ Tích riêng thứ nhất |
| $= \dots\dots\dots + \dots\dots\dots$        | $\dots\dots\dots$                                        | $\rightarrow$ Tích riêng thứ hai  |
| $= \dots\dots\dots$                          | $\dots\dots\dots$                                        | $\rightarrow$ Tích                |

**1** Đặt tính rồi tính.

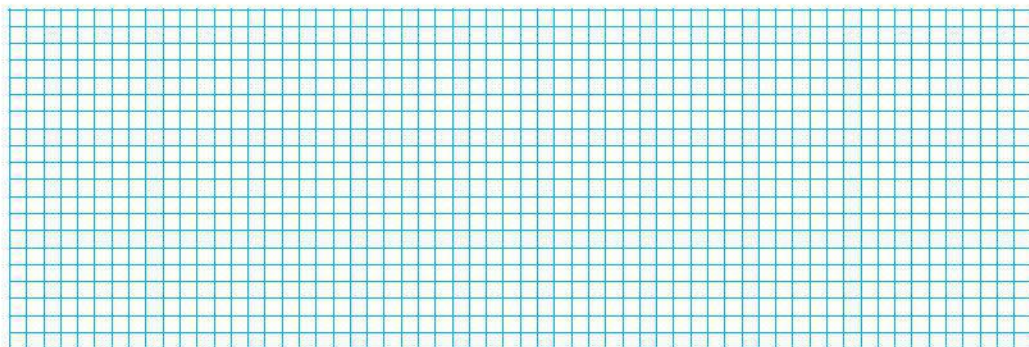
a)  $62 \times 41$

$54 \times 23$



b)  $176 \times 32$

$1042 \times 57$



1 Tính nhẩm.

a)  $7 \times 50 \times 20 = \dots\dots\dots$

b)  $40 \times 3 \times 50 = \dots\dots\dots$

c)  $80 \times 1000 \times 4 = \dots\dots\dots$

d)  $3 \times 60 \times 500 = \dots\dots\dots$

2 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Giá trị của biểu thức  $20740 \times 35$  là:

A. 7259

B. 72590

C. 725900

D. 7259000

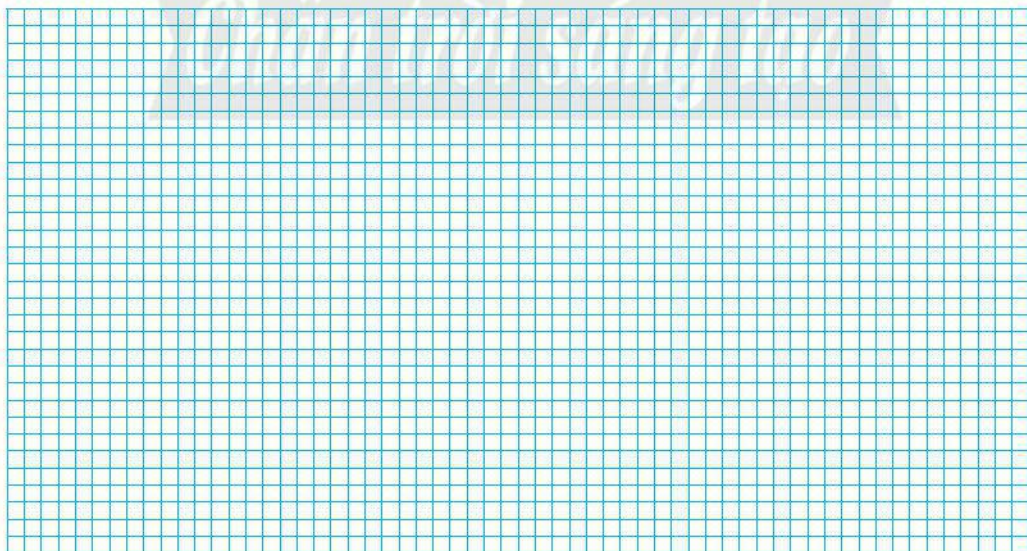
3 Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm.

Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 27 m, chiều rộng 15 m.

Diện tích khu vườn đó là .....

4 Ông Tư nuôi bò để lấy sữa. Mỗi con bò nhà ông Tư trung bình mỗi ngày cho 26 kg sữa. Hỏi một tháng 30 ngày, 12 con bò nhà ông Tư cho bao nhiêu ki-lô-gam sữa?

Bài giải





**1** Tính nhẩm.

a)  $83 \times 10 = \dots\dots\dots$

b)  $710 \times 100 = \dots\dots\dots$

c)  $6200 \times 1000 = \dots\dots\dots$

**2** Số?

a)  $1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

b)  $1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$24 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$892 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

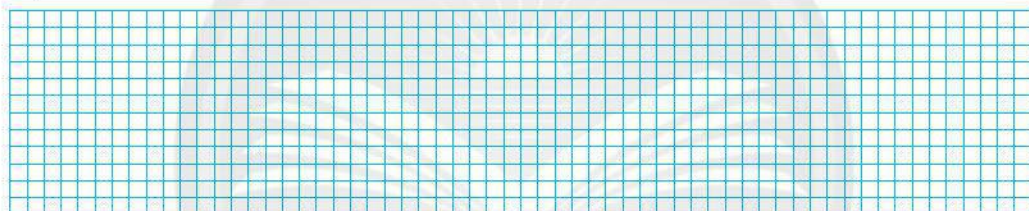
$500 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

$300\,000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

**3** Đặt tính rồi tính.

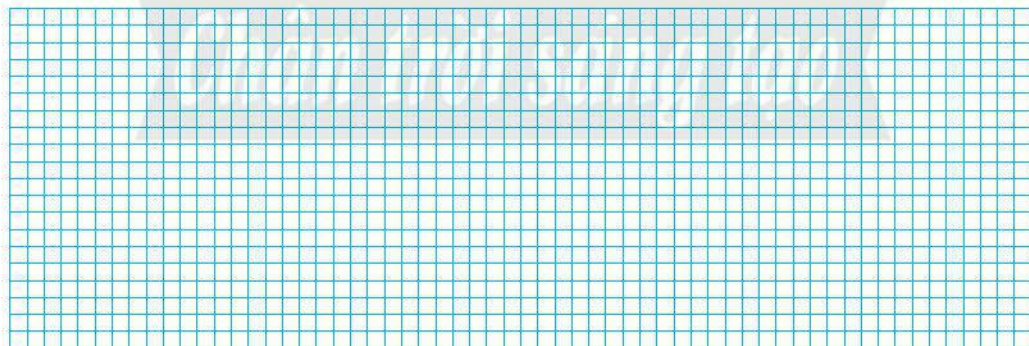
a)  $812 \times 40$

$6\,320 \times 70$



b)  $816 \times 42$

$2\,970 \times 38$



**4** Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau.

A  $5 \times 360 \times 200$

D  $360 \times 10$

B  $360 \times 54 + 360 \times 46$

E  $360 \times 100$

C  $360 \times 54 - 360 \times 44$

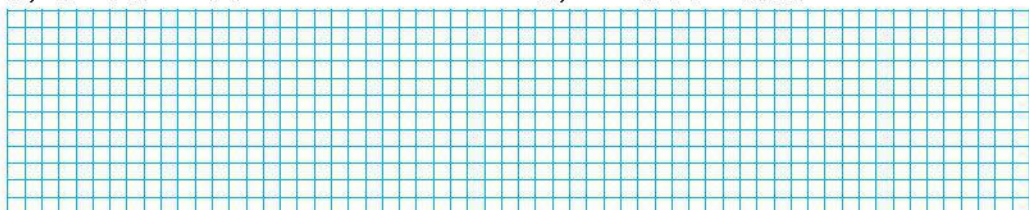
G  $360 \times 1000$



**5** Tính bằng cách thuận tiện.

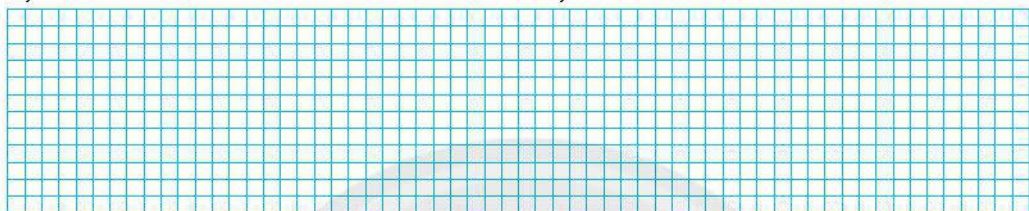
a)  $2 \times 76 \times 500$

b)  $5 \times 300 \times 800$



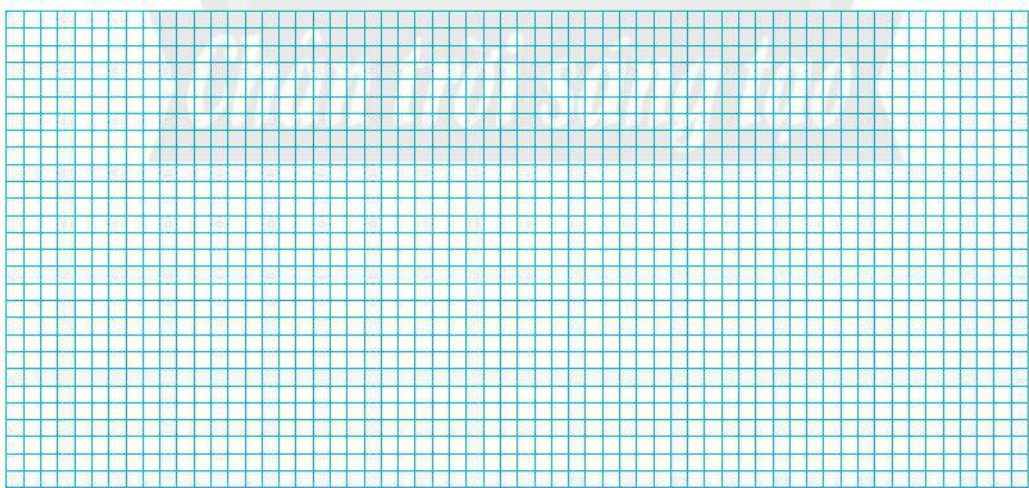
c)  $70 \times 21 + 30 \times 21$

d)  $81 \times 28 - 81 \times 18$



- 6** Chú Tư muốn lát kín nền một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 6 m, chiều rộng 4 m. Chú dùng các viên gạch vuông bằng nhau, một loại màu trắng và một loại màu đỏ. Biết rằng để lát 1 m<sup>2</sup> nền nhà cần 25 viên gạch và số gạch màu đỏ ít hơn gạch màu trắng 200 viên. Tính số viên gạch màu đỏ chú Tư cần dùng để lát nền căn phòng đó. (Coi diện tích mạch gạch không đáng kể.)

Bài giải



Đọc nội dung trong SGK, rồi nhân nhẩm.

a)  $34 \times 11 = \dots\dots\dots$

b)  $28 \times 11 = \dots\dots\dots$

c)  $11 \times 95 = \dots\dots\dots$

Thực hiện phép chia.

### Ví dụ 1:

$$\begin{array}{r} 326 \overline{) 274} \\ \underline{652} \phantom{0} \\ 652 \phantom{0} \\ \underline{652} \phantom{0} \\ 0 \phantom{0} \end{array}$$

$326\,274 : 6 = \dots\dots\dots$

### Ví dụ 2:

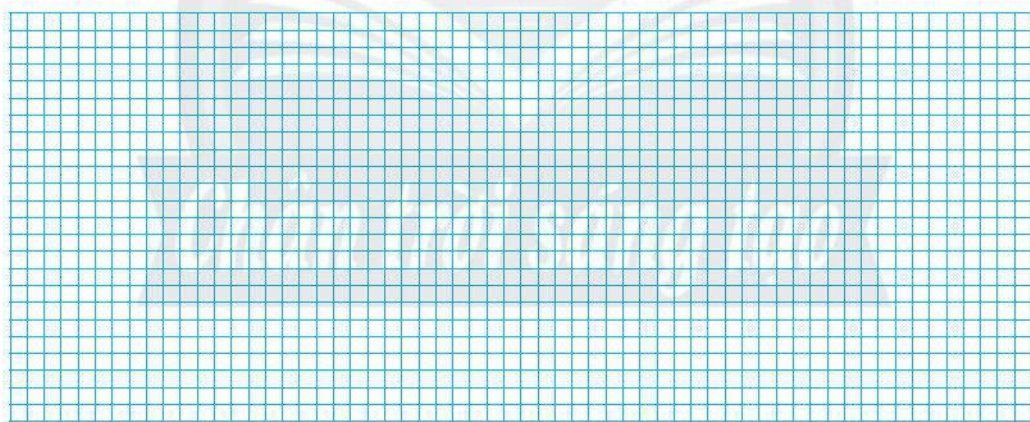
[illegible]

$$212729 : 4 = \dots\dots\dots (du' \dots)$$

**1** Đặt tính rồi tính.

a)  $633760 : 5$

b)  $599\,152 : 7$



## 1 SỐ?

Người ta đóng gói 193 606 cái bút sáp màu vào các hộp, mỗi hộp 8 cái. Khi đó, có thể đóng gói được nhiều nhất ..... hộp và còn thừa ..... cái.



Đọc nội dung trong SGK rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.  
Bóng bay của Gấu Trúc ghi số .....



# CHIA HAI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0

Viết vào chỗ chấm.

$$720 : 60$$

$$= 72 \text{ chục} : 6 \text{ chục}$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$\begin{array}{r|l} \cancel{720} & \cancel{60} \\ 12 & 12 \\ 0 & \end{array}$$

• Cùng xoá một chữ số ...

• Chia 72 cho 6.

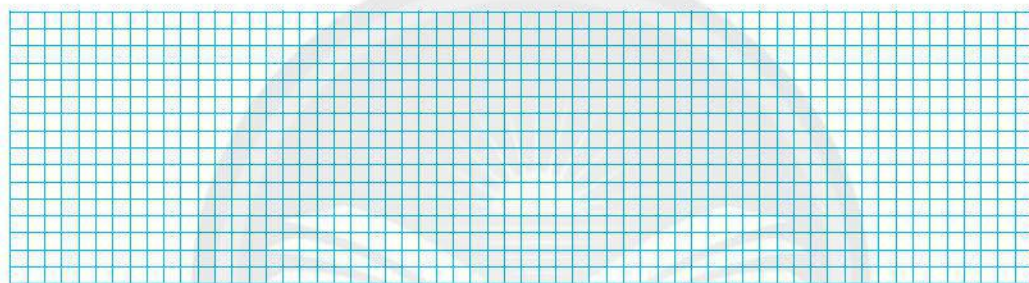
**1** Đặt tính rồi tính.

a)  $240 : 30$

$5\ 150 : 50$

b)  $1800 : 90$

$69\ 800 : 20$



**1** Số?

a)  $120 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

b)  $300 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{phút}$

$1080 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

$3600 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{phút} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

**2** Một số chia cho một tích.

a) Số?

$$24 : (3 \times 2) = \dots\dots\dots$$

$$24 : 3 : 2 = \dots\dots\dots$$

$$24 : 2 : 3 = \dots\dots\dots$$

Vậy:  $24 : (3 \times 2) = 24 : 3 : 2 = 24 : 2 : 3$

b) Số?

$$720 : 60 = 720 : (\dots \times 6)$$

$$= (720 : \dots) : 6 = \dots\dots\dots : 6 = \dots\dots\dots$$

c) Tính (theo mẫu trong SGK).

$$450 : (5 \times 3) = \dots\dots\dots \quad 9\ 000 : (9 \times 2) = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$



Viết vào chỗ chấm.

**Ví dụ 1:** Ước lượng thương của phép chia  $273 : 90$ .

Làm tròn 273 đến hàng chục thì được .....

$$270 : 90 = 27 : 9 = \dots$$

Vậy thương của phép chia  $273 : 90$  là .....

**Ví dụ 2:** Ước lượng thương của phép chia  $98 : 24$ .

Làm tròn các số 98 và 24 đến hàng chục thì được ..... và .....

$$100 : 20 = 10 : 2 = \dots$$

Thử với thương là 5:

$$24 \times 5 = 120, 120 > 98 \text{ nên } 5 \dots\dots\dots \text{thương.}$$

Thử với thương là 4:

$$24 \times 4 = 96, 96 < 98.$$

Vậy thương của phép chia  $98 : 24$  là .....

**Ví dụ 3:** Ước lượng thương của phép chia  $144 : 35$ .

Làm tròn các số 144 và 35 đến hàng chục thì được ..... và .....

$$\dots\dots : \dots\dots = \dots\dots (\text{dư } \dots\dots)$$

Thử với thương là .....:  $35 \times \dots\dots = \dots\dots, \dots\dots\dots$

Thử với thương là .....:  $35 \times \dots\dots = \dots\dots, \dots\dots\dots$

Vậy thương của phép chia  $144 : 35$  là .....

**1** Ước lượng thương rồi viết số vào chỗ chấm.

|    |           |           |           |           |           |
|----|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| a) | Phép chia | $56 : 23$ | $84 : 32$ | $77 : 18$ | $68 : 59$ |
|    | Thương    | .....     | .....     | .....     | .....     |

|    |           |            |            |            |            |
|----|-----------|------------|------------|------------|------------|
| b) | Phép chia | $695 : 75$ | $110 : 36$ | $167 : 87$ | $292 : 41$ |
|    | Thương    | .....      | .....      | .....      | .....      |

## 1 Số?

Một trường tiểu học cần thuê một số xe ô tô để chở hết 232 học sinh lớp 4 đi tham quan.

a) Nếu mỗi xe chở được 45 học sinh thì trường tiểu học đó cần thuê ít nhất ..... xe.

b) Nếu mỗi xe chở được 26 học sinh thì trường tiểu học đó cần thuê ít nhất ..... xe.

## 2 Một tổng chia cho một số.

a) Tính giá trị hai biểu thức.

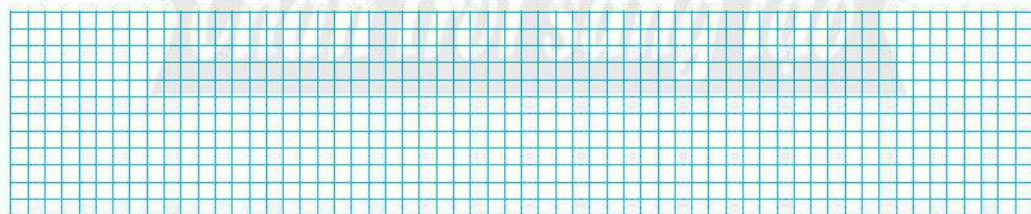
$$(63 + 49) : 7 = \dots\dots\dots \quad 63 : 7 + 49 : 7 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots \quad = \dots\dots\dots$$

Vậy:  $(63 + 49) : 7 = 63 : 7 + 49 : 7$

b) Tính.

$$(48 + 24) : 4 \quad (81 + 27) : 9 \quad (600 + 90 + 3) : 3$$



Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

•  $532 : 65$  Ước lượng thương là: .....

$645 : 83$  Ước lượng thương là: .....

• Hải li đẻ ra .....

Thú mỏ vịt đẻ ra .....

Thực hiện phép chia.

**Ví dụ 1:**

$$\begin{array}{r} 564 \overline{) 12} \\ \cdot \cdot \cdot \\ \cdot \cdot \end{array}$$

$$564 : 12 = \dots\dots\dots$$

**Ví dụ 2:**

$$\begin{array}{r} 14721 \overline{) 57} \\ \cdot \cdot \cdot \\ \cdot \cdot \cdot \\ \cdot \cdot \end{array}$$

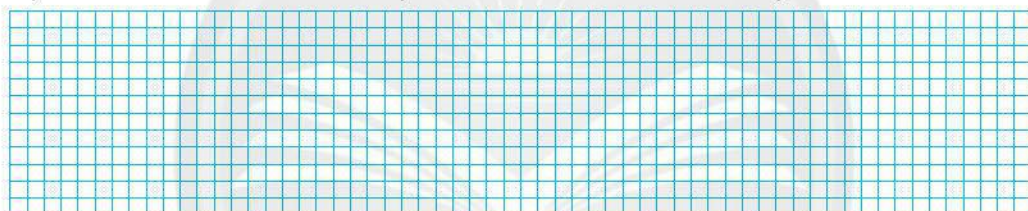
$$14721 : 57 = \dots\dots\dots (\text{dư } \dots\dots)$$

**1** Đặt tính rồi tính.

a)  $64 : 32$

b)  $84 : 35$

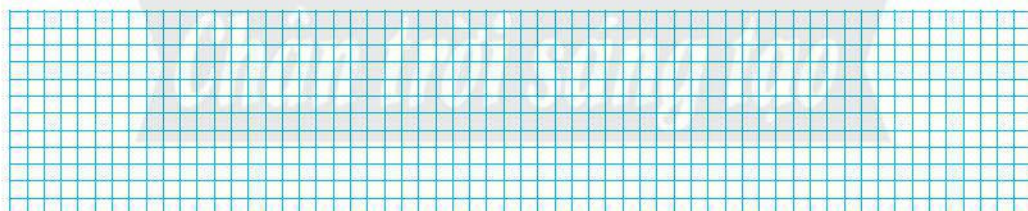
c)  $70 : 14$



$98 : 15$

$99 : 21$

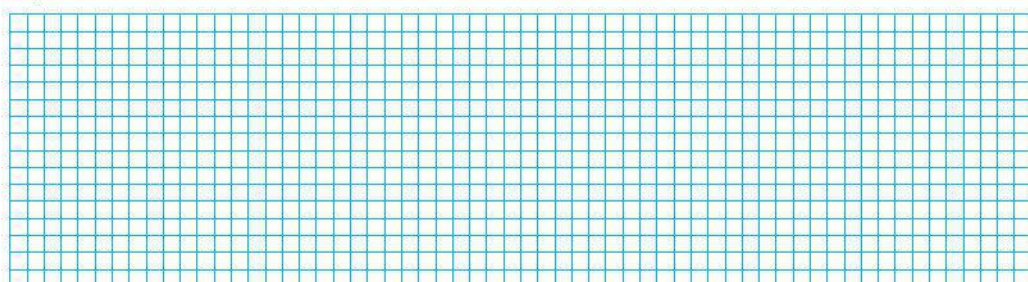
$78 : 13$



**2** Tính.

a)  $192 : 16$

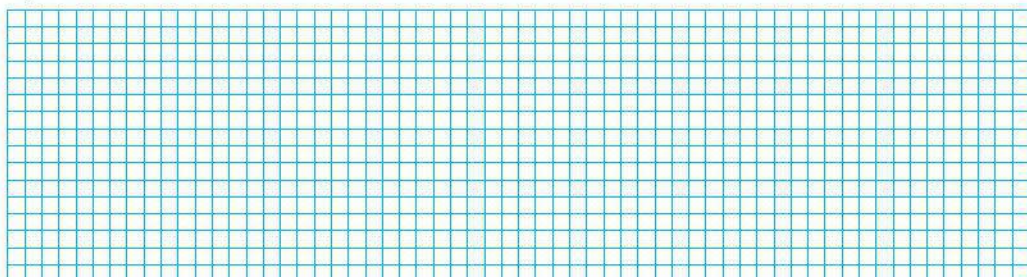
$997 : 71$





b)  $536 : 46$

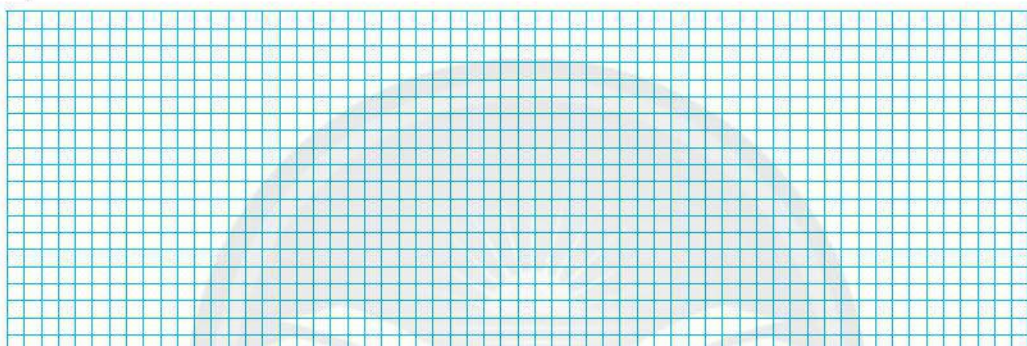
$512 : 64$



**3** Đặt tính rồi tính.

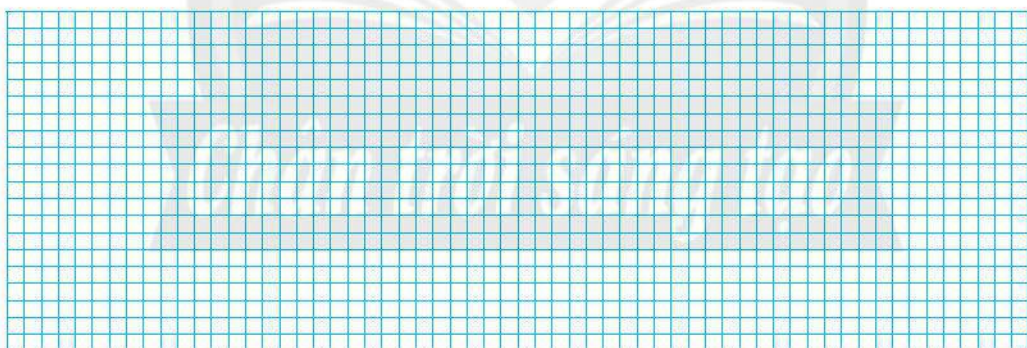
a)  $1872 : 78$

$3600 : 57$



b)  $10510 : 18$

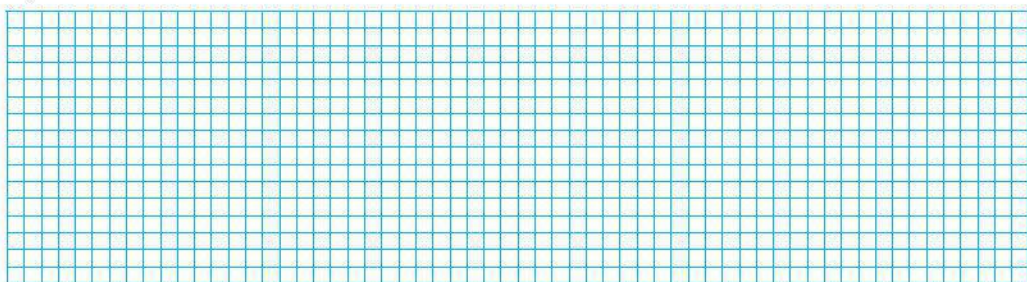
$26944 : 64$



**4** Tính (theo mẫu trong SGK).

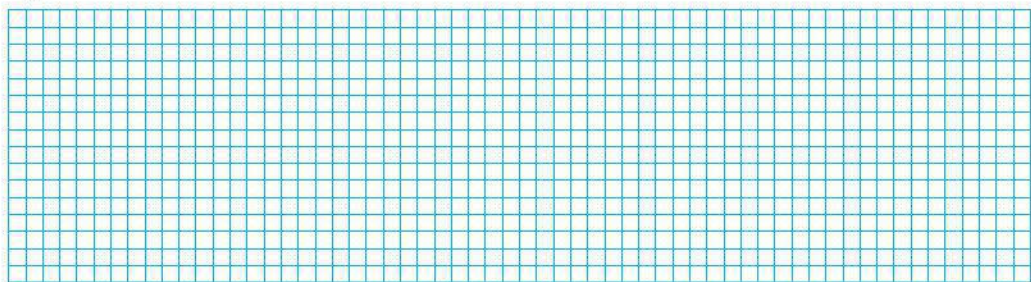
a)  $9681 : 32$

$5382 : 26$



b)  $668 : 11$

$1960 : 49$



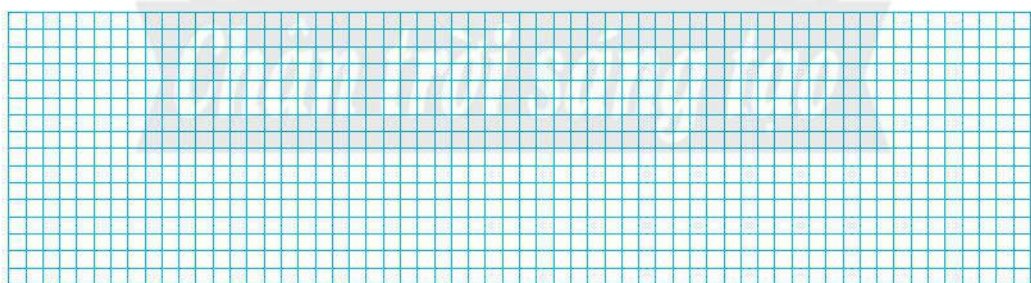
1 Số?

|            |       |       |       |        |
|------------|-------|-------|-------|--------|
| Số bị chia | 5555  | 850   | 4328  | 22 459 |
| Số chia    | 44    | 25    | 72    | 37     |
| Thương     | ..... | ..... | ..... | .....  |
| Số dư      | ..... | ..... | ..... | .....  |

2 Tính giá trị của các biểu thức.

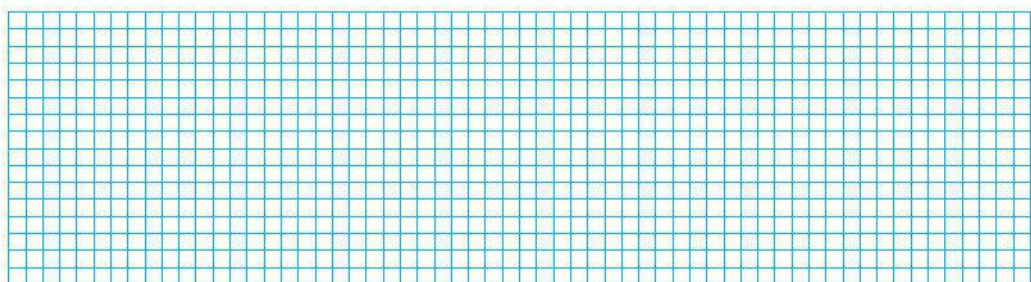
a)  $4500 : 90 : 25$

b)  $840 : (3 \times 4)$



c)  $682 + 96 : 12$

d)  $2784 : 24 - 16$





3 Số?

a) .....  $\times 45 = 2025$

b) .....  $: 17 = 180$

c)  $288 : \text{.....} = 24$

4 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Giá trị của biểu thức  $18045 : 45$  là:

A. 41

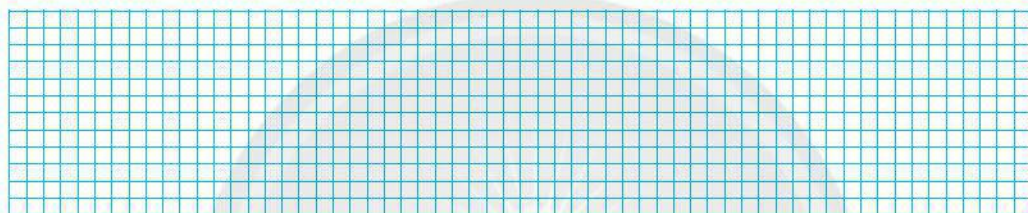
B. 401

C. 14

D. 104

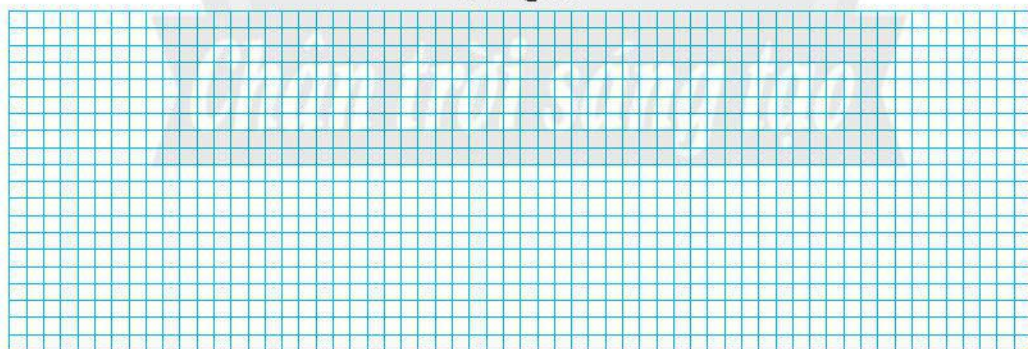
5 Một khu vườn hình chữ nhật có diện tích là  $4050 \text{ m}^2$ , chiều rộng là 45 m. Tính diện tích khu vườn đó.

Bài giải



6 Một cửa hàng thực phẩm nhập về 8190 quả trứng gà và 6000 quả trứng vịt. Trứng được để trong các vỉ, mỗi vỉ có 30 quả. Hỏi cửa hàng đó đã nhập về tất cả bao nhiêu vỉ trứng?

Bài giải



Đọc nội dung trong SGK, rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Chiều dài đoạn đường tính từ cột đèn đầu tiên đến cột đèn cuối cùng là ..... m.



Có ..... cột đèn trên đoạn đường đó.



**1** Tính nhẩm.

a)  $2100 : 10 = \dots\dots\dots$

b)  $720 : 10 : 8 = \dots\dots\dots$

$4500 : 100 = \dots\dots\dots$

$1500 : (5 \times 100) = \dots\dots\dots$

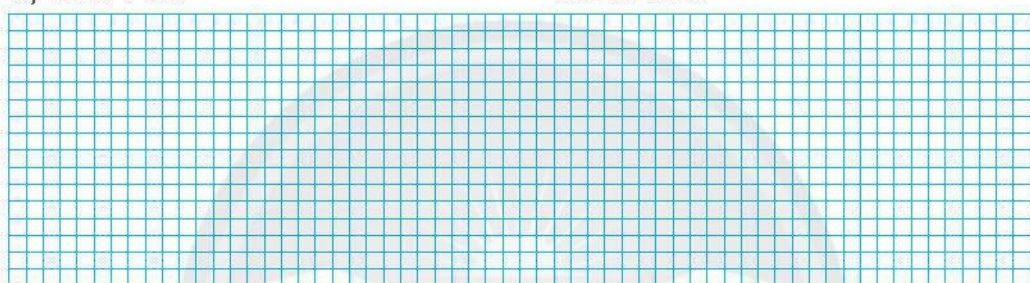
$83\,000 : 1000 = \dots\dots\dots$

$60\,000 : 1000 \times 6 = \dots\dots\dots$

**2** Đặt tính rồi tính.

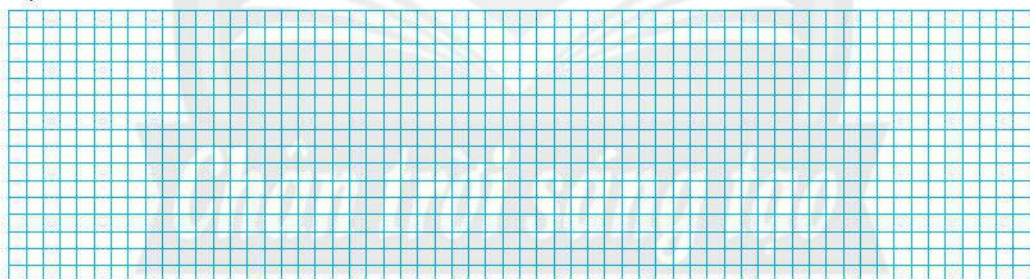
a)  $720 : 90$

$6890 : 30$



b)  $799 : 17$

$1188 : 51$



**3**  $>, <, =$

a)  $120 \times 40 \dots\dots\dots 120 : 40$

b)  $280 + 70 \dots\dots\dots 280 \times 70$

c)  $320 - 80 \dots\dots\dots 320 : 80$

d)  $610 + 0 \dots\dots\dots 610 - 0$

**4** Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau.

A  $400 : (8 \times 5)$

D  $810 : 90$

B  $1200 : 6 : 100$

E  $50 : 5$

C  $810 : 45 : 2$

G  $100 : 50$

5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Số thích hợp để thay vào  $?$  ở mỗi câu là:

a)  $? \times 30 = 900$

A. 30

B. 2700

C. 300

D. 27 000

b)  $720 : ? = 15$

A. 10800

B. 1080

C. 48

D. 705

c)  $? : 11 = 66$

A. 6

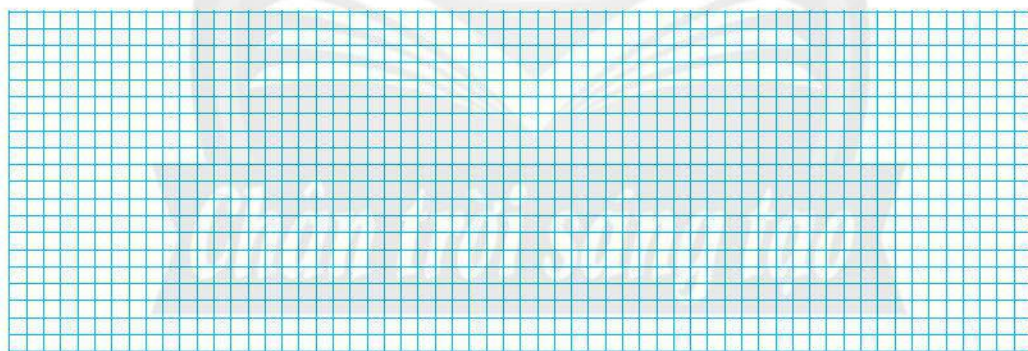
B. 726

C. 77

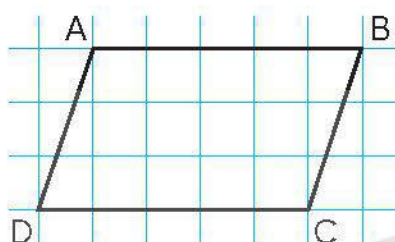
D. 55

6 Tổ Một và Tổ Hai của một xưởng may, mỗi tổ nhận 1500 m vải để cắt may. Tổ Một cắt may trong 30 ngày thì hết số vải đó. Tổ Hai cắt may hết số vải đó trong 25 ngày. Hỏi trung bình mỗi ngày tổ Một cắt may ít hơn tổ Hai bao nhiêu mét vải?

Bài giải



Viết vào chỗ chấm.



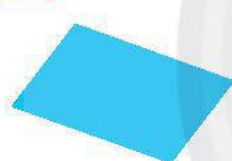
Hình ..... ABCD

Hình bình hành ABCD có:

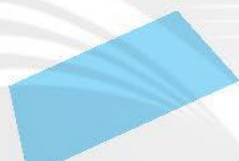
- AB và DC là hai cạnh đối diện.  
AD và BC là hai cạnh .....
- Cạnh AB song song với cạnh DC.  
Cạnh AD ..... với cạnh BC.
- $AB = DC$  và  $AD = BC$ .

Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện ..... và .....

**1** Làm dấu (✓) hình bình hành.



Hình 1 ( )



Hình 2 ( )



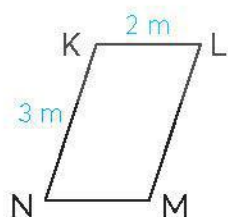
Hình 3 ( )



Hình 4 ( )

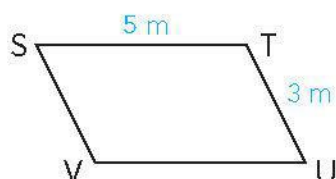
**2** Viết vào chỗ chấm.

a)



- Cạnh ..... song song với cạnh .....
- Cạnh ..... song song với cạnh .....
- ..... = ..... = 2 m.
- ..... = ..... = 3 m.

b)



- Cạnh ..... song song với cạnh .....
- Cạnh ..... song song với cạnh .....
- ..... = ..... = 5 m.
- ..... = ..... = 3 m.

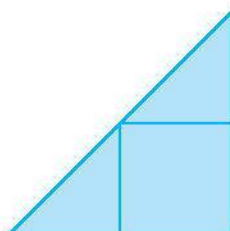


**3** Xếp lại để mỗi hình sau trở thành hình bình hành.

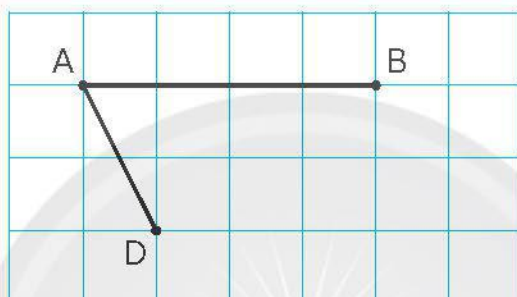
a)



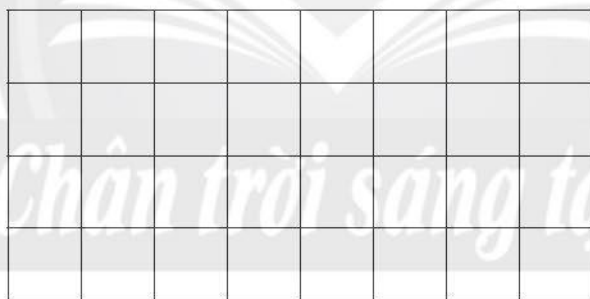
b)



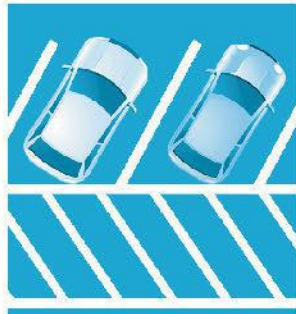
**1** Vẽ tiếp để có hình bình hành ABCD.



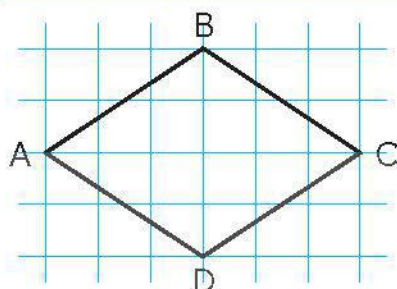
**2** Vẽ trang trí theo hướng dẫn trong SGK.



Tìm trong thực tế những hình ảnh có dạng hình bình hành.



Viết vào chỗ chấm.



Hình ..... ABCD

Hình thoi ABCD có:

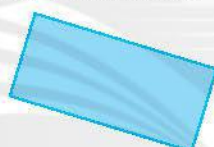
- AB và DC là hai cạnh đối diện.
- AD và BC là hai cạnh .....
- Cạnh AB song song với cạnh DC.
- Cạnh AD ..... với cạnh BC.
- $AB = BC = CD = DA$ .

Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện ..... và độ dài bốn cạnh .....

**1** Làm dấu (✓) vào hình thoi.



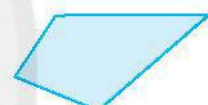
Hình 1 ( )



Hình 2 ( )



Hình 3 ( )



Hình 4 ( )

**2** a) Viết vào chỗ chấm.

$MN = 5 \text{ cm}$ ;  $NK = \dots\dots\dots$ ;  $KL = \dots\dots\dots$ ;  $LM = \dots\dots\dots$

b) Dùng thước đo rồi viết vào chỗ chấm.

$MO = \dots \text{ cm}$ ;  $OK = \dots \text{ cm}$

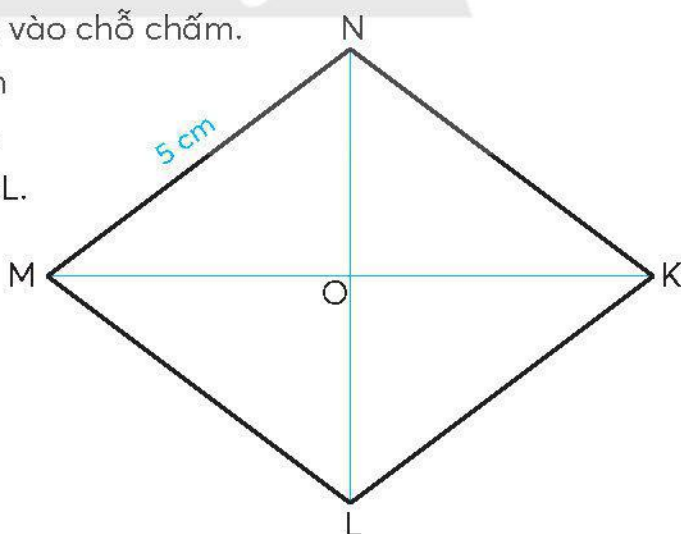
$NO = \dots \text{ cm}$ ;  $OL = \dots \text{ cm}$

Vậy  $MO = OK$ ;  $NO \dots OL$ .

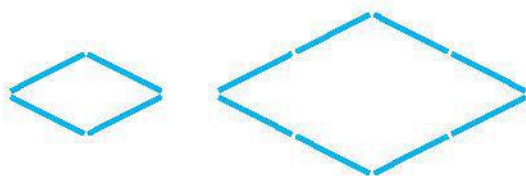
c) Dùng ê-ke kiểm tra, làm dấu (✓) câu em chọn.

– MK và NL vuông góc với nhau. ( )

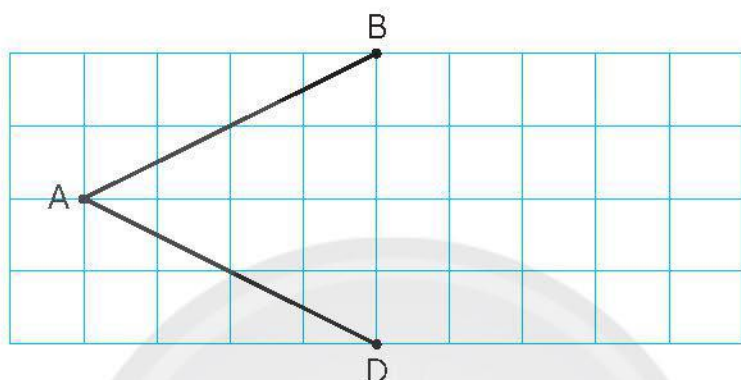
– MK và NL không vuông góc với nhau. ( )



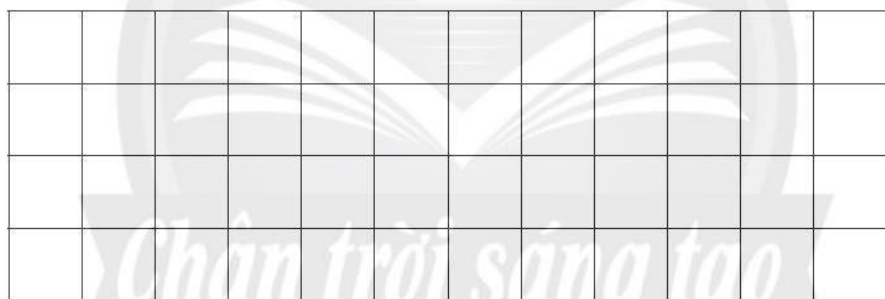
- 3 Dùng các que tính dài bằng nhau để xếp hình thoi.



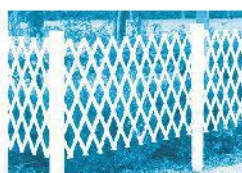
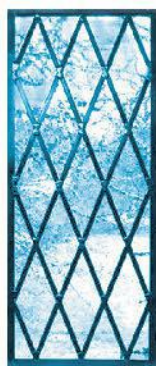
- 1 Vẽ tiếp để có hình thoi ABCD.



- 2 Vẽ trang trí theo hướng dẫn trong SGK.

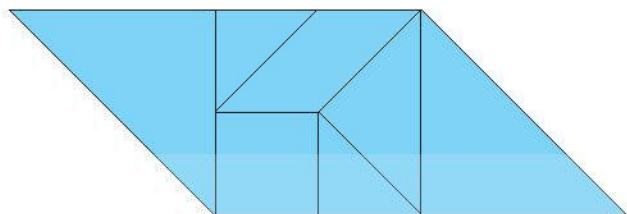


Tìm trong thực tế những hình ảnh có dạng hình thoi.





## 1 Xếp hình.



Hình bình hành

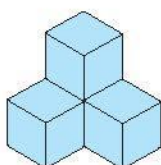
## 2 Nối hình phù hợp vào chỗ .?



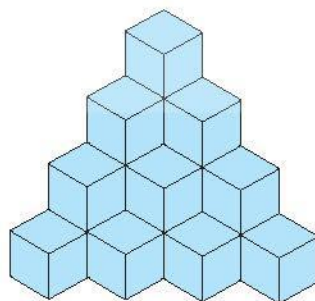
Quan sát hình trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

Hình thứ 14 là hình..... Hình đó có màu.....

## 3 Số?



Hình A



Hình B

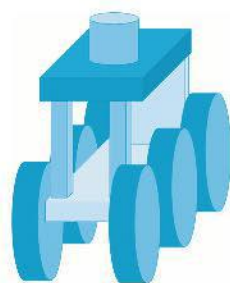
Hình A có ..... khối lập phương.

Hình B có ..... khối lập phương.

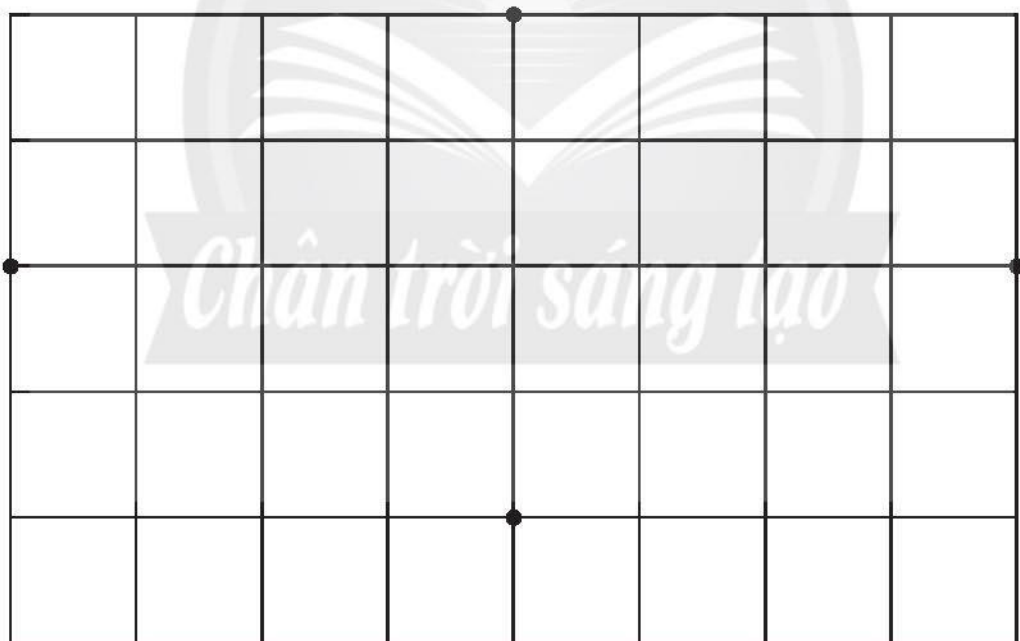
**4** Quan sát hình bên.

Số?

- a) Hình bên có tất cả ..... khối, trong đó  
có ..... khối trụ,  
có ..... khối hộp chữ nhật.
- b) Để xếp 5 hình như thế, cần:  
tất cả ..... khối, trong đó  
có ..... khối trụ và  
..... khối hộp chữ nhật.

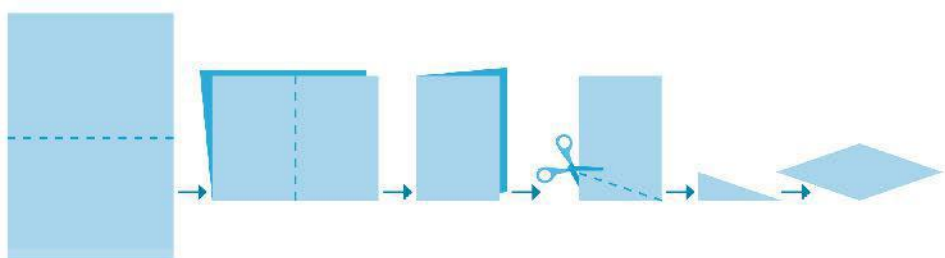


**5** Vẽ trang trí trên giấy kẻ ô vuông theo hướng dẫn trong SGK.





a) Gấp và cắt các tờ giấy màu (theo hình vẽ) để tạo thành các hình thoi.



b) Dùng các hình thoi vừa cắt để tạo thành một bức tranh.



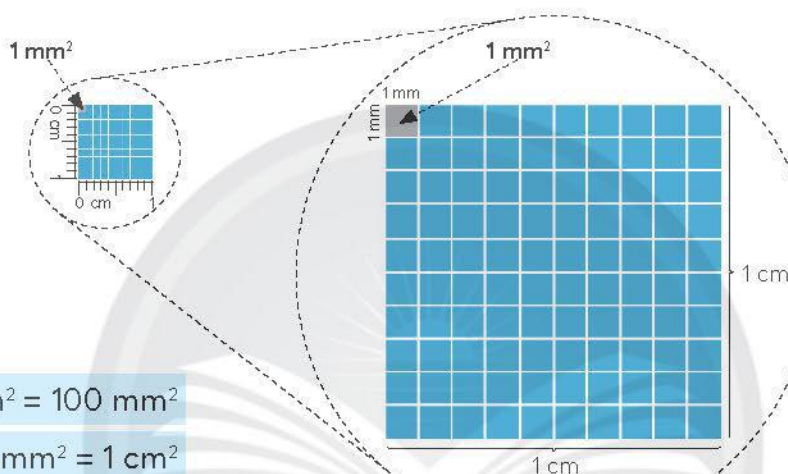


Viết vào chỗ chấm.

Mi-li-mét vuông là một đơn vị đo .....

Mi-li-mét vuông viết tắt là .....

$1 \text{ mm}^2$  là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 .....



$$1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$$

$$100 \text{ mm}^2 = 1 \text{ cm}^2$$

**1** Số?

a)  $1 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$4 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$10 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

b)  $200 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$700 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$12000 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

c)  $3 \text{ cm}^2 5 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$2 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$10 \text{ cm}^2 10 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$



**2** Tính.

a)  $28 \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$65 \text{ cm}^2 - 17 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$100 \text{ mm}^2 : 4 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

b)  $3 \text{ cm}^2 + 15 \text{ mm}^2$

$= \dots\dots\dots \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2$

$= \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

**3** a) Quan sát hình chữ nhật A và hình vuông B.

Ước lượng:

Diện tích hình A khoảng:  $\dots\dots\dots \text{ cm}^2$

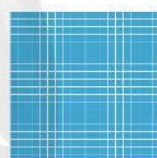
hay  $\dots\dots\dots \text{ mm}^2$ .

Diện tích hình B khoảng:  $\dots\dots\dots \text{ cm}^2$

hay  $\dots\dots\dots \text{ mm}^2$ .



Hình A



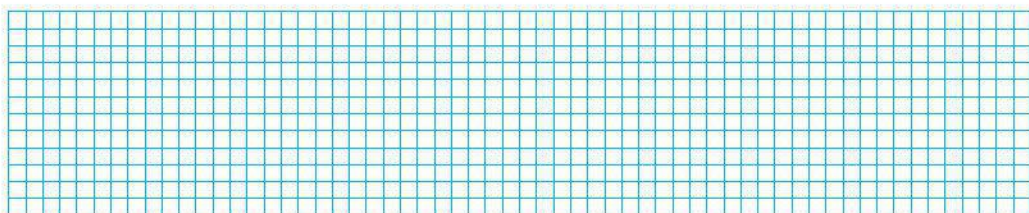
Hình B

b) Đo các cạnh rồi tính diện tích mỗi hình.

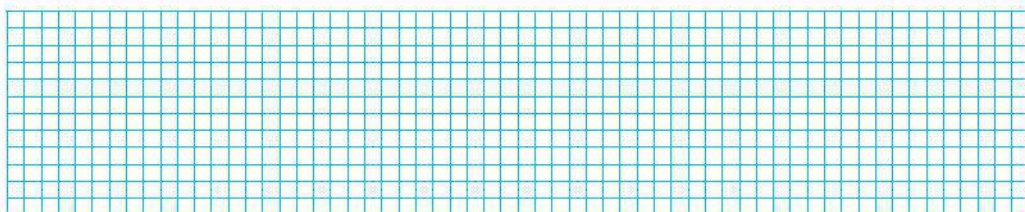
Diện tích hình A:  $\dots\dots\dots \text{ cm}^2$  hay  $\dots\dots\dots \text{ mm}^2$ .

Diện tích hình B:  $\dots\dots\dots \text{ cm}^2$  hay  $\dots\dots\dots \text{ mm}^2$ .

**1** Đo các cạnh rồi tính diện tích tấm ảnh Cầu Vàng (Đà Nẵng) trong SGK theo xăng-ti-mét vuông rồi chuyển đổi đơn vị theo mi-li-mét vuông.



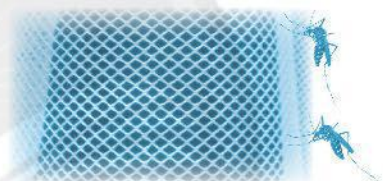
- 2 Người ta cắt ra các ô vuông có cạnh dài 1 mm từ một băng giấy. Tính diện tích phần giấy được cắt ra (xem hình bên).



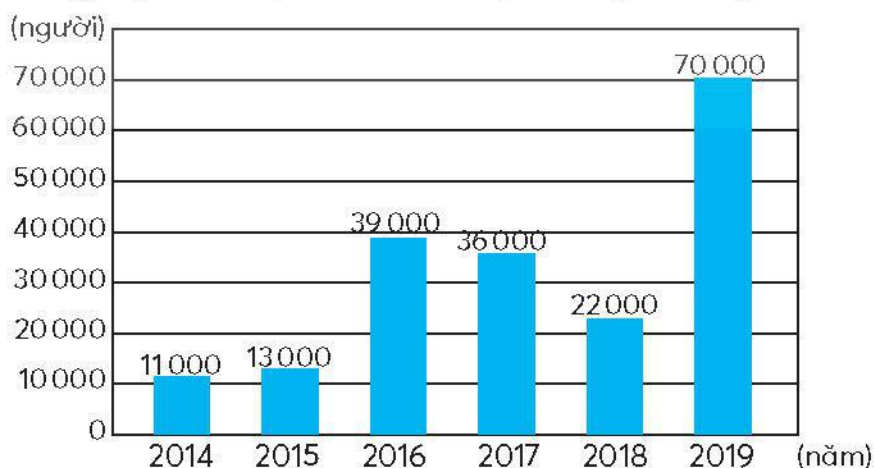
Đọc nội dung trong SGK rồi viết số vào chỗ chấm.

Số trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết trong 6 tháng ở mỗi năm.

- Năm 2014: ..... người.
- Năm 2015: ..... người.
- Năm 2016: ..... người.
- Năm 2017: ..... người.
- Năm 2018: ..... người.
- Năm 2019: ..... người.



Số trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết trong 6 tháng ở mỗi năm



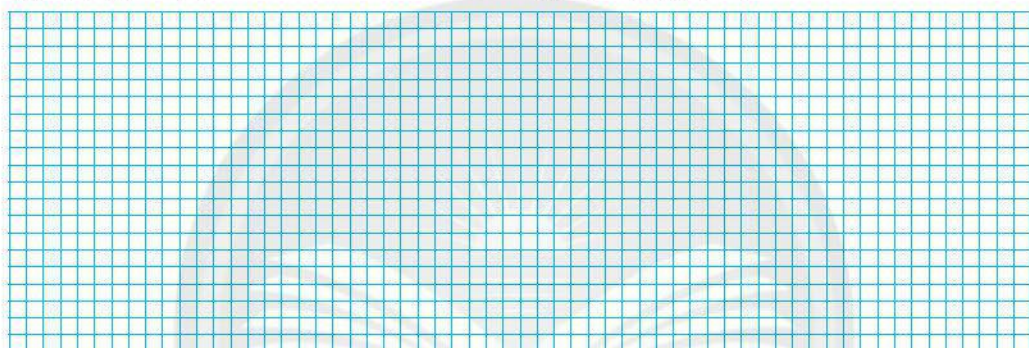


## 1 Số?

- a)  $136 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ kg}$                        $48\,000 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$   
 b)  $7 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$                        $900 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$   
 c)  $5 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$                        $760\,000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

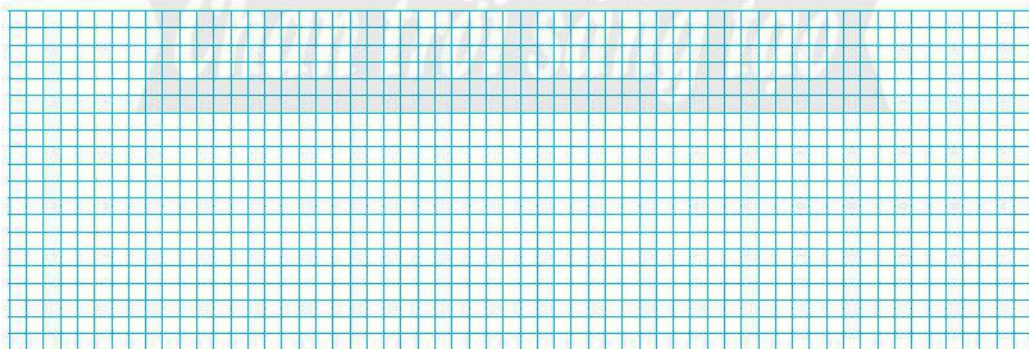
## 2 Tính.

- a)  $3\,140 \times 90$                                       b)  $75\,000 : 50$



## 3 Đặt tính rồi tính.

- a)  $382 \times 65$                                       b)  $75\,481 : 37$



## 4 Số?

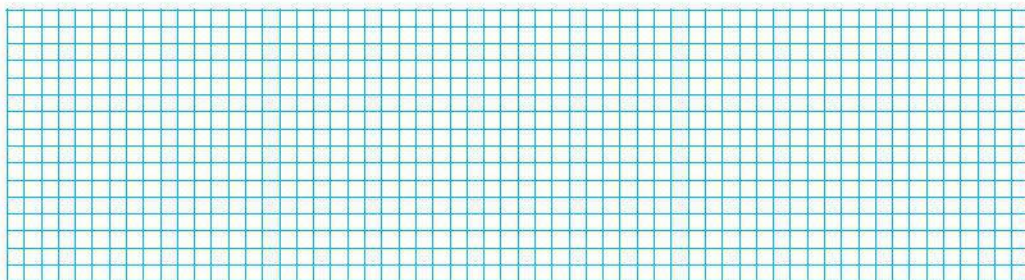
|            |       |       |         |
|------------|-------|-------|---------|
| Số bị chia | 11960 | ..... | 283 500 |
| Số chia    | 52    | 747   | .....   |
| Thương     | ..... | 90    | 70      |

**5** Tính (theo mẫu trong SGK).

a)  $14 \times 50$

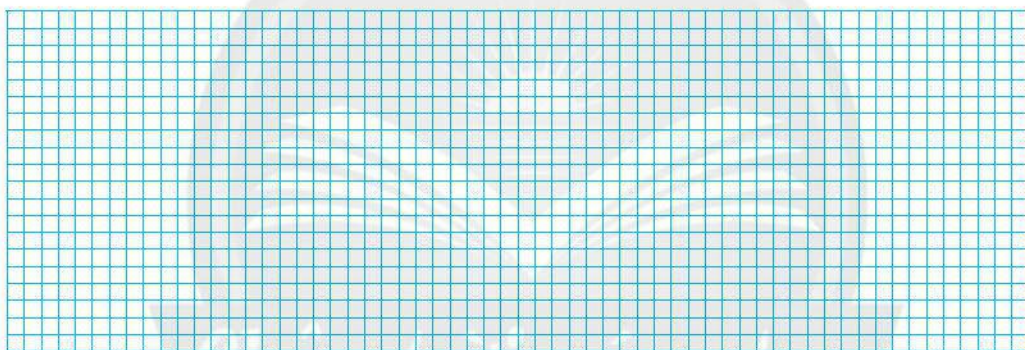
b)  $28 \times 25$

c)  $36 \times 250$



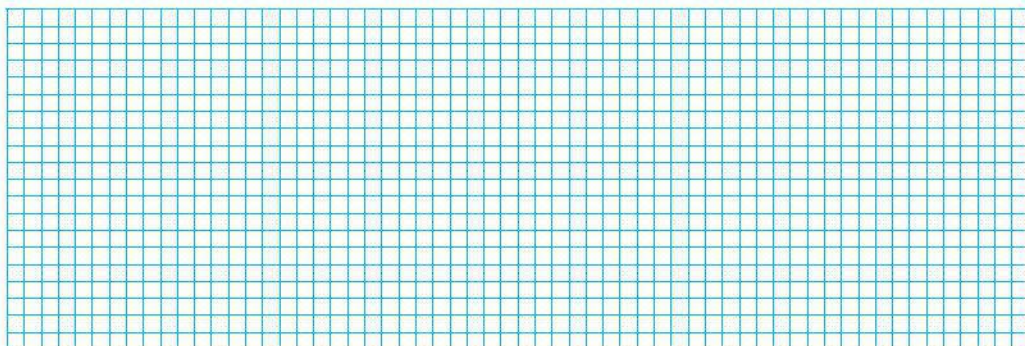
**6** Người ta xếp đều 80 quả trứng vào 8 vỉ. Hỏi nếu có 120 quả trứng cùng loại thì xếp được bao nhiêu vỉ như thế?

Bài giải



**7** Mẹ mua 2 kg cả gạo nếp và đậu xanh, biết khối lượng gạo nếp nhiều hơn đậu xanh là 1 kg. Hỏi mẹ mua bao nhiêu gam mỗi loại?

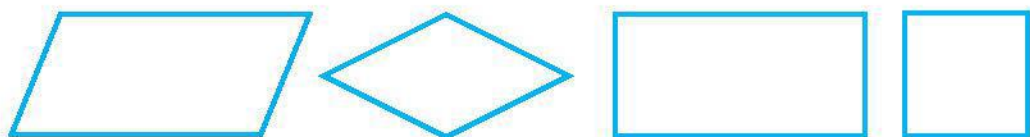
Bài giải





8 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

Quan sát các hình sau.



- a) Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau. ☐
- b) Hình thoi và hình vuông, mỗi hình đều có bốn cạnh bằng nhau. ☐
- c) Hình chữ nhật có bốn góc vuông. ☐
- d) Hình thoi có bốn góc tù. ☐

9 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

- a) Mỗi bao xi măng nặng 50 kg thì 50 bao như thế nặng:
- A. 250 kg      B. 25 yến      C. 1 tạ      D. 2 tấn 5 tạ
- b) Rót hết 20 l nước vào các chai nhỏ có dung tích 500 ml thì được:
- A. 4 chai      B. 40 chai      C. 400 chai      D. 4000 chai
- c) Năm không nhuận có:
- A. 360 ngày      B. 364 ngày      C. 365 ngày      D. 366 ngày



Viết vào chỗ chấm.

Nếu ngày 1 tháng 1 của một năm không nhuận là thứ Hai thì ngày 31 tháng 12 của năm đó là thứ .....



Tìm hình ảnh các đường thẳng vuông góc, các đường thẳng song song xung quanh em.





## CHUẨN BỊ CHO BUỔI LIÊN HOAN

Đọc nội dung trong SGK.

### 1. Số?

a) Số người tham dự liên hoan: ..... người.

Dự tính mỗi người ăn ..... quả táo và ..... quả chuối.

Số quả táo cần mua: khoảng ..... quả.

Số quả chuối cần mua: khoảng ..... quả.

b) Cần mua khoảng ..... kg táo và ..... kg chuối.

Tiền mua táo khoảng ..... đồng.

Tiền mua chuối khoảng ..... đồng.

Tiền mua cả táo và chuối khoảng ..... đồng.

*Lưu ý:* Nếu dự định mua đồ ăn khác, em viết theo mẫu trên.

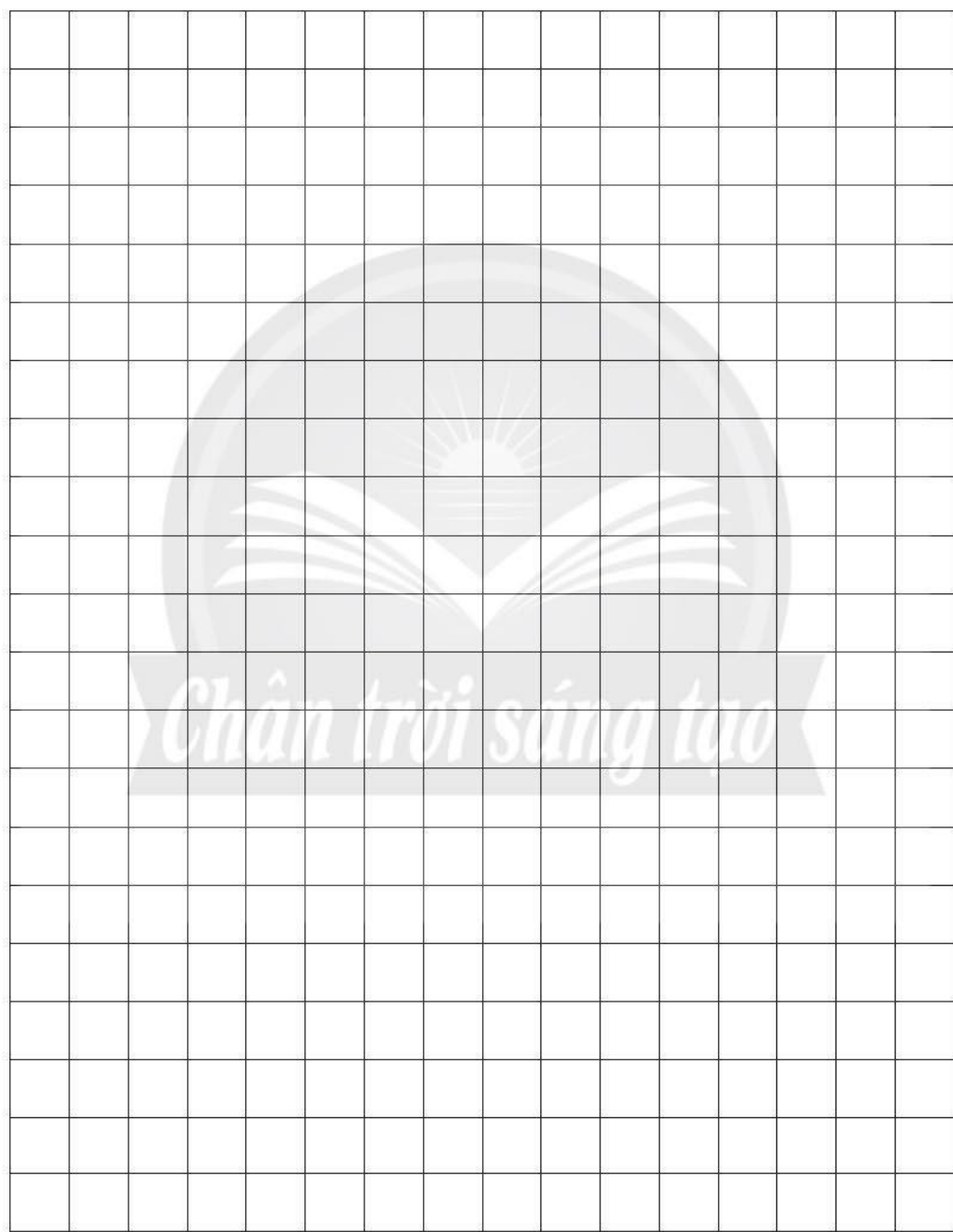


Em cùng gia đình đi chợ để tập tính tiền và sử dụng tiền một cách hợp lí.

## 2. Số?

Theo SGK, em chọn cách ...

Nếu không chọn các cách đó, em vẽ phác thảo một cách sắp xếp khác phù hợp với lớp em.



## 4. PHÂN SỐ

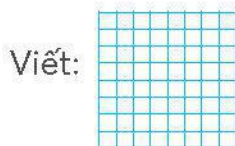




Viết vào chỗ chấm.

## • Phân số

Chia hình chữ nhật thành 5 phần bằng nhau, tô màu 3 phần.  
Ta nói: Đã tô màu vào ..... hình chữ nhật.



Đọc: .....

$\frac{3}{5}$  là một .....



## • Tử số và mẫu số của phân số

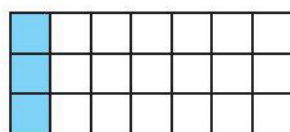
$\frac{3}{5}$  Mẫu số ... cho biết hình chữ nhật được chia thành ... phần bằng nhau.

Tử số ... cho biết có ... phần như thế được tô màu.

**1** Viết phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình vào chỗ chấm.

|            | Viết phân số   | Đọc phân số    |            | Viết phân số   | Đọc phân số    |
|------------|----------------|----------------|------------|----------------|----------------|
| <br>Hình 1 | .....<br>..... | .....<br>..... | <br>Hình 3 | .....<br>..... | .....<br>..... |
| <br>Hình 2 | .....<br>..... | .....<br>..... | <br>Hình 4 | .....<br>..... | .....<br>..... |

**1** Viết theo mẫu.

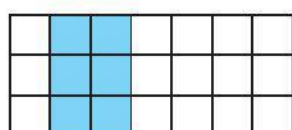


Hình A

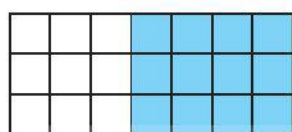
Mẫu: Đã tô màu vào  $\frac{3}{21}$  hình chữ nhật.

Mẫu số cho biết hình chữ nhật được chia thành 21 phần bằng nhau.

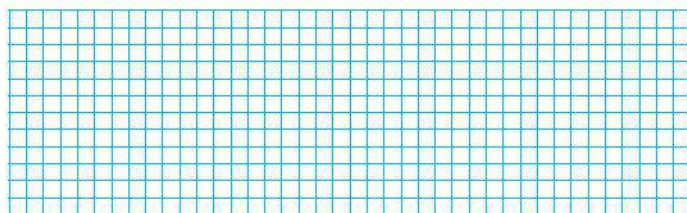
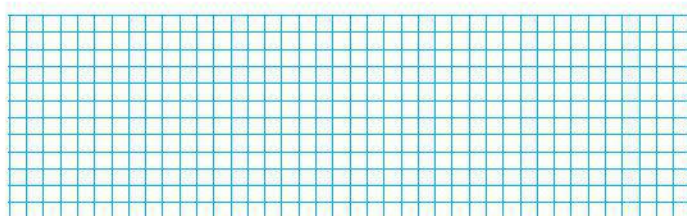
Tử số cho biết có 3 phần như thế được tô màu.



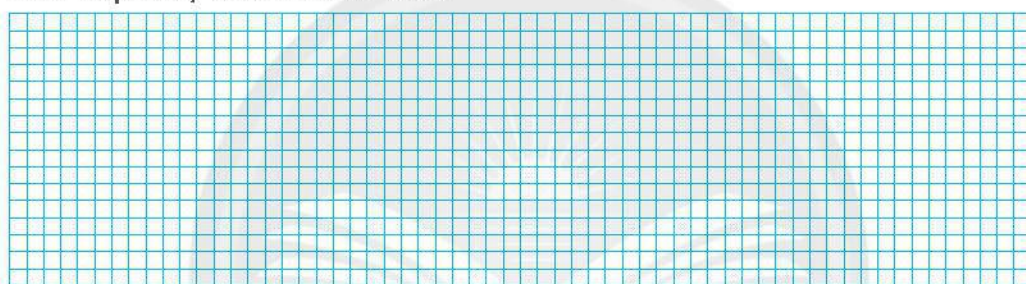
Hình B



Hình C



- 2 Đọc nội dung trong SGK rồi viết phân số chỉ phần đất trồng mỗi loại cây trên mảnh đất.

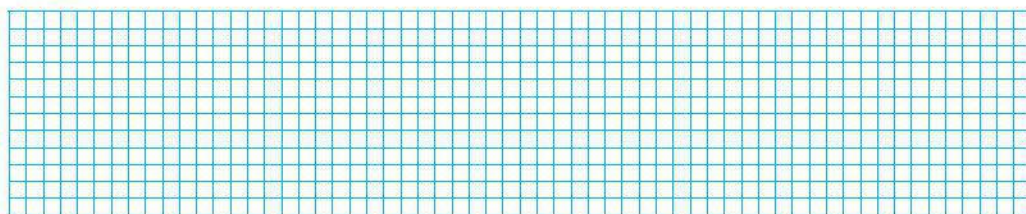


- 3 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

- a) 4 và 5 lần lượt là tử số và mẫu số của phân số  $\frac{4}{5}$ . ☐
- b) Tử số của phân số là số tự nhiên nằm trên gạch ngang. ☐
- c) 12 là mẫu số của các phân số  $\frac{5}{12}, \frac{12}{7}, \frac{11}{12}$ . ☐
- d)  $\frac{2}{3}$  đàn gà là gà mái có nghĩa là số con gà của cả đàn gà chia thành 3 phần bằng nhau, gà mái gồm 2 phần như vậy. ☐



Quan sát tranh và thực hiện theo mẫu trong SGK.



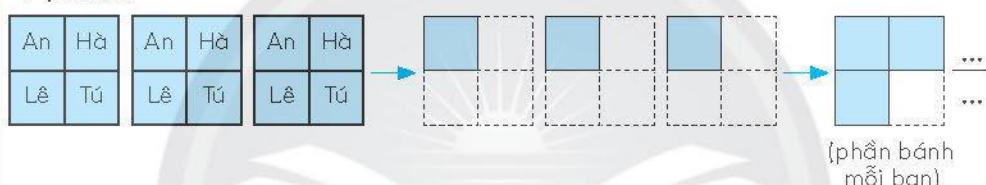
Đọc nội dung phần Khởi động trong SGK, viết phép tính tìm phần bánh mỗi bạn được chia: .....

Viết vào chỗ chấm.

**Ví dụ 1:** An, Hà, Lê, Tú tìm cách chia đều 3 cái bánh thành 4 phần bằng nhau. Mỗi bạn được bao nhiêu phần cái bánh?

$$3 : 4 = ?$$

Dùng giấy kẻ ô vuông, thể hiện chia đều mỗi cái bánh thành 4 phần.



$$3 : 4 = \frac{\dots}{\dots}$$

**Ví dụ 2:** Chia đều 5 quả cam cho 4 bạn. Tìm phần cam mỗi bạn.



$$5 : 4 = \frac{\dots}{\dots}$$

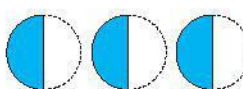
Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số, tử số là số ..... và mẫu số là số .....

**1** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a)   $1 : 4 = \frac{\dots}{\dots}$

b)   $1 : 3 = \frac{\dots}{\dots}$

c)   $2 : 5 = \frac{\dots}{\dots}$

d)   $3 : 2 = \frac{\dots}{\dots}$



- 2 Viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số (theo mẫu).

Mẫu:

$$14 : 7 = \frac{14}{7}$$

$$3 : 10 = \frac{\dots}{\dots}$$

$$9 : 8 = \frac{\dots}{\dots}$$

$$6 : 6 = \frac{\dots}{\dots}$$

- 3 Viết mỗi phân số sau dưới dạng thương của hai số tự nhiên (theo mẫu).

Mẫu:

$$\frac{18}{6} = 18 : 6$$

$$\frac{50}{10} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{15}{15} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{12}{24} = \dots\dots\dots$$

- 1 Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\frac{12}{4} = 12 : 4 = 3$$

$$\frac{18}{3} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{45}{9} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{8}{8} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{7}{1} = \dots\dots\dots$$

- 2 Viết mỗi số tự nhiên sau dưới dạng một phân số có mẫu số bằng 1 (theo mẫu).

Mẫu:

$$6 = \frac{6}{1}$$

$$5 = \frac{\dots}{\dots}$$

$$14 = \frac{\dots}{\dots}$$

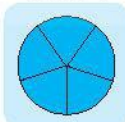
$$327 = \frac{\dots}{\dots}$$

$$1 = \frac{\dots}{\dots}$$

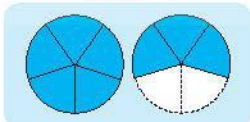
$$0 = \frac{\dots}{\dots}$$

- 3 Nối mỗi hình với phân số thích hợp.

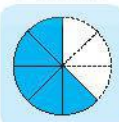
Hình 1



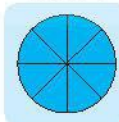
Hình 2



Hình 3



Hình 4



A  $\frac{8}{5}$  cái bánh

B  $\frac{5}{8}$  cái bánh

C  $\frac{5}{5}$  cái bánh

D  $\frac{8}{8}$  cái bánh

4 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

a) Chia đều 1 cái bánh cho 3 bạn, mỗi bạn được  $\frac{1}{3}$  cái bánh. ☐

b) Chia đều 3 cái bánh cho 5 bạn, mỗi bạn được  $\frac{5}{3}$  cái bánh. ☐

c) Mẫu số của một phân số luôn khác 0. ☐

d) Có thể viết số 7 dưới dạng phân số theo nhiều cách  $\frac{7}{1}, \frac{14}{2}, \frac{21}{3}, \dots$  ☐

5 Quan sát hình ảnh các đoạn thẳng được chia thành các phần có độ dài bằng nhau để viết các phân số thích hợp và nói theo mẫu trong SGK.

a)   
 $CK = \frac{\dots}{\dots} CD$

b)   
 $SV = \frac{\dots}{\dots} TV$



Quan sát tranh trong SGK và viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Bạn Sên đã bò được  $\frac{\dots}{\dots}$  quãng đường.



Quan sát biểu đồ trong SGK và viết phân số biểu thị lượng nước uống của mỗi bạn trong một ngày vào chỗ chấm.

An uống  $\frac{7}{5}$  l nước, Tú uống  $\frac{\dots}{\dots}$  l nước,

Lê uống  $\frac{\dots}{\dots}$  l nước, Hà uống  $\frac{\dots}{\dots}$  l nước.

## • Viết phân số vào chỗ chấm.

Có ba băng giấy như nhau, mỗi băng giấy được chia thành các phần bằng nhau rồi tô màu.

Băng giấy 1:  Đã tô màu ..... băng giấy 1.

Băng giấy 2:  Đã tô màu ..... băng giấy 2.

Băng giấy 3:  Đã tô màu ..... băng giấy 3.

Phần giấy được tô màu ở ba băng giấy dài bằng nhau.

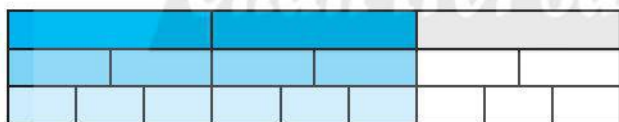
Ta nói các phân số ..... ; ..... ; ..... bằng nhau.

## • Số?

$$\begin{array}{c} \times 2 \\ \frac{1}{2} = \frac{2}{4} \\ \times \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{c} : 3 \\ \frac{3}{6} = \frac{1}{2} \\ : \dots \end{array}$$

## 1 Số? (Theo mẫu).



Mẫu:  $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 2}{3 \times 2} = \frac{4}{6}$

a)  $\frac{2}{3} = \frac{2 \times \dots}{3 \times 3} = \frac{\dots}{\dots}$

b)  $\frac{4}{6} = \frac{4 : 2}{6 : \dots} = \frac{\dots}{\dots}$

c)  $\frac{6}{9} = \frac{6 : \dots}{9 : 3} = \frac{\dots}{\dots}$

## 1 Số?

a)  $\frac{1}{3} = \frac{5}{\dots}$

$\frac{3}{2} = \frac{\dots}{8}$

b)  $\frac{7}{\dots} = \frac{1}{2}$

$\frac{4}{\dots} = \frac{12}{27}$

$\frac{12}{16} = \frac{3}{\dots}$

$\frac{15}{20} = \frac{\dots}{4}$

$\frac{\dots}{15} = \frac{2}{3}$

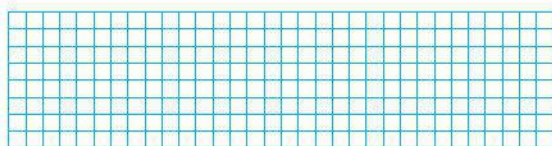
$\frac{\dots}{5} = \frac{18}{45}$



2 Số?  $\frac{1}{2} = \frac{2}{\dots} = \frac{3}{\dots} = \frac{4}{\dots} = \frac{5}{\dots} = \frac{9}{\dots}$

3 Cho các phân số  $\frac{2}{3}$ ;  $\frac{3}{4}$ ;  $\frac{9}{8}$ ;  $\frac{9}{12}$ ;  $\frac{6}{9}$ .

Các phân số bằng nhau là:



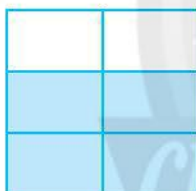
4 Số?

a)

|            |    |     |     |
|------------|----|-----|-----|
| Số bị chia | 24 | 48  | 8   |
| Số chia    | 6  | ... | ... |
| Thương     | 4  | 4   | 4   |

b) Mẹ dự định xếp vào mỗi hộp 4 cái bánh. Nếu số bánh gấp lên 2 lần thì số hộp cũng phải gấp lên ..... lần để mỗi hộp vẫn có 4 cái bánh.

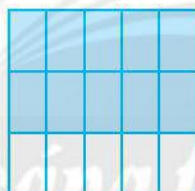
5 Quan sát các hình sau và viết vào chỗ chấm.



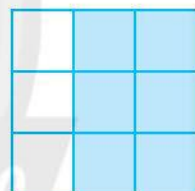
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Đã tô màu vào  $\frac{2}{3}$  của các hình: .....



Quan sát hình vẽ trong SGK.

a) Viết các phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Phân số chỉ số gạch màu xanh so với số gạch ghép được trên bức tường thứ nhất và bức tường thứ hai lần lượt là: .....

b) Điền *bằng nhau*, *không bằng nhau* thích hợp vào chỗ chấm.

Hai phân số đó .....

Viết vào chỗ chấm.

**Ví dụ:** Tìm phân số bằng phân số  $\frac{12}{18}$  nhưng có tử số và mẫu số bé hơn.

Cách 1:

$$\frac{12}{18} = \frac{12 : \dots}{18 : \dots} = \frac{6}{9}$$

$$\frac{6}{9} = \frac{6 : 3}{9 : 3} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\text{Vậy } \frac{12}{18} = \frac{\dots}{\dots}$$

Cách 2:

$$\frac{12}{18} = \frac{12 : \dots}{18 : 6} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\text{Vậy } \frac{12}{18} = \frac{\dots}{\dots}$$

**1** Rút gọn các phân số (theo mẫu).

Mẫu:  $\frac{2}{6} = \frac{2 : 2}{6 : 2} = \frac{1}{3}$

a)

$$\frac{3}{6} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\frac{5}{10} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\frac{7}{14} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

b)

$$\frac{4}{12} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\frac{9}{36} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\frac{16}{24} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\frac{15}{30} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

**1** Rút gọn phân số (theo mẫu).

Mẫu:  $\frac{18}{20} = \frac{9}{10}$

a)

$$\frac{9}{12} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\frac{30}{25} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$\frac{36}{45} = \frac{\dots}{\dots}$$

b)  $\frac{50}{60} = \frac{\dots}{\dots}$

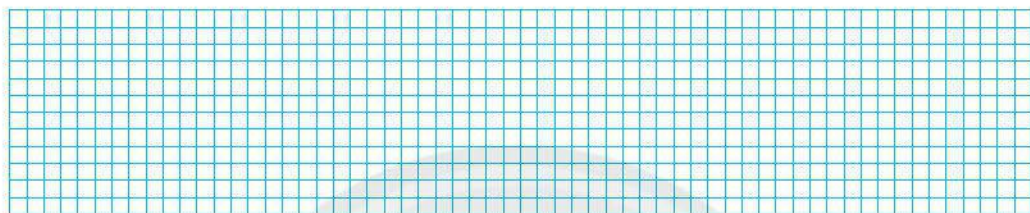
$\frac{42}{48} = \frac{\dots}{\dots}$

$\frac{60}{45} = \frac{\dots}{\dots}$

$\frac{18}{54} = \frac{\dots}{\dots}$

- 2 Khoanh vào các phân số chưa tối giản và rút gọn các phân số đó.

$\frac{5}{7}$ ;  $\frac{15}{9}$ ;  $\frac{30}{80}$ ;  $\frac{7}{24}$ ;  $\frac{30}{45}$ .



- 3 Khoanh vào phân số bằng phân số  $\frac{6}{8}$  trong các phân số dưới đây.

$\frac{3}{4}$ ;  $\frac{8}{6}$ ;  $\frac{15}{60}$ ;  $\frac{42}{56}$ .



Số?



..... số quả măng cụt nằm trên đĩa.  
.....



Đọc thông tin trong SGK và điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Phân số tối giản chỉ số tỉnh và thành phố có biển trên cả nước là : .....  
.....



1 Số?

a)  $\frac{1}{3} = \frac{12}{\dots\dots}$

b)  $\frac{3}{4} = \frac{\dots\dots}{24}$

c)  $\frac{\dots\dots}{12} = \frac{5}{3}$

d)  $\frac{4}{\dots\dots} = \frac{40}{210}$

2 Rút gọn các phân số.

a)  $\frac{35}{60} = \frac{\dots}{\dots}$

b)  $\frac{14}{18} = \frac{\dots}{\dots}$

c)  $\frac{15}{48} = \frac{\dots}{\dots}$

d)  $\frac{27}{18} = \frac{\dots}{\dots}$

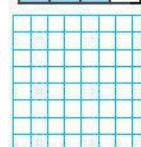
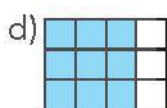
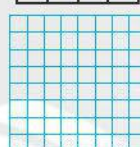
e)  $\frac{90}{70} = \frac{\dots}{\dots}$

3 Viết phân số tối giản chỉ phần tô màu trong mỗi hình (theo mẫu).

Mẫu:



$\frac{1}{4}$



4 Viết phân số chỉ phần đã tô màu ở mỗi hình và rút gọn phân số đó (theo mẫu).

Mẫu:

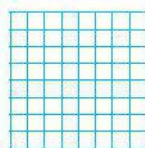


Hình 1

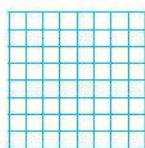
$\frac{6}{9} = \frac{2}{3}$



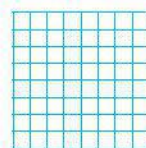
Hình 2



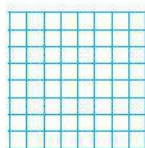
Hình 3



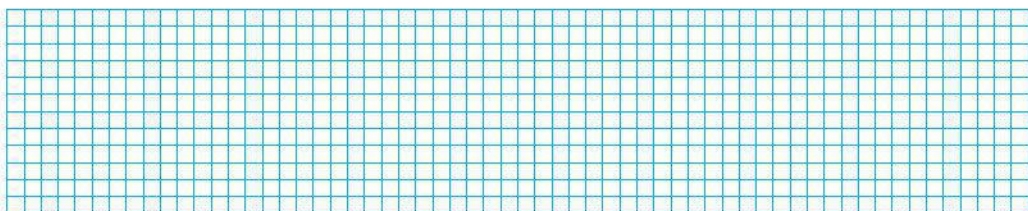
Hình 4



5 a) Viết phân số có tử số là số tự nhiên lớn nhất có một chữ số, mẫu số là số tự nhiên bé nhất có hai chữ số:

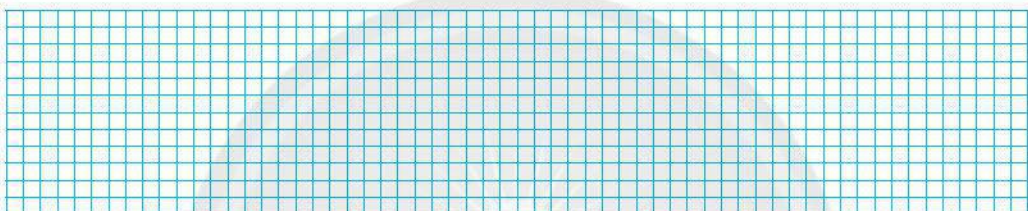


b) Phân số đó có là phân số tối giản không? Tại sao?



6 Các phân số sau có bằng nhau không? Tại sao?

$$\frac{4}{6}, \frac{8}{12}, \frac{10}{15}, \frac{14}{21}$$



Quan sát hình vẽ dưới đây và viết phân số vào chỗ chấm.



A



B



C



D

Từ lúc 8 giờ, kim phút của đồng hồ A đã di chuyển trong khoảng thời gian bằng ..... của một giờ.

Từ lúc 8 giờ, kim phút của đồng hồ B đã di chuyển trong khoảng thời gian bằng ..... của một giờ.

Từ lúc 8 giờ, kim phút của đồng hồ C đã di chuyển trong khoảng thời gian bằng ..... của một giờ.

Từ lúc 8 giờ, kim phút của đồng hồ D đã di chuyển trong khoảng thời gian bằng ..... của một giờ.

Viết vào chỗ chấm.

**Ví dụ 1:** Cho hai phân số  $\frac{1}{4}$  và  $\frac{3}{8}$ .

Ta có :  $\frac{1}{4} = \frac{1 \times \dots}{4 \times \dots} = \frac{\dots}{8}$

Hai phân số  $\frac{1}{4}$  và  $\frac{3}{8}$  đã được quy đồng mẫu số thành hai phân số  $\frac{\dots}{8}$  và  $\frac{3}{8}$ .

8 gọi là ..... của hai phân số  $\frac{\dots}{8}$  và  $\frac{3}{8}$ .

**Ví dụ 2:** Quy đồng mẫu số hai phân số  $\frac{2}{3}$  và  $\frac{5}{12}$ .

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times \dots}{3 \times \dots} = \frac{\dots}{12}$$

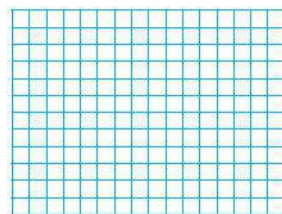
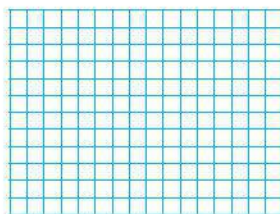
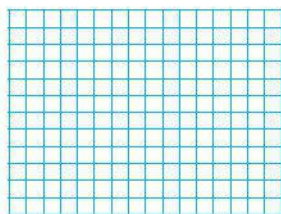
Quy đồng mẫu số hai phân số đã cho được  $\frac{\dots}{12}$  và  $\frac{5}{12}$ .

**1** Quy đồng mẫu số các phân số.

a)  $\frac{3}{2}$  và  $\frac{5}{6}$

b)  $\frac{1}{3}$  và  $\frac{5}{6}$

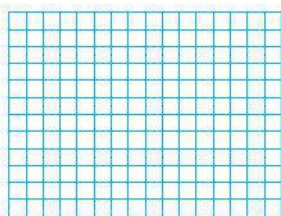
c)  $\frac{2}{5}$  và  $\frac{7}{10}$



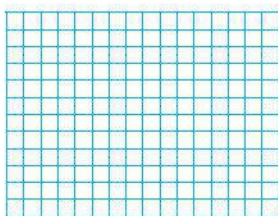


**1** Quy đồng mẫu số các phân số.

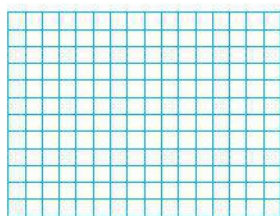
a)  $\frac{9}{14}$  và  $\frac{4}{7}$



b)  $\frac{25}{9}$  và  $\frac{8}{3}$



c)  $\frac{6}{7}$  và  $\frac{9}{70}$



**2** Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Quy đồng mẫu số hai phân số  $\frac{4}{12}$  và  $\frac{12}{18}$ , ta được các phân số sau:

a)  $\frac{24}{18}$  và  $\frac{12}{18}$  ☐

b)  $\frac{4}{3}$  và  $\frac{2}{3}$  ☐

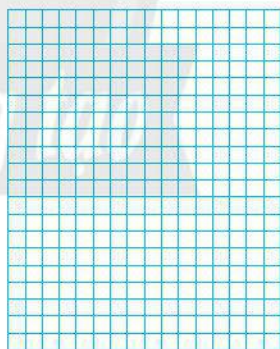
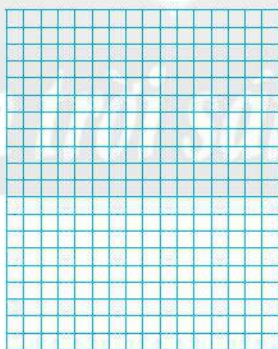
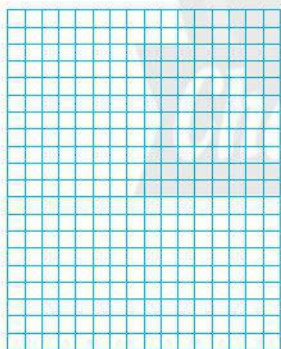
c)  $\frac{12}{9}$  và  $\frac{12}{8}$  ☐

**3** Viết các số sau thành hai phân số có chung mẫu số (theo mẫu trong SGK).

a) 1 và  $\frac{2}{5}$

b) 2 và  $\frac{3}{8}$

c)  $\frac{1}{3}$  và 5



Số?

Các bạn lớp 4A dự định trồng rau muống, rau cải và rau dền lần lượt trên  $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{1}{3}$  và  $\frac{1}{6}$  của mảnh đất. Mảnh đất đó nên chia thành ..... phần bằng nhau để thuận lợi cho việc chia đất trồng rau.

Điền dấu  $>$ ,  $<$ ,  $=$  thích hợp vào chỗ chấm.

• So sánh hai phân số cùng mẫu số

**Ví dụ 1:** So sánh hai phân số  $\frac{1}{9}$  và  $\frac{2}{9}$ .

Vì  $1 \dots 2$  nên  $\frac{1}{9} \dots \frac{2}{9}$ .

• So sánh hai phân số khác mẫu số

**Ví dụ 2:** So sánh hai phân số  $\frac{1}{4}$  và  $\frac{1}{8}$ .

Quy đồng mẫu số hai phân số  $\frac{1}{4}$  và  $\frac{1}{8}$ .

Ta có:  $\frac{1}{4} = \frac{1 \times 2}{4 \times 2} = \frac{2}{8}$ .

Vì  $\frac{2}{8} \dots \frac{1}{8}$  nên  $\frac{1}{4} \dots \frac{1}{8}$ .

1

$>$ ,  $<$ ,  $=$

Chân trời sáng tạo

a)  $\frac{2}{5} \dots \frac{3}{5}$        $\frac{4}{7} \dots \frac{2}{7}$        $\frac{1}{10} \dots \frac{7}{10}$        $\frac{5}{2} \dots \frac{2}{2}$

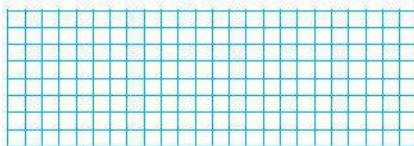
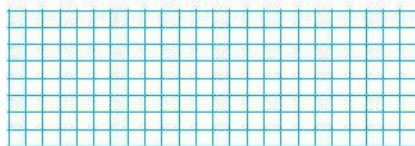
b)  $\frac{1}{3} \dots \frac{5}{12}$        $\frac{1}{5} \dots \frac{2}{15}$        $\frac{5}{14} \dots \frac{1}{2}$        $\frac{2}{3} \dots \frac{12}{18}$

1

Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.

a)  $\frac{1}{2}$ ;  $\frac{3}{4}$ ;  $\frac{5}{8}$ .

b)  $\frac{2}{3}$ ;  $\frac{3}{4}$ ;  $\frac{5}{6}$ ;  $\frac{7}{12}$ .



2 Đọc nội dung trong SGK rồi thực hiện yêu cầu sau.

a) Điền *nhiều hơn*, *ít hơn* hay *bằng* thích hợp vào chỗ chấm.

Thu ăn ..... một cái bánh.

Vân ăn ..... một cái bánh.

Khang ăn ..... một cái bánh.

b)  $>, <, =$

$$\frac{4}{4} \dots 1$$

$$\frac{3}{4} \dots 1$$

$$\frac{5}{4} \dots 1$$

c) Điền *lớn hơn*, *bé hơn* hay *bằng* thích hợp vào chỗ chấm.

• Nếu tử số bằng mẫu số thì phân số ..... 1.

• Nếu tử số bé hơn mẫu số thì phân số ..... 1.

• Nếu tử số lớn hơn mẫu số thì phân số ..... 1.

3 Chọn số tự nhiên 7 hoặc 9 thích hợp để điền vào chỗ chấm.

a)  $\frac{7}{\dots} = 1$

b)  $\frac{\dots}{\dots} > 1$

c)  $\frac{\dots}{\dots} < 1$

4 Đọc nội dung trong SGK rồi điền tên Thành, Tú hay Phương thích hợp vào chỗ chấm.

a) Thời gian đọc sách ở thư viện của bạn ..... nhiều nhất.

b) Thời gian đọc sách ở thư viện của bạn ..... ít nhất.



a) Đọc nội dung trong SGK rồi viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Phân số chỉ phần tô màu ở hình 1 là .....

Phân số chỉ phần tô màu ở hình 2 là .....

Dựa vào hình vẽ, ta có phân số lớn hơn là .....

b) Điền *lớn hơn* hay *bé hơn* thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hai phân số có cùng tử số, phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó .....



- 1 Viết phân số rồi xác định tử số và mẫu số của các phân số sau.

| Đọc phân số  | Viết phân số | Tử số | Mẫu số |
|--------------|--------------|-------|--------|
| Hai phần năm | .....        | ..... | .....  |
| Năm phần hai | .....        | ..... | .....  |

- 2 Rút gọn các phân số.

$$\frac{18}{16} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{21}{9} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{50}{45} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{40}{100} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{42}{54} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

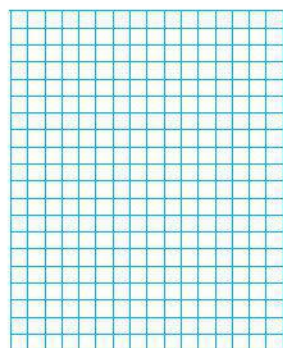
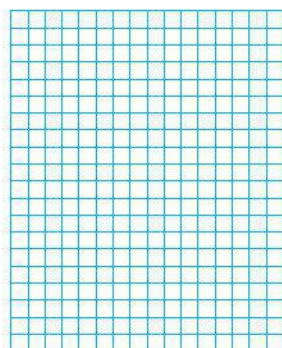
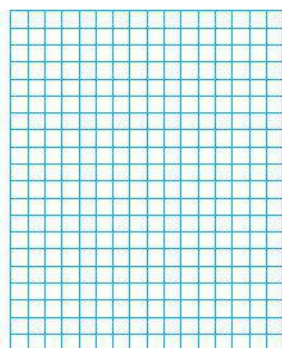
$$\frac{49}{70} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

- 3 Quy đồng mẫu số các phân số.

a)  $\frac{5}{3}$  và  $\frac{28}{12}$

b)  $\frac{2}{9}$  và  $\frac{17}{81}$

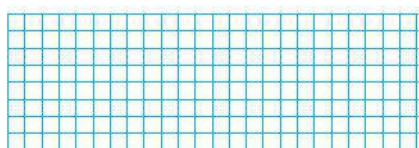
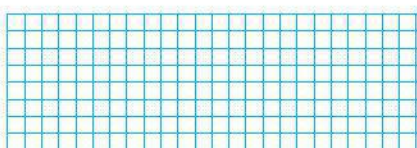
c)  $\frac{9}{24}$  và  $\frac{5}{8}$



- 4 Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

a)  $\frac{2}{3}; \frac{1}{2}; \frac{11}{8}; \frac{5}{9}$

b)  $\frac{5}{3}; \frac{1}{3}; 1$



- 5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

$$\frac{5}{8} > \frac{?}{4}$$

Số thích hợp thay vào  $?$  là:

A. 4

B. 3

C. 2

- 6 Viết số tự nhiên hoặc phân số tối giản chỉ phần cam mỗi bạn được chia vào chỗ chấm.

| Số quả cam để chia đều cho các bạn | Số bạn được chia cam | Phần cam mỗi bạn được chia |
|------------------------------------|----------------------|----------------------------|
| 6                                  | 8                    | ..... quả cam              |
| 8                                  | 8                    | ..... quả cam              |

- 7 Đọc nội dung trong SGK. Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

a) Phần giấy đã tô màu của Thành chưa đến 1 tờ giấy.

☐

b) Phần giấy đã tô màu của Hùng là nhiều nhất.

☐


Đọc nội dung trong SGK, viết phân số vào chỗ chấm.

Phân số tối giản biểu thị số huy chương vàng so với tổng số huy chương đạt được của đoàn Việt Nam là .....

# CỘNG HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ

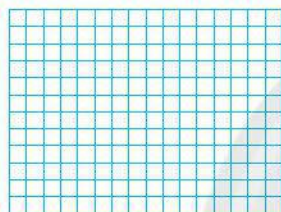
Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Thực hiện phép cộng hai phân số cùng mẫu số:

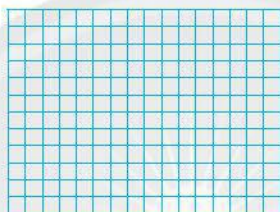
$$\frac{3}{8} + \frac{1}{8} = \frac{\dots + \dots}{8} = \frac{\dots}{8} = \frac{\dots}{2}$$

**1** Tính.

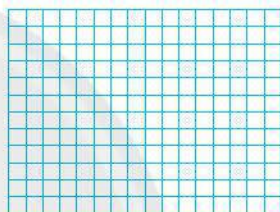
a)  $\frac{1}{10} + \frac{3}{10}$



b)  $\frac{5}{12} + \frac{1}{12}$

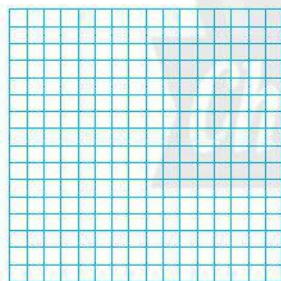


c)  $\frac{3}{2} + \frac{1}{2}$

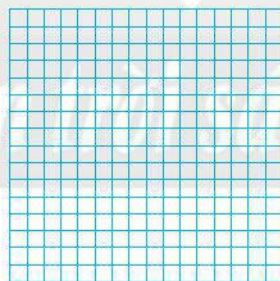


**1** Viết các số hạng là số tự nhiên dưới dạng phân số rồi tính.

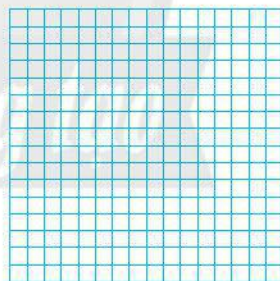
a)  $\frac{1}{3} + 1$



b)  $\frac{2}{5} + 2$



c)  $7 + \frac{1}{2}$



**2** Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau.

A  $\frac{1}{3} + \frac{2}{3}$

B  $\left(\frac{1}{8} + \frac{3}{8}\right) + \frac{5}{8}$

C  $\frac{5}{18} + 0$

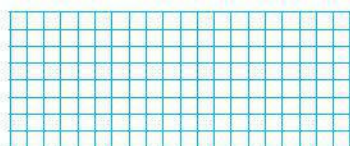
K  $0 + \frac{5}{18}$

L  $\frac{2}{3} + \frac{1}{3}$

M  $\frac{1}{8} + \left(\frac{3}{8} + \frac{5}{8}\right)$



Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK, viết phép cộng hai phân số để tính số phần của tờ giấy đã được tô màu:



Viết vào chỗ chấm.

Thực hiện phép cộng hai phân số khác mẫu số:

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{4} = \frac{\dots}{\dots} + \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots + \dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

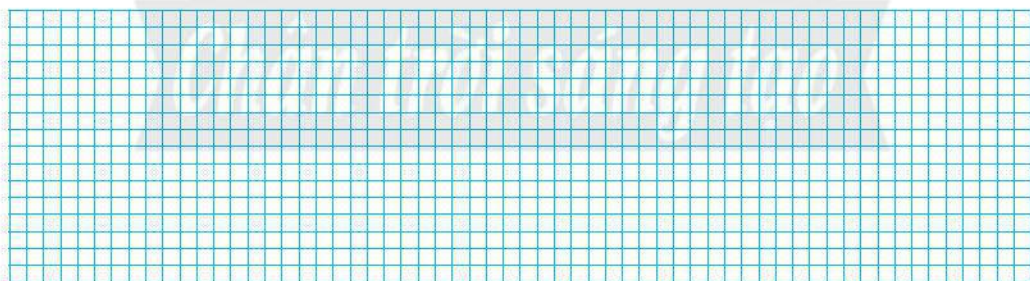
Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta ..... mẫu số hai phân số, rồi ..... hai phân số đó.

**1** Tính.

a)  $\frac{1}{6} + \frac{2}{3}$

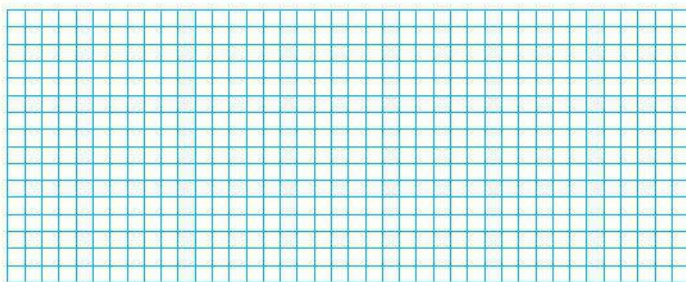
b)  $\frac{3}{5} + \frac{9}{20}$

c)  $\frac{3}{8} + \frac{3}{24}$

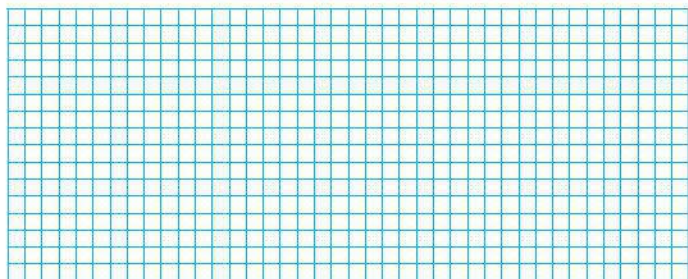


**1** Tính.

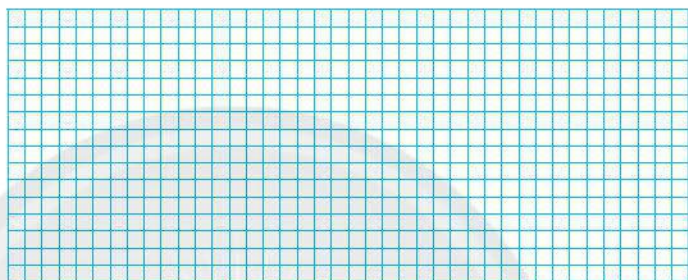
a)  $\frac{1}{3} + \frac{1}{3} + \frac{1}{6}$



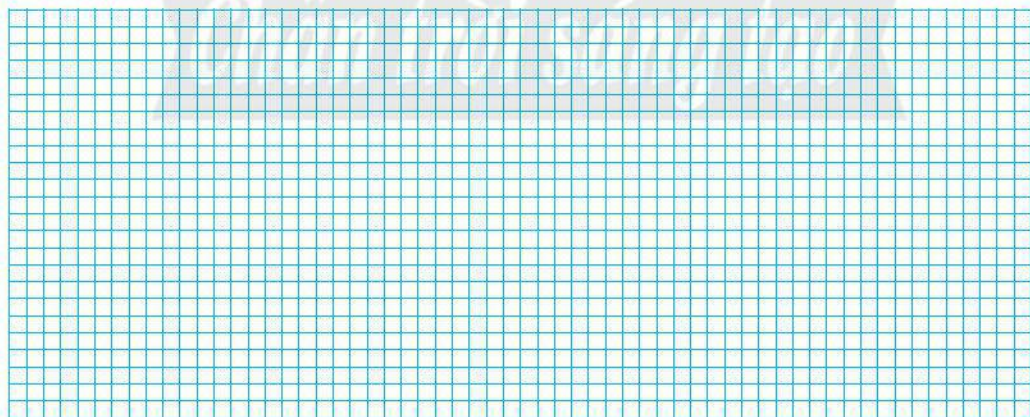
b)  $\frac{1}{12} + \frac{3}{4} + \frac{2}{12}$



c)  $\frac{19}{15} + 0 + \frac{11}{15}$



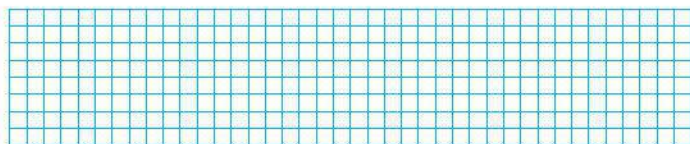
- 2 Một xe tải giờ đầu chạy được  $\frac{2}{5}$  quãng đường, giờ thứ hai chạy được  $\frac{3}{10}$  quãng đường. Hỏi sau hai giờ, xe tải đó chạy được bao nhiêu phần của quãng đường?



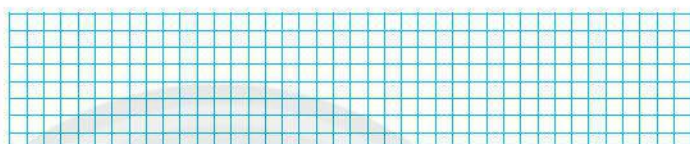


1 Tính.

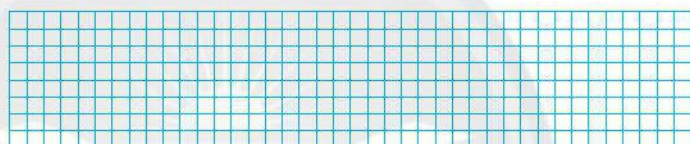
a)  $\frac{1}{6} + \frac{3}{2} + \frac{1}{2}$



b)  $\frac{3}{8} + \frac{1}{2} + \frac{1}{8}$

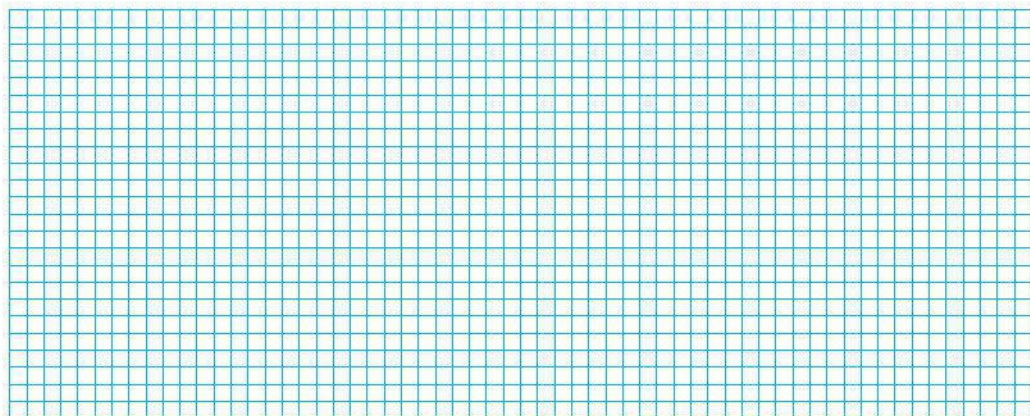


c)  $\frac{2}{5} + \frac{6}{10} + \frac{3}{5}$



2 Có hai túi đậu xanh. Túi thứ nhất cân nặng  $\frac{3}{4}$  kg. Túi thứ hai nặng hơn túi thứ nhất  $\frac{1}{2}$  kg. Hỏi cả hai túi cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải





**3** Quan sát biểu đồ trong SGK rồi viết số vào chỗ chấm.

a)

Băng giấy A:  $\frac{\dots}{\dots}$  dm.

Băng giấy B:  $\frac{\dots}{\dots}$  dm.

Băng giấy C:  $\frac{\dots}{\dots}$  dm.

Băng giấy D:  $\frac{\dots}{\dots}$  dm.

b) Trong các phân số trên, phân số  $\frac{\dots}{\dots}$  là tổng của hai trong ba phân số còn lại.



Cho biết:

| Con gấu  | Gấu đen           | Gấu ngựa           | Gấu nâu            |
|----------|-------------------|--------------------|--------------------|
| Cân nặng | $\frac{1}{5}$ tấn | $\frac{1}{10}$ tấn | $\frac{3}{10}$ tấn |

Viết vào chỗ chấm: *gấu đen*, *gấu ngựa* hay *gấu nâu*.

Trong các con gấu trên, con ..... có khối lượng bằng tổng khối lượng của hai con gấu còn lại.

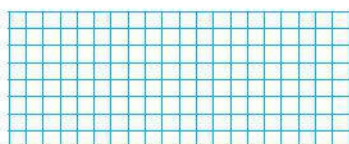


Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm: *có thể* hay *không thể*.

..... xếp hai chậu hoa thành một hàng ngang trên bệ cửa sổ.

# TRỪ HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ

Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK rồi viết phép trừ hai phân số để tính số phần của tờ giấy đã tô màu nhưng không vẽ hoa:



Viết vào chỗ chấm.

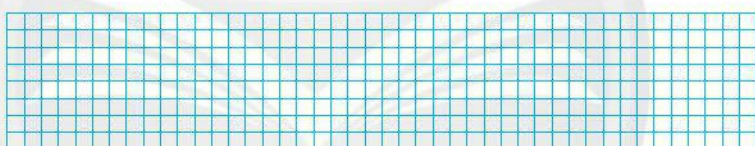
Thực hiện phép trừ hai phân số cùng mẫu số:

$$\frac{8}{15} - \frac{2}{15} = \frac{\dots - \dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

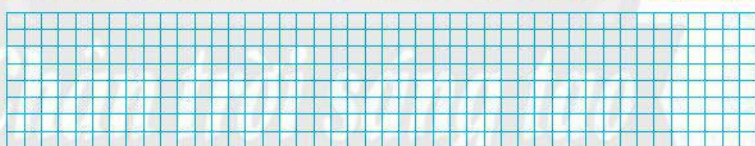
Muốn trừ hai phân số cùng mẫu số, ta trừ .....  
với nhau và giữ nguyên .....

**1** Tính.

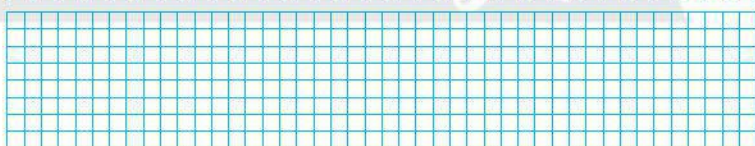
a)  $\frac{2}{3} - \frac{1}{3}$



b)  $\frac{7}{12} - \frac{5}{12}$

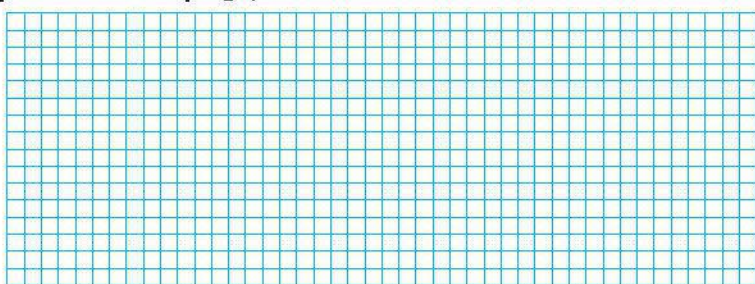


c)  $\frac{17}{21} - \frac{10}{21}$

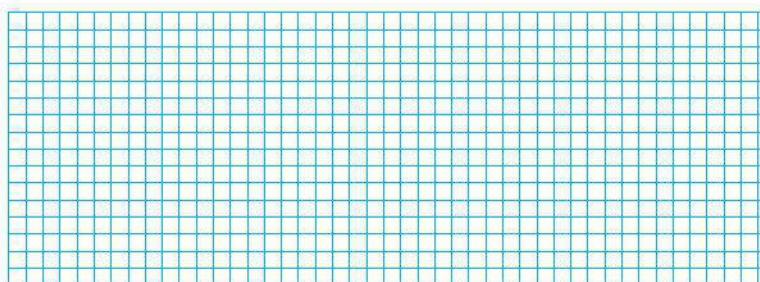


**1** Viết số bị trừ dưới dạng phân số rồi tính.

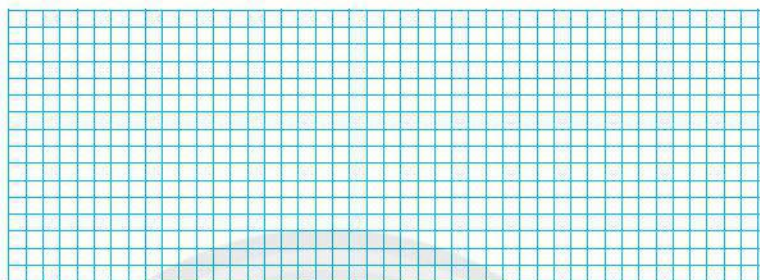
a)  $1 - \frac{1}{3}$



b)  $1 - \frac{6}{9}$

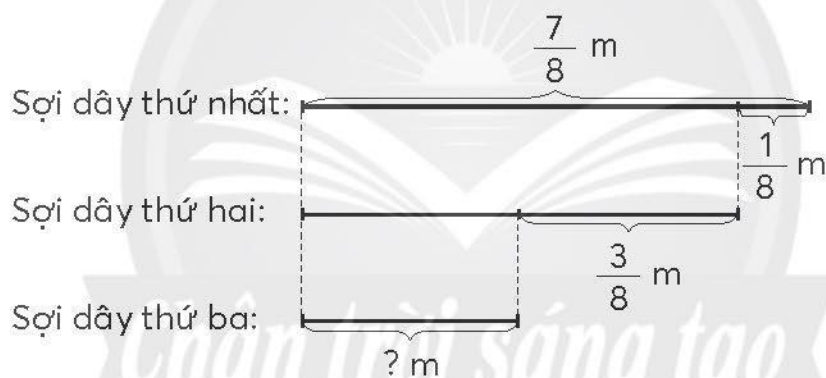


c)  $2 - \frac{2}{5}$

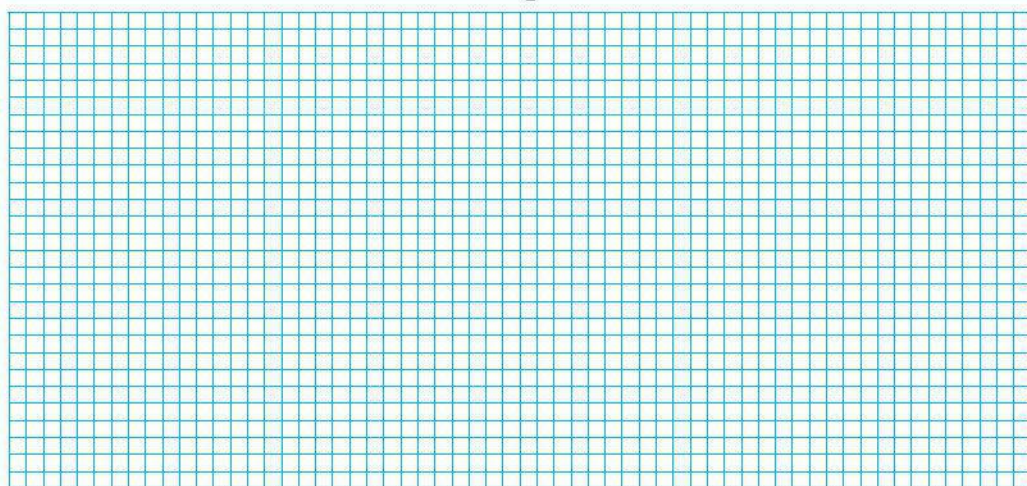


2 Giải bài toán theo tóm tắt sau.

Tóm tắt

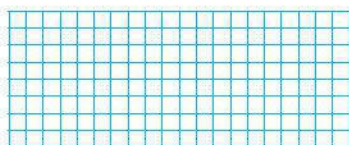


Bài giải





Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK rồi viết phép trừ hai phân số để tính số phần của tờ giấy đã tô màu nhưng không vẽ hoa:



Viết vào chỗ chấm.

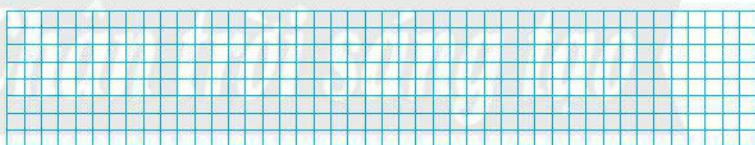
Thực hiện phép trừ hai phân số khác mẫu số:

$$\frac{3}{5} - \frac{2}{15} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

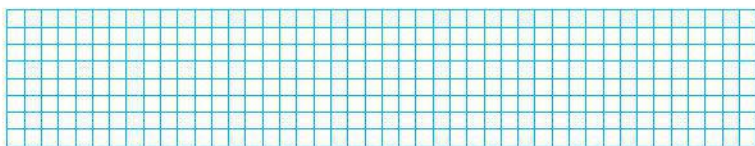
Muốn trừ hai phân số khác mẫu số, ta ..... mẫu số hai phân số, rồi ..... hai phân số đó.

**1** Tính.

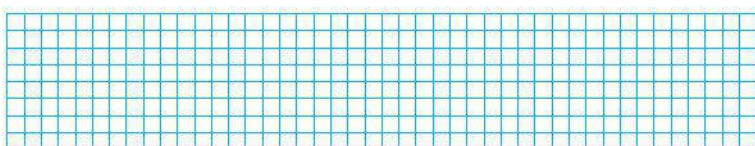
a)  $\frac{1}{2} - \frac{1}{4}$



b)  $\frac{2}{3} - \frac{4}{15}$

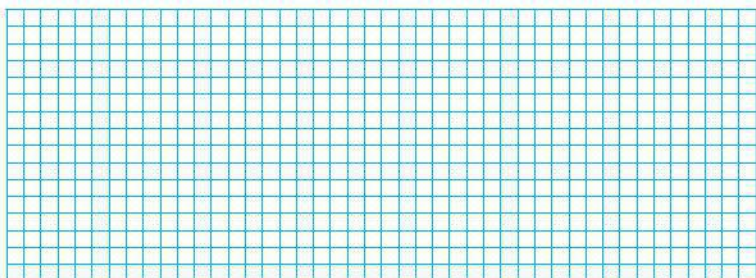


c)  $\frac{3}{5} - \frac{10}{25}$

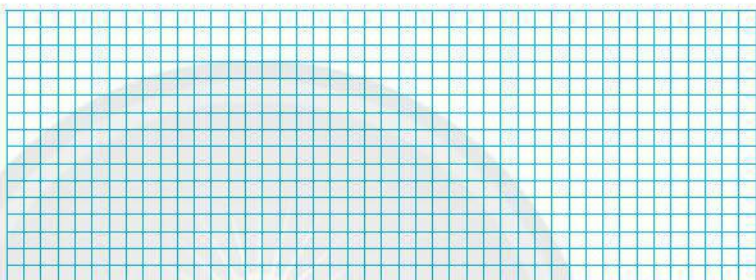


1 Tính.

a)  $\frac{3}{2} - \frac{1}{6} - \frac{5}{6}$

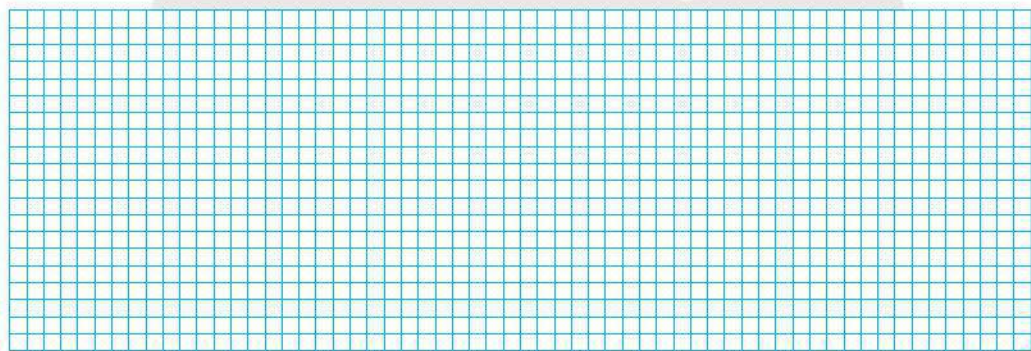


b)  $1 - \frac{1}{3} - \frac{2}{3}$



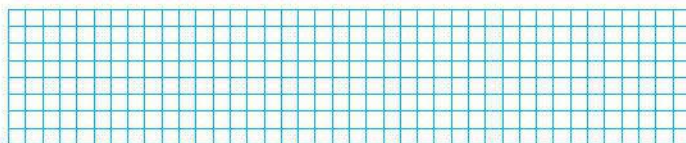
2 Bình hoa có  $\frac{1}{3}$  số hoa là màu đỏ,  $\frac{1}{6}$  số hoa là màu tím.  
Hỏi hoa màu đỏ nhiều hơn hoa màu tím là bao nhiêu phần  
số hoa của bình?

Bài giải

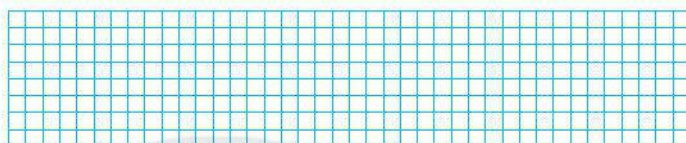


1 Tính.

a)  $\frac{11}{12} - \frac{1}{3} + \frac{1}{4}$



b)  $1 - \left( \frac{1}{6} + \frac{1}{3} \right)$



2 Đọc thông tin và quan sát biểu đồ trong SGK rồi viết số vào chỗ chấm.

a) Phần hoa màu đỏ bằng  $\frac{\dots}{\dots}$  hộp.

Phần hoa màu hồng bằng  $\frac{\dots}{\dots}$  hộp.

Phần hoa màu vàng bằng  $\frac{\dots}{\dots}$  hộp.

b) Phần hoa màu đỏ ít hơn phần hoa màu vàng là  $\frac{\dots}{\dots}$  hộp.

Tổng số phần hoa cả ba màu là ..... hộp.

3 Đọc thông tin trong SGK rồi nối phép tính với bể nước phù hợp.

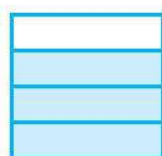
A.  $1 - \frac{2}{5}$

B.  $1 - \frac{2}{3}$

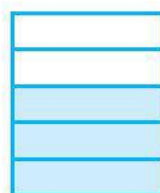
C.  $1 - \frac{1}{4}$



Bể 1



Bể 2



Bể 3



4 Số?

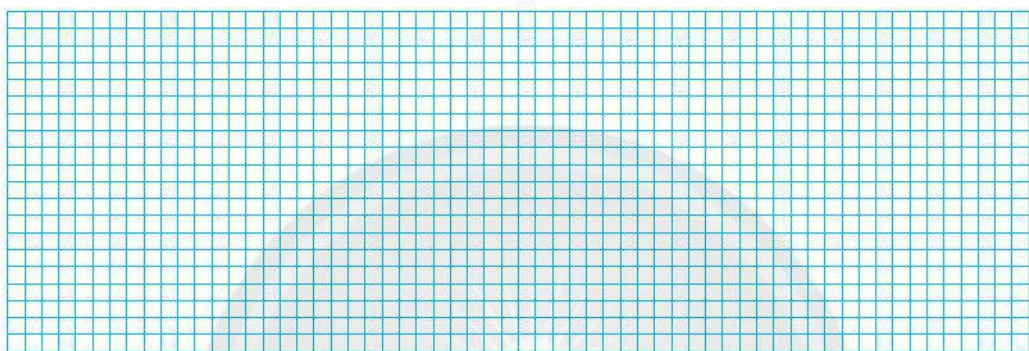
a)  $\frac{1}{4} + \frac{\dots}{\dots} = \frac{3}{4}$

b)  $\frac{\dots}{\dots} - \frac{3}{5} = \frac{1}{5}$

c)  $\frac{2}{3} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{1}{3}$

5 Bếp nhà Liên có 1 lọ đựng đầy đường trắng. Trong hai tuần, gia đình Liên lần lượt dùng hết  $\frac{1}{2}$  và  $\frac{1}{4}$  lọ đường. Hỏi số đường còn lại bằng bao nhiêu phần lọ đường?

Bài giải



Quan sát hình vẽ trong SGK.

a) Số?

$\frac{\dots}{\dots}$  viên gạch là màu vàng.

$\frac{\dots}{\dots}$  viên gạch là màu xanh đậm.  $\frac{\dots}{\dots}$  viên gạch là màu xanh nhạt.

b) Điền *lớn hơn*, *bé hơn* hay *bằng* thích hợp vào chỗ chấm.

Tổng hai phân số chỉ phần gạch màu vàng và màu xanh đậm ..... phân số chỉ phần gạch màu xanh nhạt.



Quan sát sàn các căn phòng lát gạch bông rồi trả lời các câu hỏi sau.

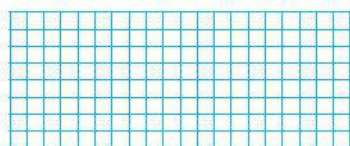
- Căn phòng đó được lát bằng mấy loại gạch bông?



- Mỗi loại gạch chiếm mấy phần diện tích sàn căn phòng?



Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK, viết phép nhân hai phân số để tính diện tích miếng vải cắt ra:



Viết vào chỗ chấm.

• Số?

– Diện tích hình vuông lớn: ..... m<sup>2</sup>.

– Diện tích một ô vuông:  $\frac{\dots}{\dots}$  m<sup>2</sup>.

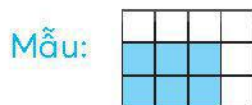
– Diện tích hình chữ nhật:  $\frac{\dots}{\dots}$  m<sup>2</sup>.

• Thực hiện phép nhân hai phân số:

$$\frac{3}{4} \times \frac{1}{2} = \frac{\dots \times \dots}{\dots \times \dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

• Muốn nhân hai phân số, ta nhân ..... với ..... nhân ..... với .....

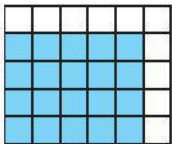
**1** Viết theo mẫu, biết mỗi hình dưới đây được chia thành các phần bằng nhau.



$$\frac{2}{3} \times \frac{3}{4} = \frac{2 \times 3}{3 \times 4} = \frac{1}{2}$$

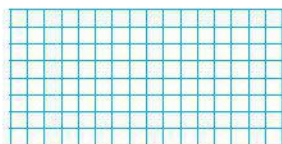
a)  $\frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots \times \dots}{\dots \times \dots} = \frac{\dots}{\dots}$

b)  $\frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots \times \dots}{\dots \times \dots} = \frac{\dots}{\dots}$

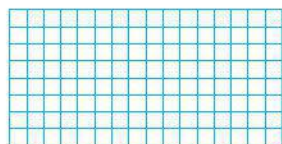
c)   $\frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots \times \dots}{\dots \times \dots} = \frac{\dots}{\dots}$

1 Tính.

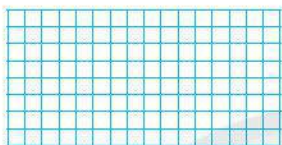
a)  $\frac{1}{6} \times \frac{2}{3}$



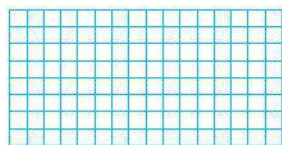
b)  $\frac{6}{5} \times \frac{3}{8}$



c)  $\frac{4}{3} \times \frac{8}{9}$

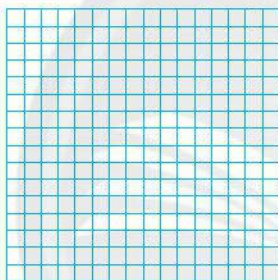


d)  $\frac{5}{12} \times \frac{12}{5}$

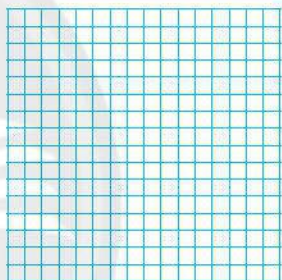


2 Viết các thừa số là số tự nhiên dưới dạng phân số rồi tính.

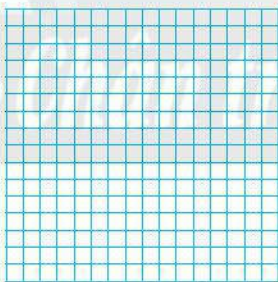
a)  $2 \times \frac{3}{14}$



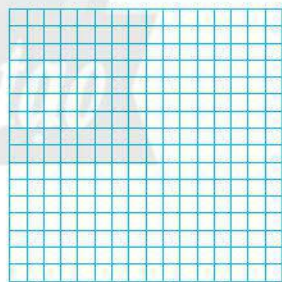
b)  $3 \times \frac{4}{9}$



c)  $\frac{7}{18} \times 6$



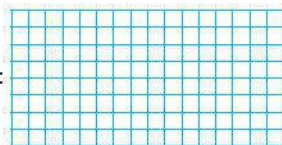
d)  $\frac{19}{12} \times 0$



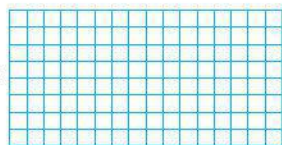
3 Tính rồi so sánh kết quả.

• Tính.

$\frac{2}{7} \times 3 =$



$\frac{2}{7} + \frac{2}{7} + \frac{2}{7} =$



•  $>, <, =$

$\frac{2}{7} \times 3 \dots\dots \frac{2}{7} + \frac{2}{7} + \frac{2}{7}$



4 Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau

A  $\frac{3}{5} \times \frac{10}{3}$

B  $\frac{9}{7} \times 1$

C  $\left(\frac{1}{4} \times \frac{2}{3}\right) \times \frac{6}{5}$

D  $\frac{8}{15} \times \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{4}\right)$

S  $\frac{8}{15} \times \frac{1}{2} + \frac{8}{15} \times \frac{1}{4}$

T  $\frac{10}{3} \times \frac{3}{5}$

U  $\frac{1}{4} \times \left(\frac{2}{3} \times \frac{6}{5}\right)$

V  $1 \times \frac{9}{7}$

Viết vào chỗ chấm: *phân số, giao hoán, kết hợp.*

Nhận xét:

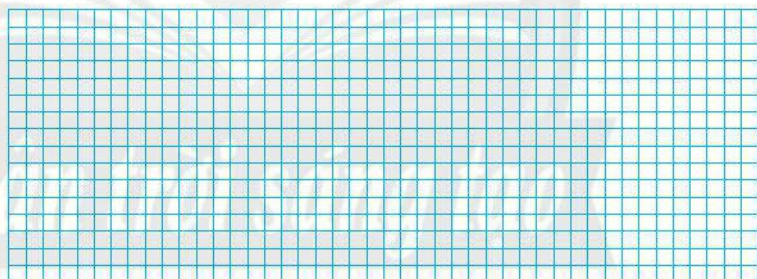
Phép nhân các phân số có tính chất ..... và .....

Một phân số nhân với 1 bằng chính ..... đó.

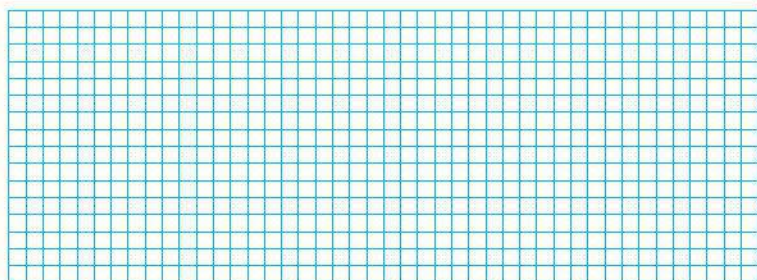
Tính chất nhân một số với một tổng được áp dụng với các .....

5 Tính.

a)  $\frac{7}{9} \times \frac{15}{28} \times \frac{9}{7}$



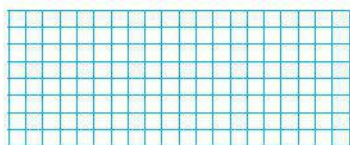
b)  $\frac{9}{32} \times \left(\frac{2}{3} + \frac{14}{21}\right)$



6 Đọc nội dung trong SGK rồi viết số vào chỗ chấm.

Phần màu vàng có diện tích là  $\frac{\dots}{\dots}$  m<sup>2</sup>.

Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK rồi viết phép chia hai phân số để tính chiều dài mảnh giấy cắt ra:



Viết vào chỗ chấm.

- Quan sát hình vẽ phần Cùng học.

– Diện tích hình chữ nhật là:  $\frac{\dots}{\dots} \text{ m}^2$ .

– Chiều rộng hình chữ nhật là:  $\frac{\dots}{\dots} \text{ m}$ .

– Chiều dài hình chữ nhật là:  $\frac{\dots}{\dots} \text{ m}$ .

- Thực hiện phép chia hai phân số

$$\frac{3}{4} : \frac{1}{2} = \frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

- Để thực hiện phép chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất ..... phân số thứ hai .....

- Tính.  $\frac{5}{18} : \frac{5}{6} = \frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

**1** Viết theo mẫu.

Mẫu:  $\frac{3}{5} : \frac{2}{3} = \frac{3}{5} \times \frac{3}{2}$

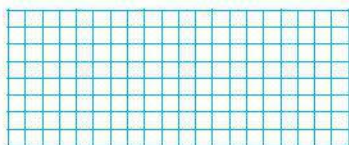
a)  $\frac{2}{7} : \frac{4}{9} = \frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots}$

b)  $\frac{12}{25} : \frac{6}{5} = \frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots}$

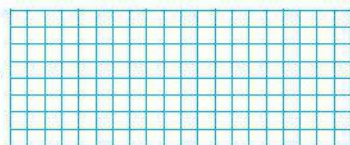
c)  $\frac{5}{8} : 3 = \frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots}$

**2** Tính.

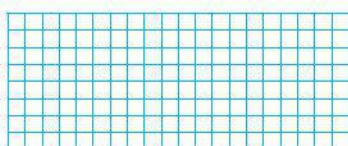
a)  $\frac{1}{6} : \frac{3}{7}$



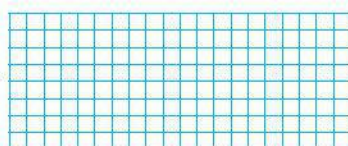
b)  $\frac{5}{12} : \frac{1}{4}$



$$c) \frac{4}{15} : \frac{8}{3}$$

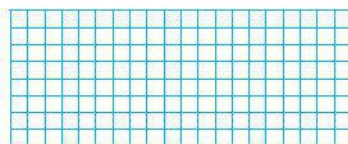


$$d) \frac{18}{5} : \frac{9}{10}$$

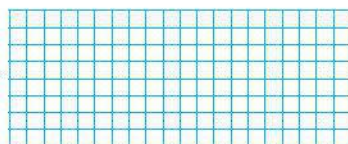


1 Tính.

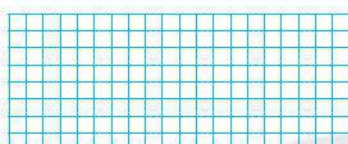
$$a) \frac{4}{25} : \frac{4}{3}$$



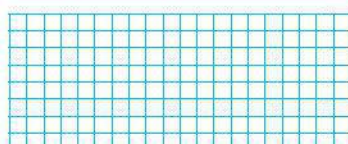
$$b) \frac{3}{14} : \frac{6}{7}$$



$$c) \frac{12}{15} : 2$$



$$d) \frac{21}{8} : 6$$



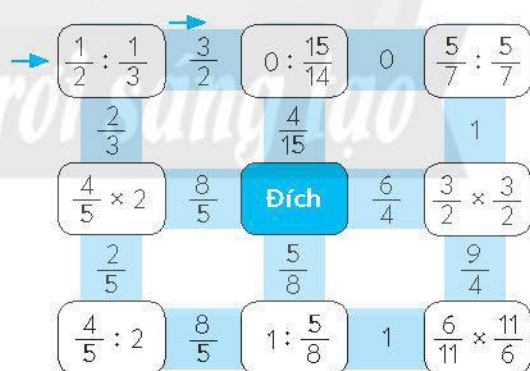
2 Tính.

|                          |                 |                                |
|--------------------------|-----------------|--------------------------------|
| Chiều dài hình chữ nhật  | $\frac{5}{6}$ m | $\frac{3}{4}$ m                |
| Chiều rộng hình chữ nhật | $\frac{2}{3}$ m | .....                          |
| Diện tích hình chữ nhật  | .....           | $\frac{21}{16}$ m <sup>2</sup> |
| Chu vi hình chữ nhật     | .....           | .....                          |

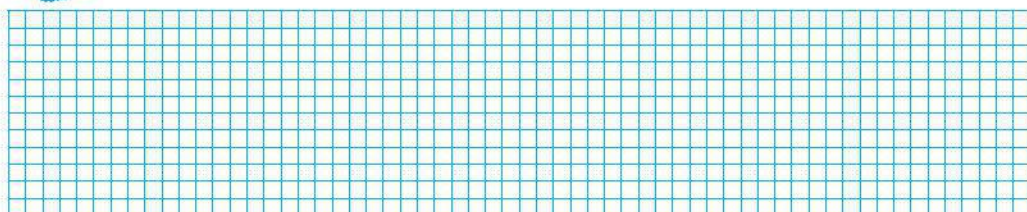


Đi theo kết quả của phép tính để về đích.

Hãy vẽ các mũi tên (theo mẫu).



Đọc nội dung trong SGK và giải bài toán.





**Bài toán:** Rổ cà chua có 15 quả, lấy ra  $\frac{2}{3}$  số quả trong rổ.

Hỏi đã lấy ra bao nhiêu quả cà chua?

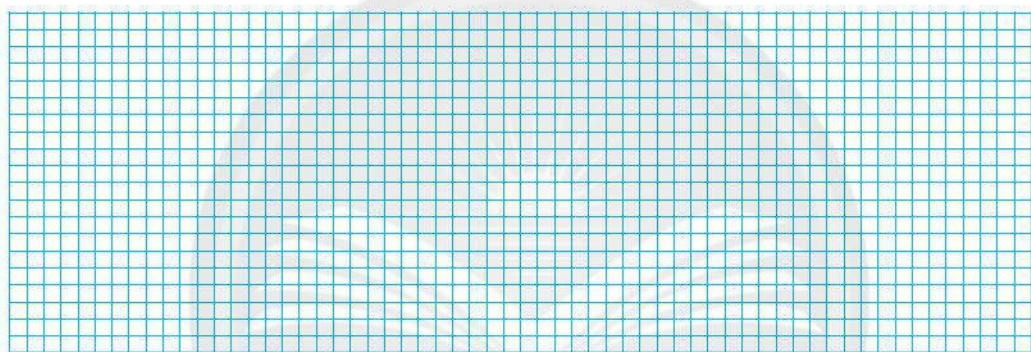
– **Tìm hiểu vấn đề**

Tìm  $\frac{\dots}{\dots}$  của ..... quả cà chua.



– **Lập kế hoạch**

Cách làm của em (hay nhóm em).



Viết vào chỗ chấm.

**Ví dụ 1:** Tính  $\frac{2}{3}$  của 15.

• Cách 1

$$15 : \dots \times \dots = \dots$$

• Cách 2

$$15 \times \frac{\dots}{\dots} = \dots$$

Muốn tìm phân số của một số, ta lấy số đó ..... phân số đã cho.

**Ví dụ 2:** Tính  $\frac{5}{6}$  của 18.

$$\dots \times \dots = \dots$$

$$\frac{5}{6} \text{ của } 18 \text{ là } \dots$$

**1** Tính.

a)  $\frac{1}{4}$  của 12

b)  $\frac{3}{5}$  của 20

c)  $\frac{5}{8}$  của 32

d)  $\frac{4}{7}$  của 35

**2** Tính.

a)  $\frac{3}{4}$  của 24 kg

b)  $\frac{5}{12}$  của 60 l

c)  $\frac{3}{10}$  của 1000 g

d)  $\frac{2}{7}$  của 56 m<sup>2</sup>

**1** Số?

a) Một đàn gà có 21 con, trong đó  $\frac{1}{7}$  số con gà là gà trống. Đàn gà đó có ..... con gà trống.

b) Trên kệ có 12 vĩ trứng vịt và một số vĩ trứng gà. Biết số vĩ trứng gà bằng  $\frac{5}{2}$  số vĩ trứng vịt. Trên kệ có ..... vĩ trứng gà.



**2** Số?

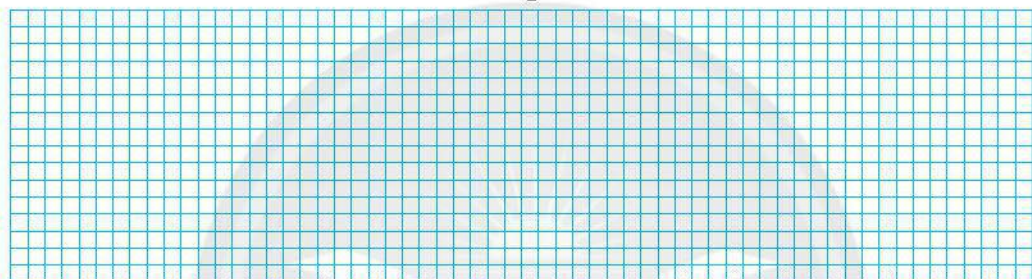
a)  $\frac{1}{10}$  m = ..... dm       $\frac{7}{100}$  m = ..... cm       $\frac{63}{1000}$  km = ..... m

b)  $\frac{1}{2}$  yến = ..... kg       $\frac{3}{4}$  tạ = ..... kg       $\frac{3}{10}$  kg = ..... g

c)  $\frac{1}{60}$  giờ = ..... phút       $\frac{5}{6}$  phút = ..... giây       $\frac{1}{4}$  thế kỉ = ..... năm

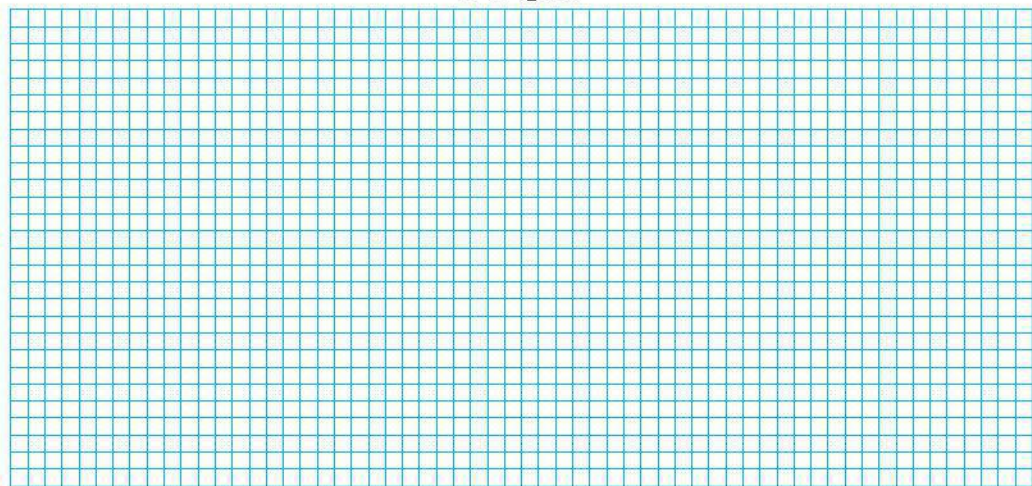
**3** Sơn thu dọn đồ đạc và lau nhà trong 1 giờ, việc thu dọn đồ đạc mất  $\frac{2}{3}$  giờ. Hỏi Sơn lau nhà trong bao nhiêu phút?

Bài giải



**4** Lớp 4E có 1872 000 đồng từ việc trồng rau và thu gom rác tái chế. Các bạn dự định dùng 1200 000 đồng để mua quà tặng các bạn vùng cao,  $\frac{3}{4}$  số tiền còn lại để giúp đỡ các bạn trong lớp có hoàn cảnh khó khăn, sau đó còn bao nhiêu tiền sẽ dùng để liên hoan. Tính số tiền dành cho việc liên hoan.

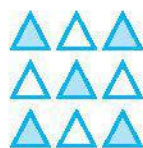
Bài giải





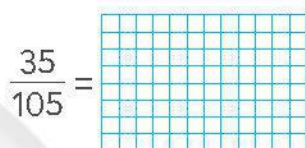
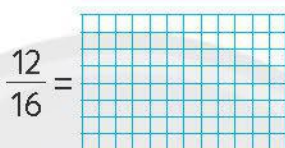
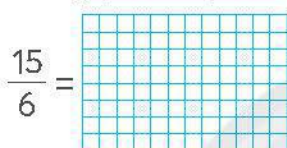
- 1 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Phân số chỉ phần được tô màu trong hình bên là:



- A.  $\frac{5}{4}$       B.  $\frac{4}{5}$       C.  $\frac{5}{9}$       D.  $\frac{9}{5}$

- 2 Rút gọn các phân số.



- 3 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

a)  $\frac{21}{49}$  là phân số tối giản. ☐

b) 6 cái bánh chia đều cho 12 bạn, mỗi bạn được  $\frac{1}{2}$  cái bánh. ☐

c) Đội văn nghệ của một trường tiểu học có 60 bạn, trong đó có 45 bạn nữ. Như vậy,  $\frac{4}{3}$  số bạn trong đội văn nghệ là nữ. ☐

d)  $3 = \frac{3}{1} = \frac{6}{2} = \frac{300}{100}$ . ☐

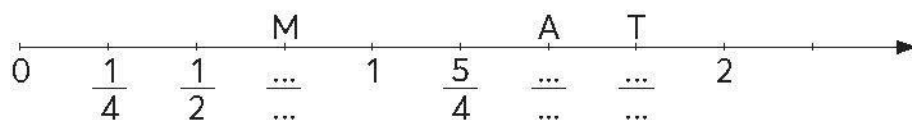
- 4 ☐ >, <, =

a)  $\frac{2}{3} \dots \frac{11}{18}$

b)  $\frac{36}{63} \dots \frac{5}{7}$

c)  $\frac{55}{110} \dots \frac{4}{8}$

- 5 Số?



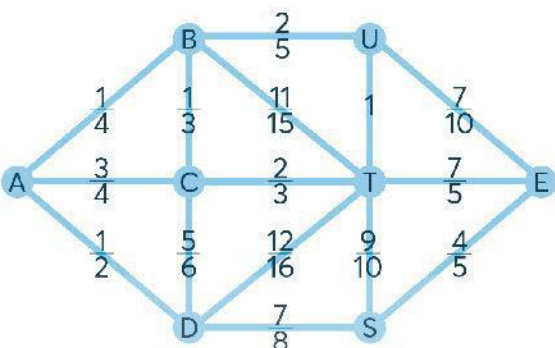


Vẽ các mũi tên để giúp hai bạn nhỏ đi từ A đến E.

Tới các ngã rẽ, chúng mình sẽ đi theo đường nào?

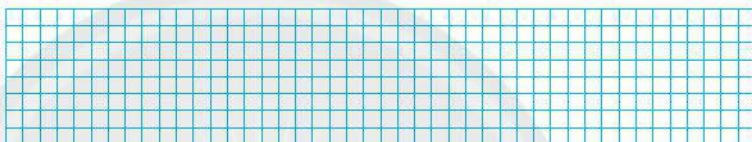


Theo đường có số lớn hơn hoặc theo đường có số lớn nhất.

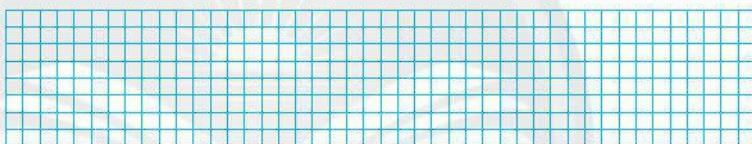


6 Tính giá trị của các biểu thức.

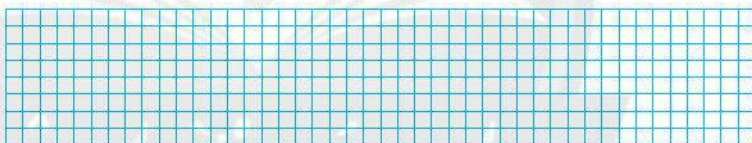
a)  $\frac{9}{14} - \frac{2}{7} + \frac{1}{7} =$



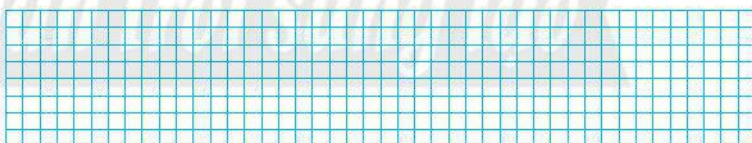
b)  $\frac{7}{10} + \frac{12}{25} : \frac{4}{5} =$



c)  $1 : \frac{3}{5} \times \frac{9}{10} =$



d)  $\left(\frac{15}{10} - \frac{1}{2}\right) \times \frac{32}{35} =$



7 Số?

a)  $\frac{1}{6} \times \dots = \frac{1}{6}$

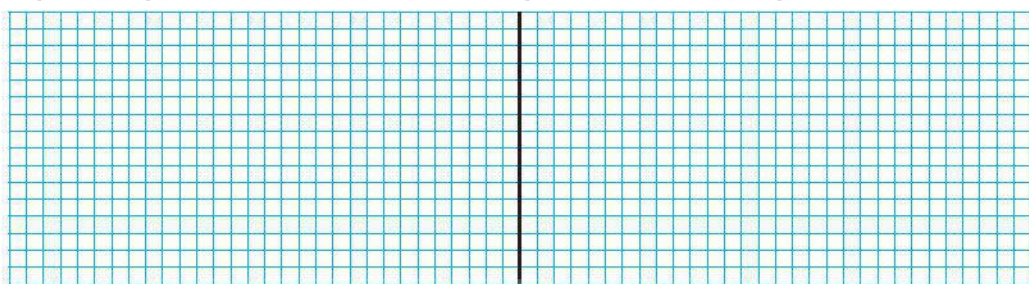
b)  $\dots \times \frac{4}{7} = 0$

c)  $\frac{5}{8} : \dots = \frac{5}{8}$

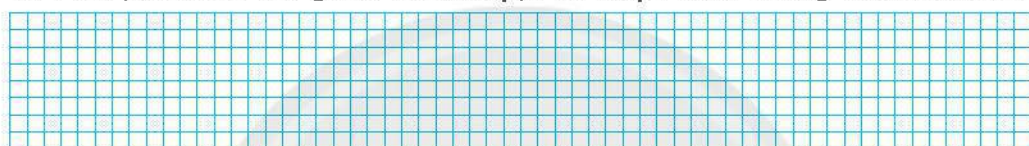
8 Số?

Ba xe tải lần lượt chở  $\frac{1}{2}$  tấn gạo,  $\frac{1}{4}$  tấn gạo và  $\frac{3}{4}$  tấn gạo.  
Trung bình mỗi xe chở ..... tấn gạo.

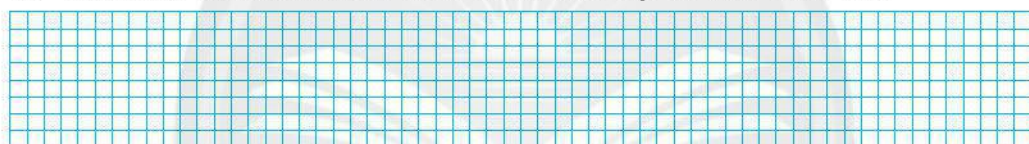
- 9 Con bò sữa nặng hơn con bò vàng là 2 tạ. Biết cả hai con cân nặng 7 tạ. Hỏi mỗi con bò cân nặng bao nhiêu tạ?



- 10 Xem biểu đồ và đọc thông tin trong SGK rồi thực hiện các yêu cầu.  
a) Viết phân số tối giản biểu thị phần học sinh đăng kí mỗi môn.



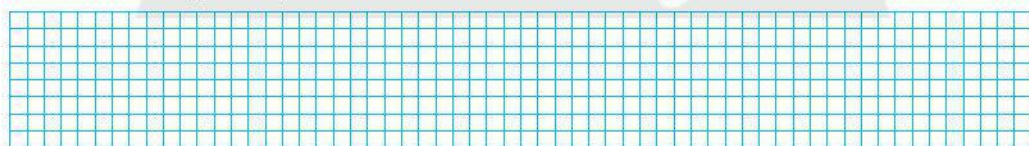
- b) Sắp xếp các phân số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.



Viết tên các môn thể thao có số học sinh đăng kí theo thứ tự từ nhiều đến ít.



- c) Tính tổng các phân số kể trên.



Đọc nội dung trong SGK rồi điền số vào chỗ chấm.

- a) Phân số tối giản chỉ số truyện thiếu nhi trong tủ sách là: .....

- b) Ta có thể nói:

Hơn  $\frac{1}{4}$  số sách trong tủ là truyện thiếu nhi vì ..... < .....

Số truyện thiếu nhi chưa tới  $\frac{1}{2}$  số sách trong tủ vì ..... > .....



## ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN VÀ CÁC PHÉP TÍNH

1 Làm theo mẫu.

| Đọc số                                       | Viết số     | Viết số thành tổng                |
|----------------------------------------------|-------------|-----------------------------------|
| Năm mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi tư     | 57 894      | $50\,000 + 7\,000 + 800 + 90 + 4$ |
| Ba trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm linh bảy | .....       | .....                             |
| .....                                        | 415 901 276 | .....                             |
| .....                                        | .....       | $7\,000\,000 + 20\,000 + 300 + 1$ |

2 Cho biết dân số của khu vực Đông Nam Á năm 2020 là:  
668 619 840 người.

a) Đọc số dân của khu vực Đông Nam Á năm 2020.

b) Viết vào chỗ chấm.

Trong số 668 619 840:

Lớp triệu gồm các chữ số .....

Chữ số 4 thuộc hàng ....., lớp .....

Các chữ số 8 kể từ trái sang phải, lần lượt có giá trị là:

.....

c) Làm tròn số dân của khu vực Đông Nam Á năm 2020 đến hàng nghìn thì được .....

3 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

- a) Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp nhau hơn (hoặc kém) nhau 1 đơn vị. ☐
- b) 0 là số tự nhiên bé nhất, không có số tự nhiên lớn nhất. ☐
- c) 90; 100; 110 là ba số tròn trăm liên tiếp. ☐



Vẽ mũi tên để giúp thỏ con tìm cà rốt.

Mẹ ơi!  
Cà rốt ở đâu?

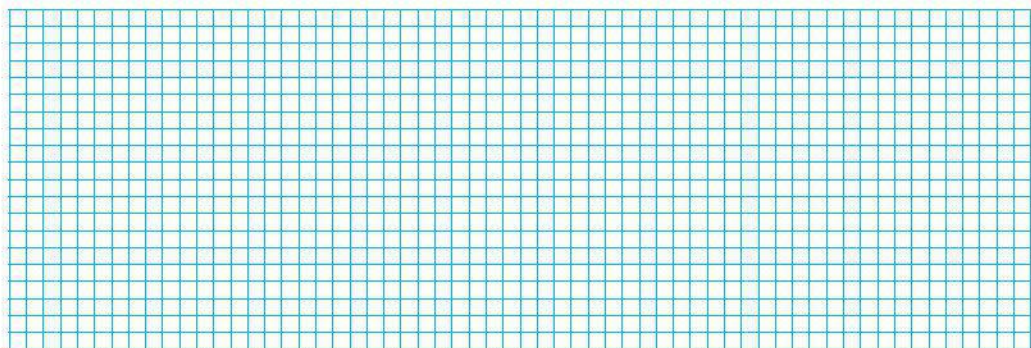


Con đi theo các nhóm  
ba số tự nhiên liên tiếp,  
ba số chẵn liên tiếp hoặc  
ba số lẻ liên tiếp.



Bạn Hà dùng  $\frac{1}{2}$  số vở của mình để tặng bạn.

- a) Số vở của Hà là số chẵn hay số lẻ? Vì sao?
- b) Số vở Hà tặng bạn có thể là số chẵn hay số lẻ? Vì sao?



**4** Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

a) Trong bốn thành phố, thành phố nhiều dân nhất là ..... thành phố ít dân nhất là .....

b) Viết tên bốn thành phố theo thứ tự từ nhiều dân đến ít dân: .....

**5** Số?

a) Có ..... số tự nhiên có một chữ số.

Có ..... số tự nhiên có hai chữ số.

b) Dùng cả năm chữ số 2, 5, 3, 0, 7 để viết:

– Số tự nhiên lớn nhất có năm chữ số: .....

– Số tự nhiên bé nhất có năm chữ số: .....

**6**

a) Viết chữ thích hợp vào chỗ chấm.

$$a + b = \dots + a$$

$$a \times b = b \times \dots$$

$$(a + b) + c = a + (b + \dots)$$

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times \dots)$$

$$a \times (b + c) = a \times b + a \times \dots$$

b) Nối phép tính với kết quả phù hợp.

$$a + 0$$

$$a - 0$$

$$a - a$$

$$a \times 0$$

$$0$$

$$1$$

$$a$$

$$a \times 1$$

$$a : 1$$

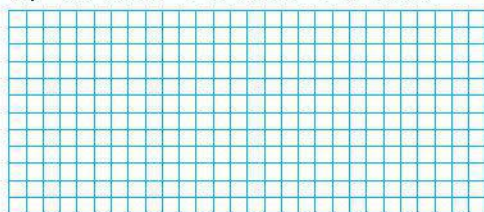
$$a : a \\ (a \text{ khác } 0)$$

$$0 : a \\ (a \text{ khác } 0)$$

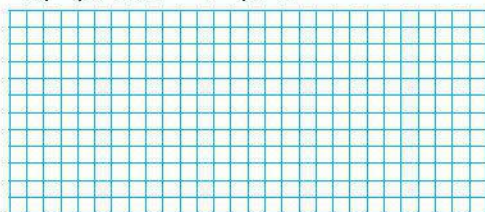


7 Tính.

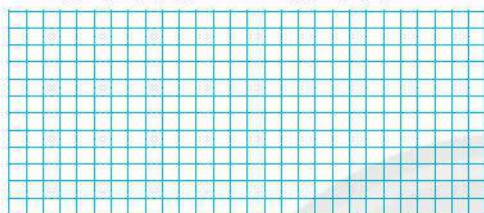
a)  $47\ 000 + 8\ 000 + 3\ 000$



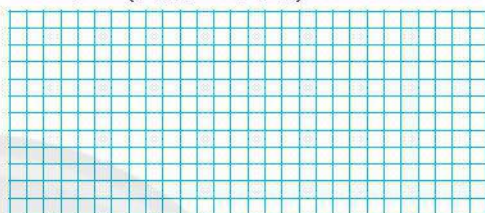
b)  $(3\ 075 - 75) : 3$



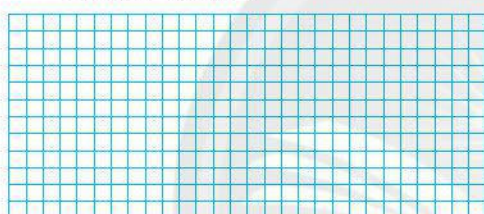
$250\ 000 - 5 \times 10\ 000$



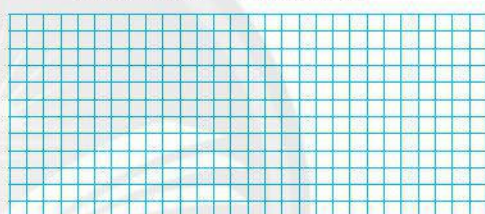
$8 \times (700 + 300)$



$20 \times 3 \times 5 \times 7$

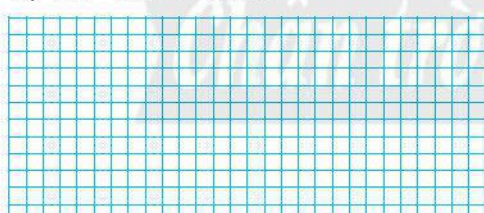


$92 \times 753 - 82 \times 753$

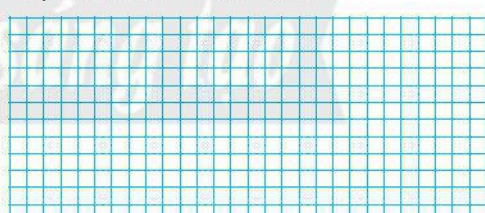


8 Đặt tính rồi tính.

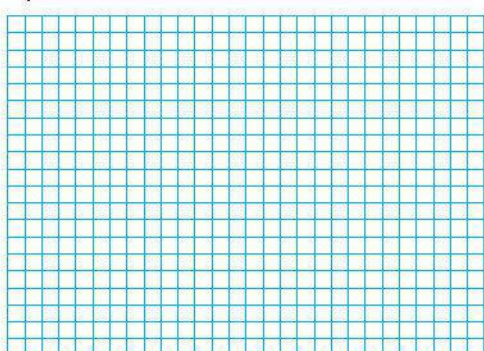
a)  $25\ 432 + 1\ 938$



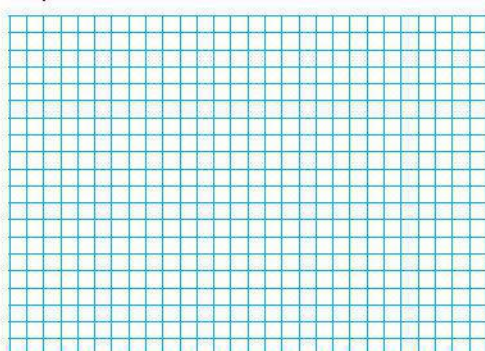
b)  $78\ 509 - 39\ 462$



c)  $714 \times 53$

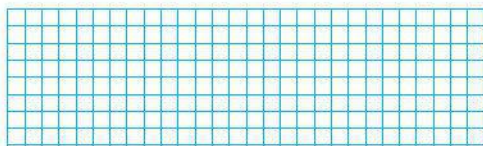


d)  $13\ 498 : 32$

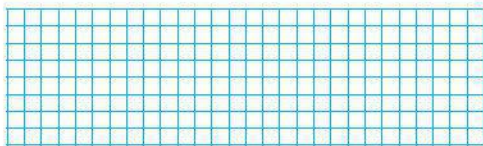


**9** Tính giá trị của các biểu thức.

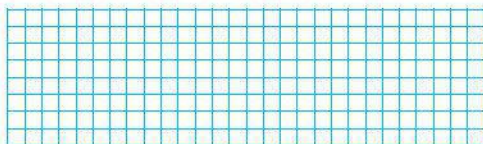
a)  $205730 - 531 \times 62$



b)  $7368 : 24 \times 84$



c)  $92456 \times (170 : 34 - 5)$



**10** Số?

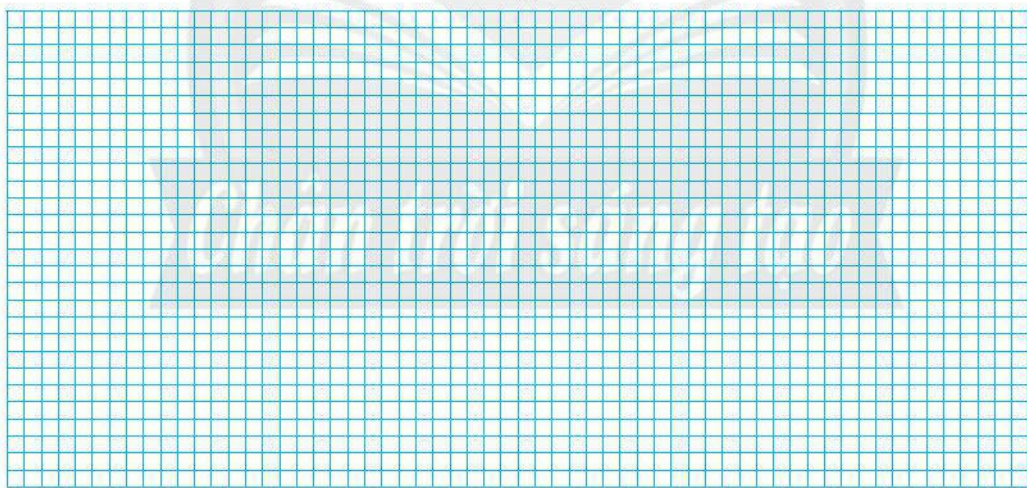
a) ..... - 948 = 6142

b)  $162 : \dots\dots\dots = 27$

c)  $36815 - \dots\dots\dots = 0$

**11** Đọc bài toán trong SGK rồi giải.

Bài giải



Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.



• Có ..... đồng.  
• Với số tiền trên, có thể mua được một chiếc xe màu ..... và một cái mũ bảo hiểm màu .....



Cá mặt trắng cái mỗi lần đẻ khoảng ..... trứng.



## ÔN TẬP PHÂN SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH

**1** Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a)  $\frac{4}{7}$  của hình chữ nhật đã được tô màu có nghĩa là:

A. Chia hình chữ nhật thành 7 phần, tô màu 4 phần.

B. Chia hình chữ nhật thành 7 phần bằng nhau, tô màu 4 phần.

C. Chia hình chữ nhật thành 4 phần, tô màu 7 phần.

D. Chia hình chữ nhật thành 4 phần bằng nhau, tô màu 7 phần.

b) Phân số  $\frac{6}{8}$  bằng phân số nào dưới đây?

A.  $\frac{4}{3}$

B.  $\frac{12}{16}$

C.  $\frac{15}{25}$

D.  $\frac{6}{4}$

2 Viết một phân số:

a) Bé hơn 1: .....

b) Lớn hơn 1: .....

c) Bảng 1: .....

3 Sắp xếp các số  $\frac{7}{6}$ ;  $\frac{2}{3}$ ;  $\frac{3}{2}$ ; 1 theo thứ tự từ bé đến lớn.

4 Tính.

a)  $\frac{5}{14} + \frac{1}{7}$

$$\frac{1}{2} - \frac{1}{6}$$

$$\frac{5}{12} - \frac{1}{4}$$

$$\frac{26}{35} + \frac{2}{5}$$

b)  $\frac{4}{21} \times \frac{9}{8}$

A blank sheet of graph paper with a light blue grid pattern. The grid consists of small squares, typical of standard graph paper used for mathematics or engineering. There are no markings, numbers, or text on the page.

$$\frac{1}{8} \times 2$$

$$\frac{2}{3} \div \frac{1}{12}$$

$$\frac{18}{27} : 1$$

A blank 10x10 grid for graphing, consisting of 10 columns and 10 rows of squares.



5 Số?

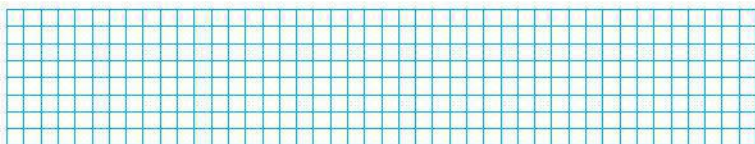
a)  $\frac{3}{8} - \dots = 0$

b)  $\dots \times \frac{2}{9} = 2$

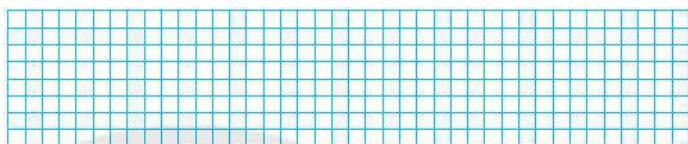
c)  $\dots : \frac{15}{17} = 0$

6 Tính.

a)  $\left(\frac{3}{4} + \frac{2}{8}\right) \times \frac{17}{18}$

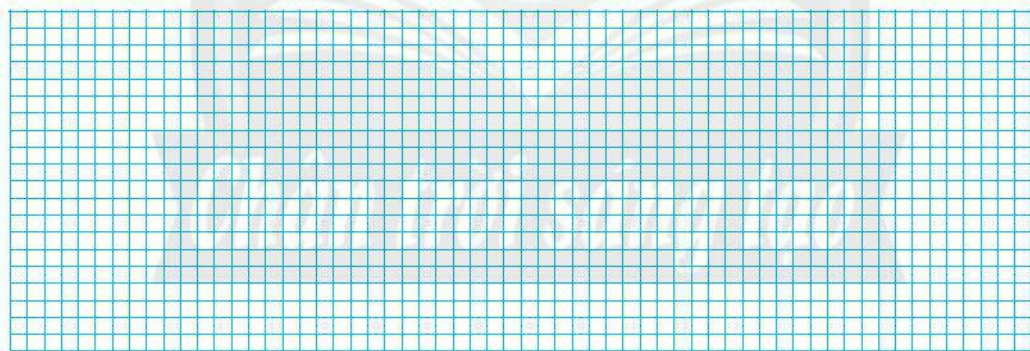


b)  $\frac{3}{2} \times \frac{5}{8} - \frac{1}{2} \times \frac{5}{8}$



7 Buổi sáng và buổi chiều Vân uống 2 l nước. Biết buổi chiều Vân uống nhiều hơn buổi sáng  $\frac{1}{2}$  l nước. Hỏi mỗi buổi Vân uống bao nhiêu lít nước?

Bài giải



8 Đọc nội dung trong SGK. Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

a) Lớp 4D có tất cả 32 học sinh. ☐

b)  $\frac{1}{4}$  số học sinh lớp 4D tham gia trồng cây xanh. ☐

c) Một nửa số học sinh lớp 4D làm vệ sinh môi trường. ☐

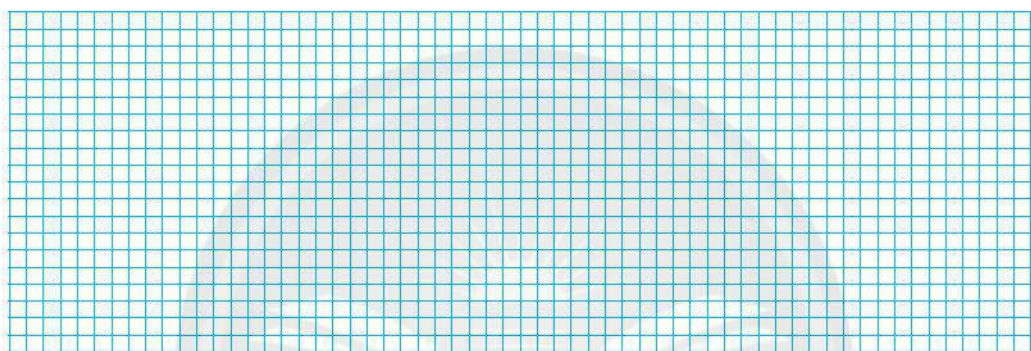
d) Số học sinh trồng cây gấp  $\frac{3}{2}$  lần số học sinh chăm sóc người già. ☐



Bạn Tí pha được một cốc nước chanh đầy. Tí uống một hơi hết  $\frac{1}{3}$  cốc nước chanh. Thấy ngọt quá, Tí pha thêm nước cho đầy cốc rồi uống  $\frac{2}{3}$  cốc. Thấy vẫn còn ngọt, Tí lại pha thêm nước cho đầy cốc rồi uống cạn.

Tính lượng nước bạn Tí đã pha thêm vào cốc nước chanh.

Bài giải



Số?

Lớp em có ..... học sinh, trong đó có:

..... học sinh nữ,

..... học sinh nam,

..... đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Viết phân số tối giản chỉ số học sinh dưới đây trong lớp em.

a) Số học sinh nữ: .....

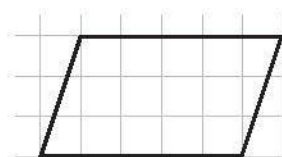
b) Số học sinh nam: .....

c) Số đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: .....

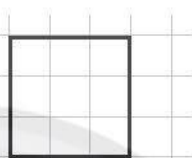
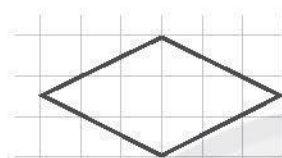
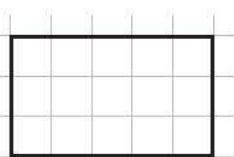
## ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1 Viết vào chỗ chấm.

a) Gọi tên các hình (theo mẫu).



Hình bình hành



b) Trong các hình đã cho ở câu a:

- Hình có hai cặp cạnh đối diện song song với nhau là:

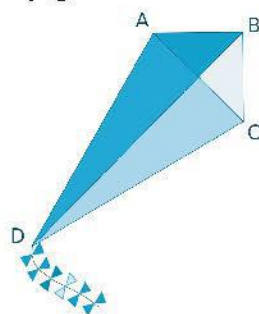
- Hình có bốn cạnh dài bằng nhau là:

- Hình có bốn góc vuông là:

2 Viết vào chỗ chấm: *góc vuông*, *góc nhọn* hay *góc tù*.

Trong tứ giác ABCD:

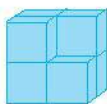
- Góc đỉnh A, cạnh AD, AB là .....
- Góc đỉnh B, cạnh BA, BC là .....
- Góc đỉnh C, cạnh CB, CD là .....
- Góc đỉnh D, cạnh DC, DA là .....



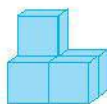


3 Nối hai hình để khi ghép lại sẽ được khối lập phương.

Hình A



Hình B



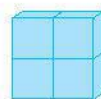
Hình C



Hình L



Hình M



Hình N



Xem hình vẽ trong SGK rồi viết vào chỗ chấm: *đỏ, tím, vàng, xanh dương* hay *xanh lá*.

a) Hai chiếc xe chạy trên hai con đường vuông góc với nhau là:

Xe màu ..... và xe màu .....

Xe màu ..... và xe màu .....

b) Hai chiếc xe chạy trên hai con đường song song với nhau là:

Xe màu ..... và xe màu .....



Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm: *đúng* hay *chưa đúng*.

Hai bạn đã làm ..... lời thầy giáo nói.



Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Người ta dùng các que tính dài bằng nhau để xếp các hình thoi. Mỗi que tính là một cạnh của một hình thoi. Số que tính vừa đủ để xếp các hình thoi là:

A. 281

B. 282

C. 283

D. 284

#### 4 Số?

a)

| m          | dm         | cm         | mm   |
|------------|------------|------------|------|
| 1 m        |            |            |      |
| = ..... dm | 1 dm       |            |      |
| = ..... cm | = ..... cm | 1 cm       |      |
| = ..... mm | = ..... mm | = ..... mm | 1 mm |

Hai đơn vị đo độ dài liền nhau trong bảng:

Đơn vị lớn hơn gấp ..... lần đơn vị bé hơn.

$$\frac{1}{10} \text{ m} = \dots\dots \text{ dm},$$

$$\frac{1}{10} \text{ cm} = \dots\dots \text{ mm}.$$

b)

| m <sup>2</sup>          | dm <sup>2</sup>         | cm <sup>2</sup>         | mm <sup>2</sup>   |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------|
| 1 m <sup>2</sup>        |                         |                         |                   |
| = ..... dm <sup>2</sup> | 1 dm <sup>2</sup>       |                         |                   |
| = ..... cm <sup>2</sup> | = ..... cm <sup>2</sup> | 1 cm <sup>2</sup>       |                   |
| = ..... mm <sup>2</sup> | = ..... mm <sup>2</sup> | = ..... mm <sup>2</sup> | 1 mm <sup>2</sup> |

Hai đơn vị đo diện tích liền nhau trong bảng:

Đơn vị lớn hơn gấp ..... lần đơn vị bé hơn.

$$\frac{1}{100} \text{ m}^2 = \dots\dots \text{ dm}^2,$$

$$\frac{1}{100} \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ mm}^2.$$

#### 5 Số?

a) 27 m = ..... cm

145 m = ..... mm

65 000 mm = ..... m

b) 8 m<sup>2</sup> = ..... dm<sup>2</sup>

77 cm<sup>2</sup> = ..... mm<sup>2</sup>

10 000 cm<sup>2</sup> = ..... m<sup>2</sup>

6 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

a) Hai đơn vị liền nhau trong các đơn vị đo khối lượng: tấn, tạ, yến, kg, đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn. ☐

b) Hai đơn vị liền nhau trong các đơn vị đo thời gian: thế kỉ, năm, tháng, tuần, ngày, giờ, phút, giây, đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn. ☐

c) 1 giờ = 60 phút, 1 phút = 60 giây, vậy 1 giờ = 3 600 giây. ☐

d) 1 km = 1000 m, 1 m = 1000 mm, 1 kg = 1000 g, 1 l = 1000 ml. ☐

7 Đọc nội dung trong SGK rồi khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

A. 8 giờ 15 phút sáng ngày 31 tháng 4 năm 2022.

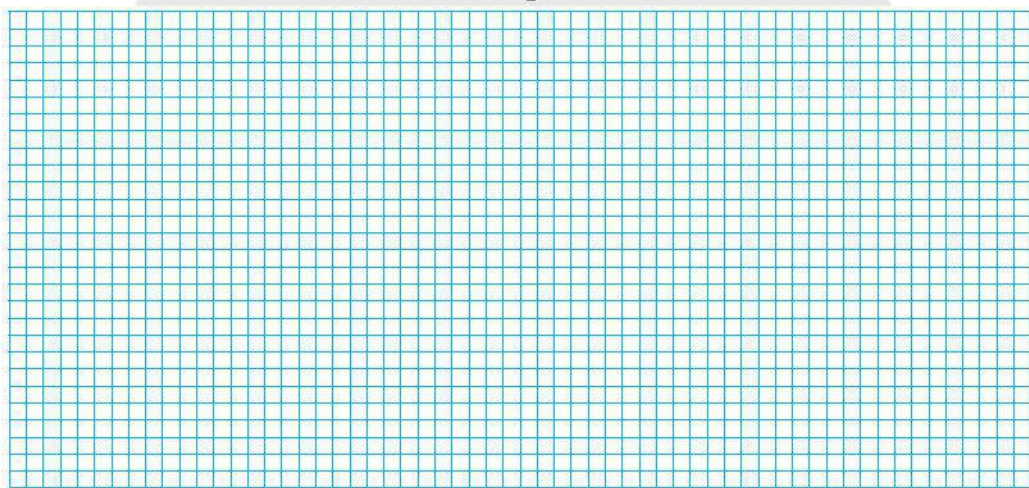
B. 6 giờ 15 phút chiều ngày 31 tháng 4 năm 2022.

C. 8 giờ 15 phút sáng ngày 1 tháng 5 năm 2022.

D. 6 giờ 15 phút chiều ngày 1 tháng 5 năm 2022.

8 Nền một phòng học hình chữ nhật có nửa chu vi là 14 m, chiều dài hơn chiều rộng 2 m. Tính diện tích phòng học đó.

Bài giải







Số?

Cho biết thời gian máy bay bay từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Phú Quốc là chưa đến 1 giờ. Nếu tính theo phút, thời gian bay là số tròn chục lớn hơn  $\frac{3}{2}$  giờ. Thời gian bay từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Phú Quốc khoảng ..... phút.



Số?

Nhà hát Lớn Hà Nội là một công trình có giá trị cao về mặt kiến trúc, văn hoá và lịch sử. Nơi đây thường xuyên diễn ra những chương trình biểu diễn nghệ thuật và giao lưu văn hoá.

Nhà hát được bắt đầu xây dựng từ năm thứ nhất và hoàn thành vào năm thứ 11 của thế kỉ XX.

Vậy nhà hát Lớn Hà Nội đã hoàn thành vào năm .....



## ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

**1** Đọc nội dung và quan sát biểu đồ trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

a) Số học sinh học trực tuyến của các khối lớp là:

Khối lớp 1: ..... học sinh.

Khối lớp 2: ..... học sinh.

Khối lớp 3: ..... học sinh.

Khối lớp 4: ..... học sinh.

Khối lớp 5: ..... học sinh.

Khối lớp ..... có nhiều học sinh học trực tuyến nhất.

Khối lớp ..... có ít học sinh học trực tuyến nhất.

b) Trung bình mỗi khối lớp có ..... học sinh học trực tuyến.

2 Trò chơi Ai lấy được nhiều thẻ mang số chẵn nhất?

Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.

– Mỗi lần lấy được một thẻ mang số chẵn, em vẽ một vạch.

[illegible]

– Viết vào chỗ chấm.

- Em lấy được tất cả ..... lần thẻ mang số chẵn.
- Trong nhóm (hoặc tổ) em, bạn ..... lấy được nhiều lần thẻ mang số chẵn nhất.

## LÀM SỮA CHUA CÓ VỊ DÂU

Viết vào chỗ chấm.

### 1. Chuẩn bị nguyên liệu

a) Các nhóm đọc kĩ công thức làm sữa chua trong SGK.

– Công thức này dùng để làm ... hũ sữa chua (mỗi hũ khoảng ..... ml).

– Cần ..... loại nguyên liệu, số lượng mỗi loại nguyên liệu như sau:

+ Sữa đặc: ... hộp ..... g                      + Sữa chua cái: ... hộp ..... ml

+ Sữa tươi có vị dâu: ..... l                      + Nước lọc: ..... l

b) Dự tính nguyên liệu và tiền để làm ..... hũ sữa chua.

| Nguyên liệu        | Số lượng  | Số tiền    |
|--------------------|-----------|------------|
| Sữa đặc có đường   | ..... hộp | ..... đồng |
| Sữa chua cái       | ..... hộp | ..... đồng |
| Sữa tươi có vị dâu | ..... ml  | ..... đồng |
| Nước lọc           | ..... ml  | ..... đồng |

Tổng cộng hết khoảng ..... đồng.

c) Em được phân công chuẩn bị nguyên liệu hay vật dụng gì?

.....

### 2. Làm sữa chua theo hướng dẫn trong SGK.



Em cùng người thân chuẩn bị nguyên liệu để làm ..... hũ sữa chua và mời cả nhà dùng.



---

**Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.**

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THANH HÀ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ –  
ĐẶNG THỊ THÚY

Thiết kế sách: NGỌC HÀ – ĐAN THANH

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Minh hoạ: NGỌC HÀ – ĐAN THANH

Sửa bản in: TRẦN THANH HÀ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ –  
ĐẶNG THỊ THÚY

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

---

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

---

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.



**VỞ BÀI TẬP TOÁN 4 – TẬP HAI (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)**

**Mã số: G2BH4T002M23**

In ..... bản, (QĐ ....) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: ..... địa chỉ .....

Cơ sở in: ..... địa chỉ .....

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/10-2157/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35211-8

Tập hai: 978-604-0-35212-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



## BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- |                                                                    |                                                   |
|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1. Vở bài tập<br>TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT                            | 9. Vở bài tập<br>TIN HỌC 4                        |
| 2. Vở bài tập<br>TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI                            | 10. Vở bài tập<br>CÔNG NGHỆ 4                     |
| 3. Vở bài tập<br>TOÁN 4 – TẬP MỘT                                  | 11. Vở bài tập<br>ÂM NHẠC 4                       |
| 4. Vở bài tập<br>TOÁN 4 – TẬP HAI                                  | 12. Vở bài tập<br>MĨ THUẬT 4 (BẢN 1)              |
| 5. TIẾNG ANH 4 Family and Friends<br>(National Edition) – Workbook | 13. Vở bài tập<br>MĨ THUẬT 4 (BẢN 2)              |
| 6. Vở bài tập<br>ĐẠO ĐỨC 4                                         | 14. Vở bài tập<br>HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1) |
| 7. Vở bài tập<br>KHOA HỌC 4                                        | 15. Vở bài tập<br>HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 2) |
| 8. Vở bài tập<br>LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4                               |                                                   |

### Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

**Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-35212-5



**Giá: ..... đ**